

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ, RANH GIỚI KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH

0 5 10 20 25

1CM = 5M



STT	X(M)	Y(M)
M1	2179336.8426	579354.0551
M2	2179259.2449	579357.3111
M3	2179149.9074	579361.8990
M4	2179134.9192	579401.7450
M5	2179102.1800	579390.7900
M6	2179119.9000	579340.7800
M7	2179145.7269	579351.7101
M8	2179155.5365	579325.6311
M9	2179189.1595	579324.2203
M10	2179191.5800	579313.6800
M11	2179209.3669	579319.5397
M12	2179232.9700	579319.8200
M13	2179251.7100	579319.5100
M14	2179263.3000	579318.5400
M15	2179277.3000	579318.1400
M16	2179279.5900	579319.4000
M17	2179297.1100	579319.6700
M18	2179333.3754	579317.5119
M19	2178963.0599	579527.5962
M20	2178968.7444	579584.2372
M21	2178929.4418	579588.1818
M22	2178922.7319	579521.3232
M23	2178410.2831	578228.0762
M24	2178328.5647	578230.0774
M25	2178327.5078	578194.2782
M26	2178352.5234	578189.8165
M27	2178352.4539	578186.9796
M28	2178357.8579	578186.8473
M29	2178385.0602	578182.4831
M30	2178403.5747	578210.9107
M31	2177967.8301	579776.3298
M32	2177968.5579	579806.9240
M33	2177942.4188	579806.1487
M34	2177941.9394	579776.9454

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:/QĐ-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2025

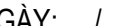
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KÈM THEO VĂN BẢN SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG HỢP
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ NGÀY..... THÁNG NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ,
XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

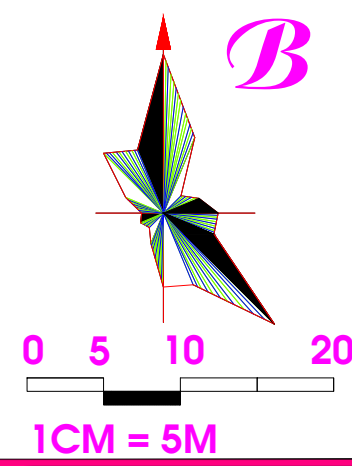
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ, RANH GIỚI KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH

BẢN VẼ: QH - 01	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ: 1/5000	NGÀY: / / 202.....
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN		
CHỦ TRÌ			
QL KỸ THUẬT	KS. LỮ TRONG THİN		

GIÁM ĐỐC			
NGUYỄN VĂN DẰNG			


 ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH TST
 ĐỊA CHỈ: KHỐI 2, TT RỪNG THÔNG-ĐÔNG SƠN - THANH HÓA
 TEL: (037.3) 507.295 - FAX:

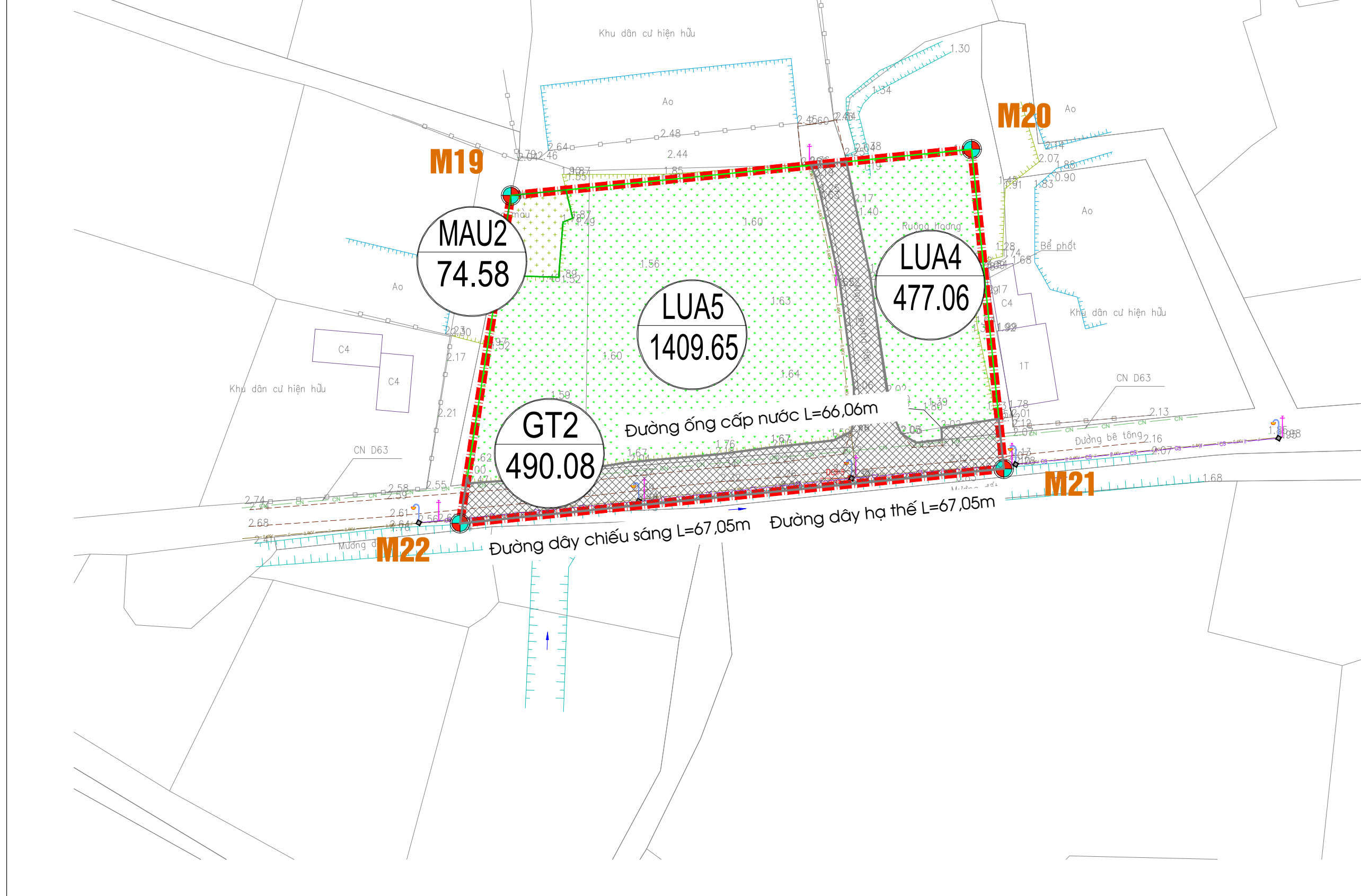
BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP



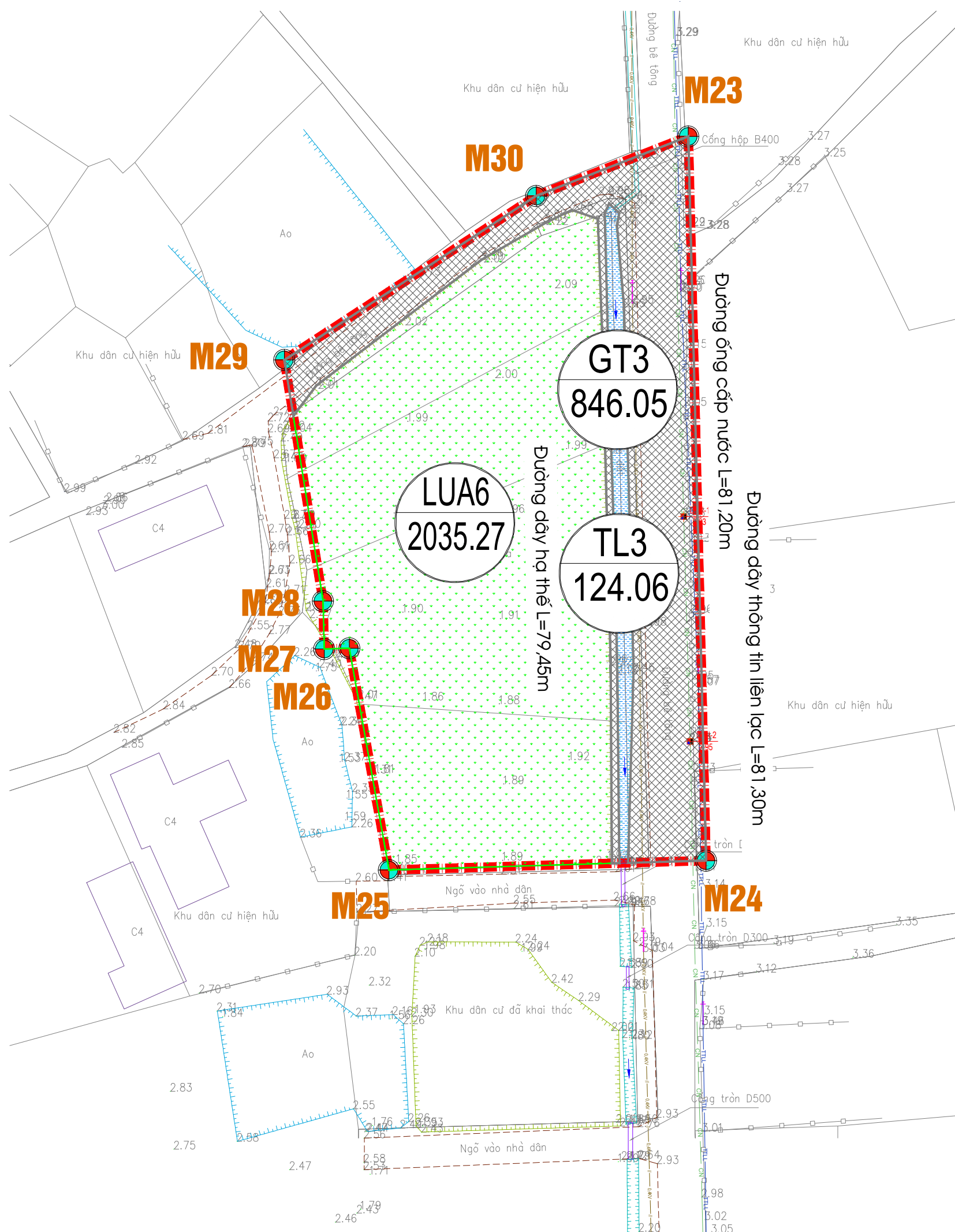
VỊ TRÍ 1: THÔN ỚN GIANG



VỊ TRÍ 2: THÔN BÌNH DANH



VỊ TRÍ 3: THÔN HỢP LỰC



TẠO ĐỘ MỐC GIỚI QUY HOẠCH
(THEO MỐC TỌA ĐỘ VN-2000)

STT	X(m)	Y(m)
M1	2179336.8426	579354.0551
M2	2179259.2449	579357.3111
M3	2179149.9074	579361.8990
M4	2179134.9192	579401.7450
M5	2179102.1800	579390.7900
M6	2179119.9000	579340.7800
M7	2179145.7269	579351.7101
M8	2179155.5365	579325.6311
M9	2179189.1595	579324.2203
M10	2179191.5800	579313.6800
M11	2179209.3669	579319.5397
M12	2179232.9700	579319.8200
M13	2179251.7100	579319.5100
M14	2179263.3000	579318.5400
M15	2179277.3000	579318.1400
M16	2179279.5900	579319.4000
M17	2179297.1100	579319.6700
M18	2179333.3754	579317.5119
M19	2178963.0599	579527.5962
M20	2178968.7444	579584.2372
M21	2178929.4418	579588.1818
M22	2178922.7319	579521.3232
M23	2178410.2831	578228.0762
M24	2178328.5647	578230.0774
M25	2178327.5078	578194.2782
M26	2178352.5234	578189.8165
M27	2178352.4539	578186.9796
M28	2178357.8579	578186.8473
M29	2178385.0602	578182.4831
M30	2178403.5747	578210.9107
M31	2177967.8301	579776.3298
M32	2177968.5579	579806.9240
M33	2177942.4188	579806.1487
M34	2177941.9394	579776.9454

QUY MÔ, RANH GIỚI VỊ TRÍ QUY HOẠCH

1. Vị trí quy hoạch:

Khu vực lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trên thuộc địa giới hành chính thôn Ớn Giang, Bình Danh, Hợp Lực và Linh Hùng xã Quảng Hợp, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch:

a. Vị trí 1: Thôn Ớn Giang

* Ranh giới:

- + Phía Bắc: Giáp đất nhà văn hóa.
- + Phía Nam: Giáp đất nông nghiệp.
- + Phía Đông: Giáp đất khu dân cư.
- + Phía Tây: Giáp đất nông nghiệp.

* Quy mô:

- + Diện tích quy hoạch: 0.88ha.
- + Diện tích đo vẽ quy hoạch: 1,14ha.

b. Vị trí 2: Thôn Bình Danh

* Ranh giới:

- + Phía Bắc: Giáp đất khu dân cư.
- + Phía Nam: Giáp đất khu dân cư.
- + Phía Đông: Giáp đất khu dân cư.
- + Phía Tây: Giáp đất khu dân cư.

* Quy mô:

- + Diện tích quy hoạch: 0.25ha.
- + Diện tích đo vẽ quy hoạch: 0.33ha.

c. Vị trí 3: Thôn Hợp Lực

* Ranh giới:

- + Phía Bắc: Giáp đất khu dân cư.
- + Phía Nam: Giáp đất khu dân cư.
- + Phía Đông: Giáp đất khu dân cư.
- + Phía Tây: Giáp đường giao thông và đất khu dân cư.

* Quy mô:

- + Diện tích quy hoạch: 0.30ha.
- + Diện tích đo vẽ quy hoạch: 0.39ha.

c. Vị trí 4: Thôn Linh Hùng

* Ranh giới:

- + Phía Bắc: Giáp đất khu dân cư.
- + Phía Nam: Giáp đất nông nghiệp.
- + Phía Đông: Giáp đất khu dân cư.
- + Phía Tây: Giáp đất nông nghiệp.

* Quy mô:

- + Diện tích quy hoạch: 0.08ha.
- + Diện tích đo vẽ quy hoạch: 0.10ha.

BẢNG THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT			
STT	LOẠI ĐẤT (KÍ HIỆU)	DIỆN TÍCH(M2)	TỶ LỆ (%)
A. VỊ TRÍ 1: THÔN ỚN GIANG			
I	ĐẤT TRỒNG LÚA (LUA)	6.227,37	70,74
1	LUA 1	1.970,91	
2	LUA 2	2.727,58	
3	LUA 3	1.528,88	
II	ĐẤT TRỒNG MÀU (MAU)	228,37	2,59
1	MAU 1	228,37	
III	ĐẤT KÊNH MUƠNG THỦY LỢI (TL)	150,74	1,71
1	TL 1	62,67	
2	TL 2	88,07	
IV	ĐẤT GIAO THÔNG (GT)	2.196,95	24,96
1	GT 1	2.196,95	
TỔNG		8.803,43	100,00
B. VỊ TRÍ 2: THÔN BÌNH DANH			
I	ĐẤT TRỒNG LÚA (LUA)	1.886,71	76,97
1	LUA 4	477,06	
2	LUA 5	1.409,65	
II	ĐẤT TRỒNG MÀU (MAU)	74,58	3,04
1	MAU 2	74,58	
III	ĐẤT GIAO THÔNG (GT)	490,08	19,99
1	GT 2	490,08	
TỔNG		2.451,37	100,00
C. VỊ TRÍ 3: THÔN HỢP LỰC			
I	ĐẤT TRỒNG LÚA (LUA)	2.035,27	67,72
1	LUA 6	2.035,27	
II	ĐẤT KÊNH MUƠNG THỦY LỢI (TL)	124,06	4,13
1	TL 3	124,06	
III	ĐẤT GIAO THÔNG (GT)	846,05	28,15
1	GT 3	846,05	
TỔNG		3.005,36	100,00
D. VỊ TRÍ 4: THÔN LINH HÙNG			
I	ĐẤT TRỒNG KEO (KEO)	629,32	80,91
1	KEO 1	629,32	
II	ĐẤT GIAO THÔNG (GT)	148,44	19,09
1	GT 3	148,44	
TỔNG		777,76	100,00

BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ ĐẤT			
STT	Loại đất	Diện tích(ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất thuần lại xây dựng	15.037,92	100,00
Tổng diện tích		15.037,92	100,00

BẢNG THỐNG KÊ HẠ TẦNG HIỆN TRẠNG			
STT	Loại đất	Đơn vị	Khối lượng
1	Đường dây chiếu sáng	m	234,01
2	Đường dây hạ thế	m	146,95
3	Cột đèn chiếu sáng	cột	6,00
4	Đường ống cấp nước sạch	m	381,17
5	Đường dây thông tin liên lạc	m	81,30

VỊ TRÍ 4: THÔN LINH HÙNG



CHÚ THÍCH

- ĐẤT TRỒNG MÀU
- ĐẤT TRỒNG KEO
- ĐẤT TRỒNG LÚA
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- MẶT NƯỚC, AO, HỒ, MUƠNG
- RANH GIỚI QUY HOẠCH

A : KÍ HIỆU LỖ ĐẤT
S : DIỆN TÍCH KHU ĐẤT (M2)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KEM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:/QĐ-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2025

ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KEM THEO VĂN BẢN SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG HỢP
KEM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ,
XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP

BẢN VẼ: QH - 02 GHÉP: 1A0 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY:...../...../2025

THIẾT KẾ: KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

CHỦ TRÌ: KS. LỮ TRỌNG THÌN

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN ĐĂNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH TST

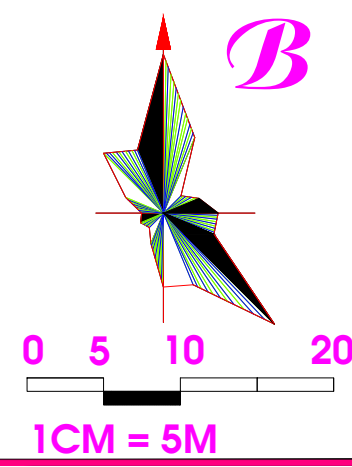
ĐỊA CHỈ: KHỐI 2, TT RỪNG THÔNG - ĐÔNG SƠN - THANH HÓA

TEL: (037.3) 507.296 - FAX:.....

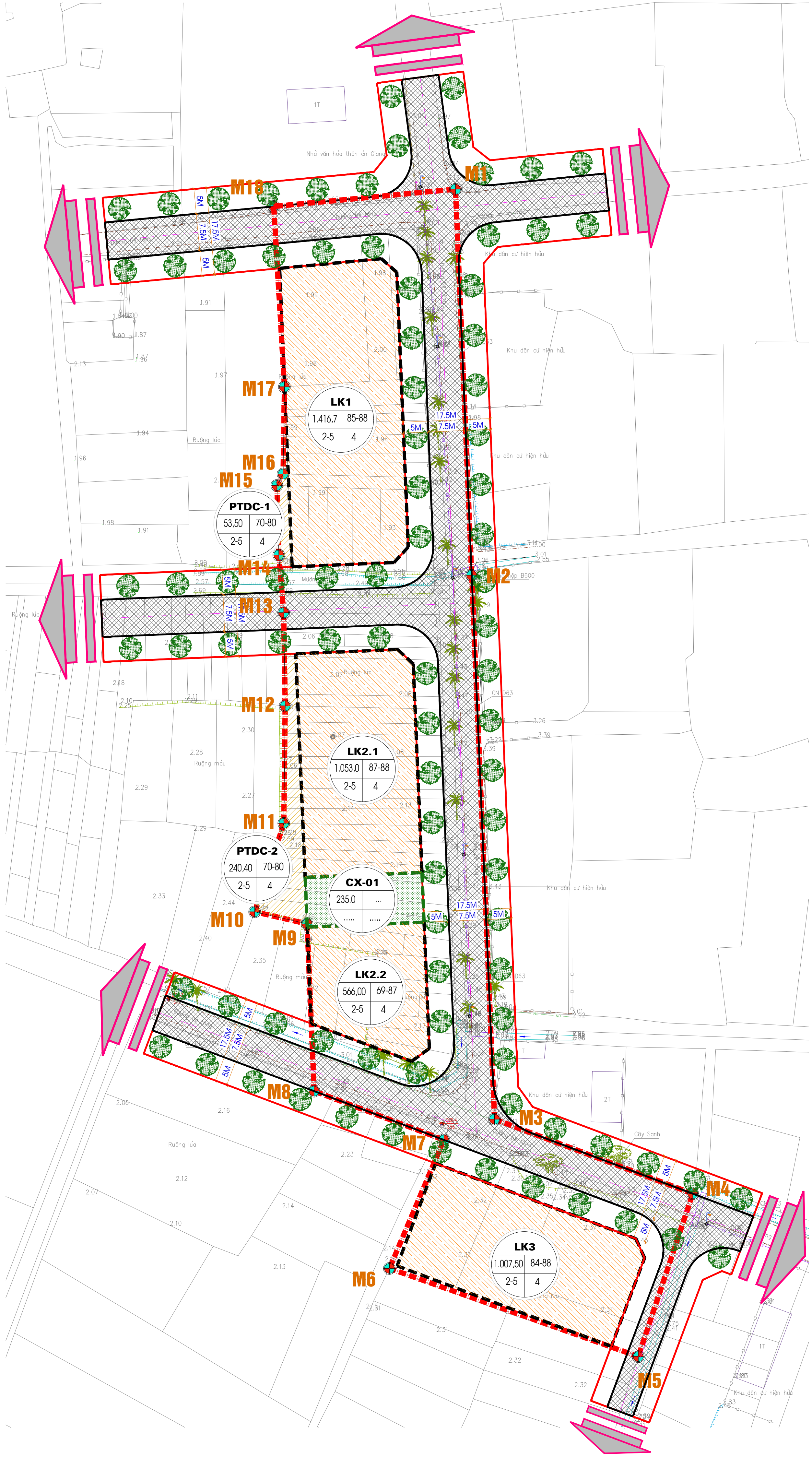
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ, XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

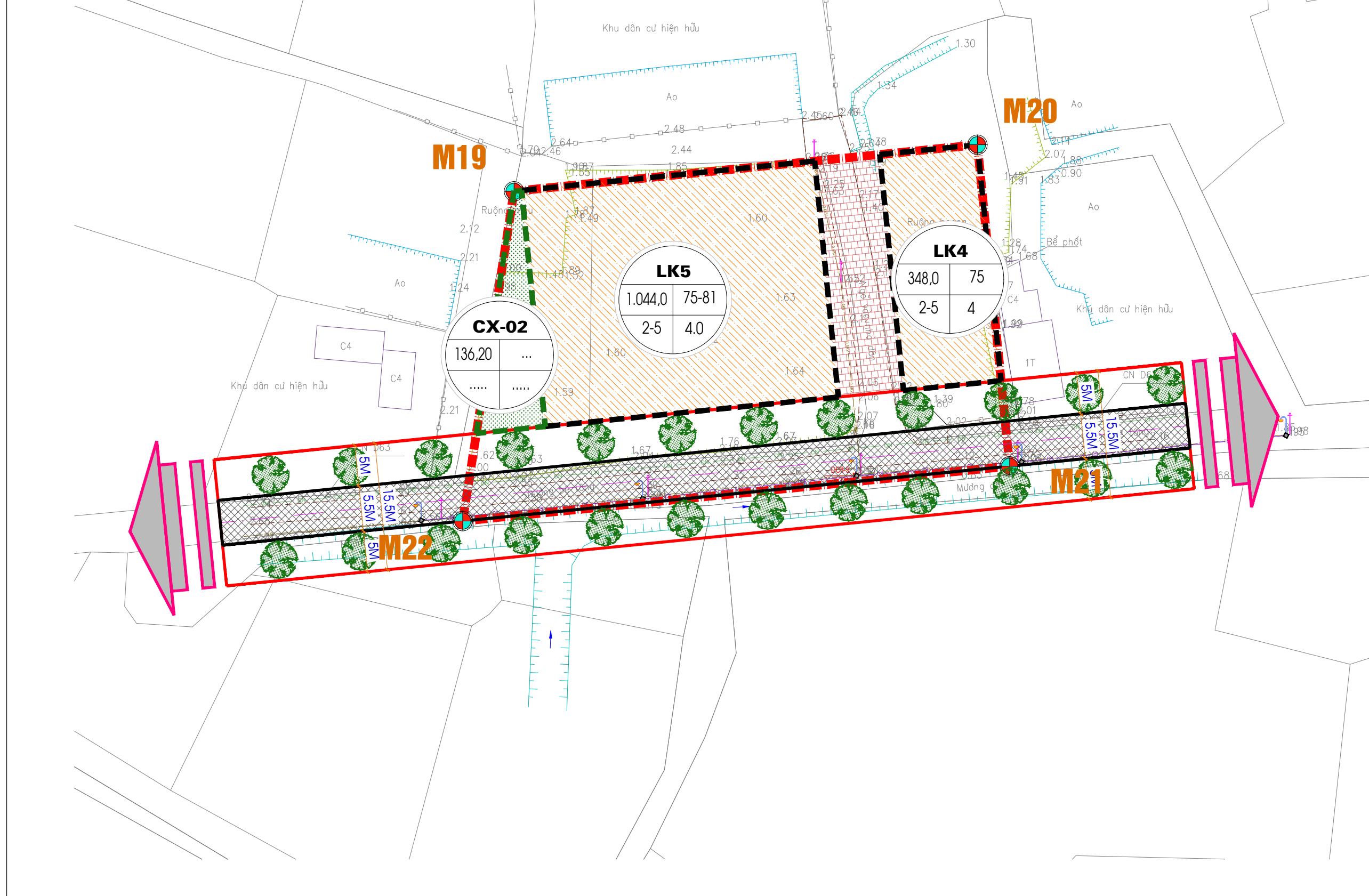
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT



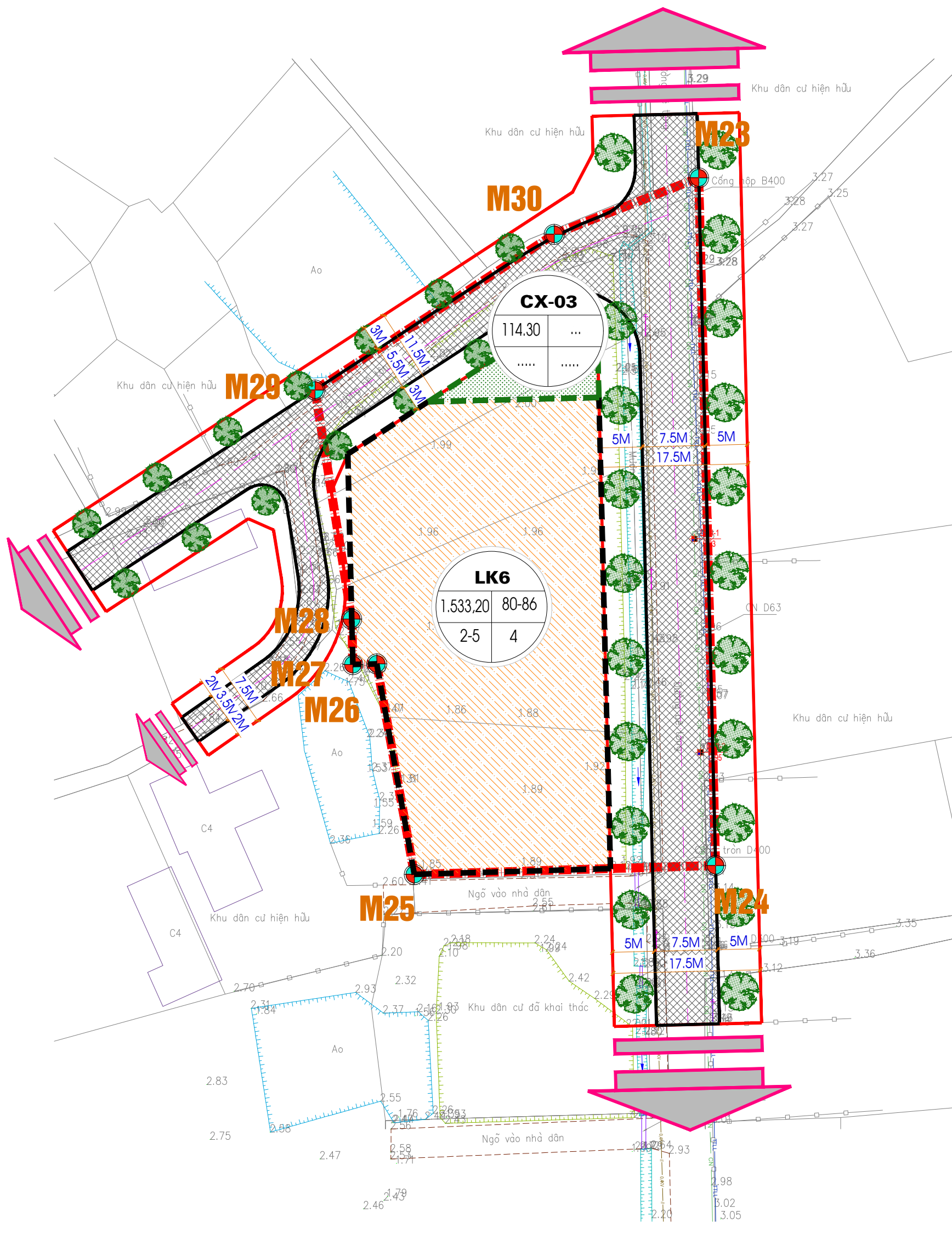
VỊ TRÍ 1: THÔN ỚN GIANG



VỊ TRÍ 2: THÔN BÌNH DANH



VỊ TRÍ 3: THÔN HỢP LỰC



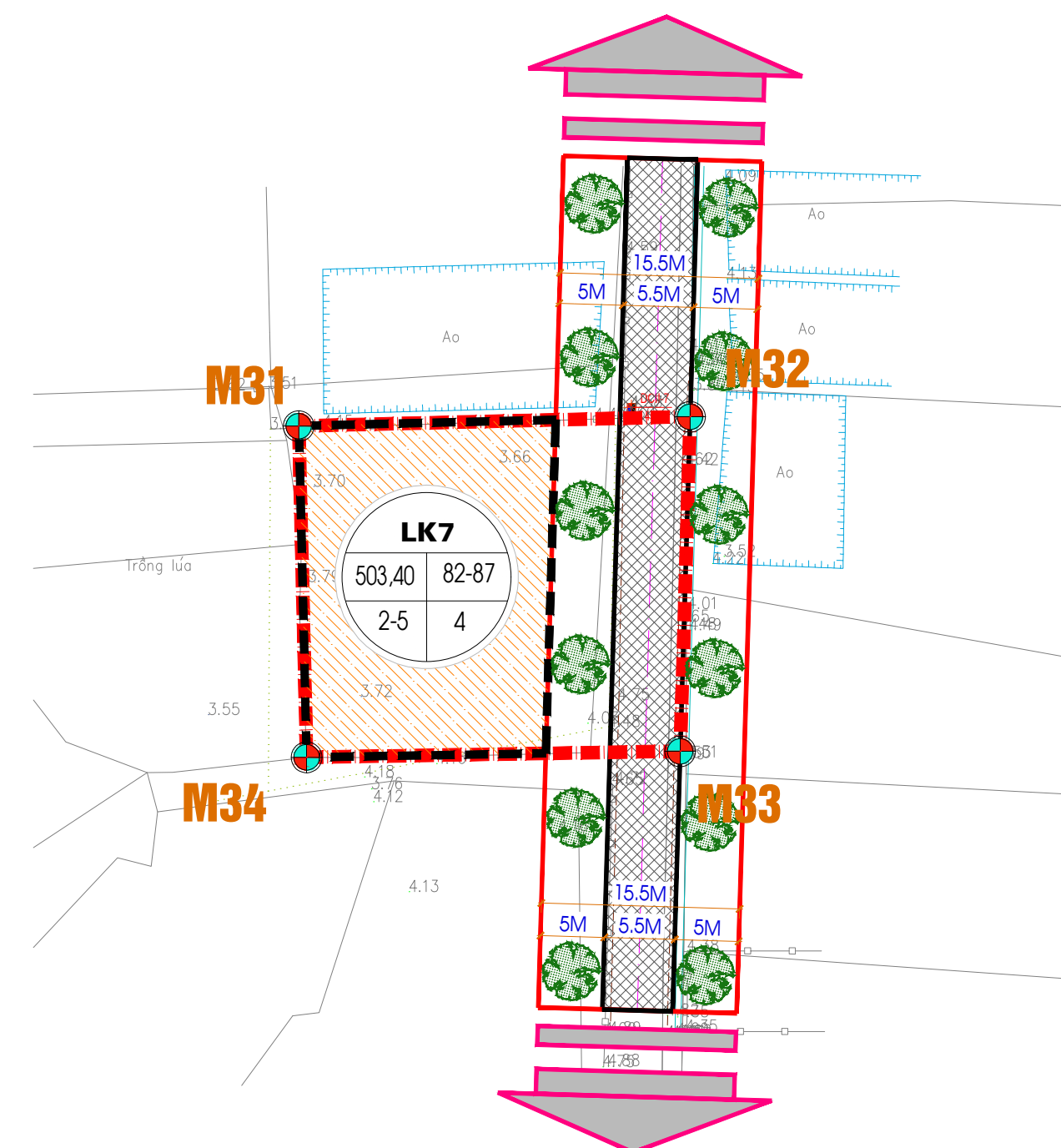
TẠO ĐỘ MỐC GIỚI QUY HOẠCH
(THEO MỐC TỌA ĐỘ VN-2000)

STT	X(M)	Y(M)
M1	2179336.8426	579354.0551
M2	2179259.2449	579357.3111
M3	2179149.9074	579361.8990
M4	2179134.9192	579401.7450
M5	2179102.1800	579390.7900
M6	2179119.9000	579340.7800
M7	2179145.7269	579351.7101
M8	2179155.5365	579325.6311
M9	2179189.1595	579324.2203
M10	2179191.5800	579313.6800
M11	2179209.3669	579319.5397
M12	2179232.9700	579319.8200
M13	2179251.7100	579319.5100
M14	2179263.3000	579318.5400
M15	2179277.3000	579318.1400
M16	2179279.5900	579319.4000
M17	2179297.1100	579319.6700
M18	2179333.3754	579317.5119
M19	2178963.0599	579527.5962
M20	2178968.7444	579584.2372
M21	2178929.4418	579588.1818
M22	2178922.7319	579521.3232
M23	2178410.2831	578228.0762
M24	2178328.5647	578230.0774
M25	2178327.5078	578194.2782
M26	2178352.5234	578189.8165
M27	2178352.4539	578186.9796
M28	2178357.8579	578186.8473
M29	2178385.0602	578182.4831
M30	2178403.5747	578210.9107
M31	2177967.8301	579776.3298
M32	2177968.5579	579806.9240
M33	2177942.4188	579806.1487
M34	2177941.9394	579776.9454

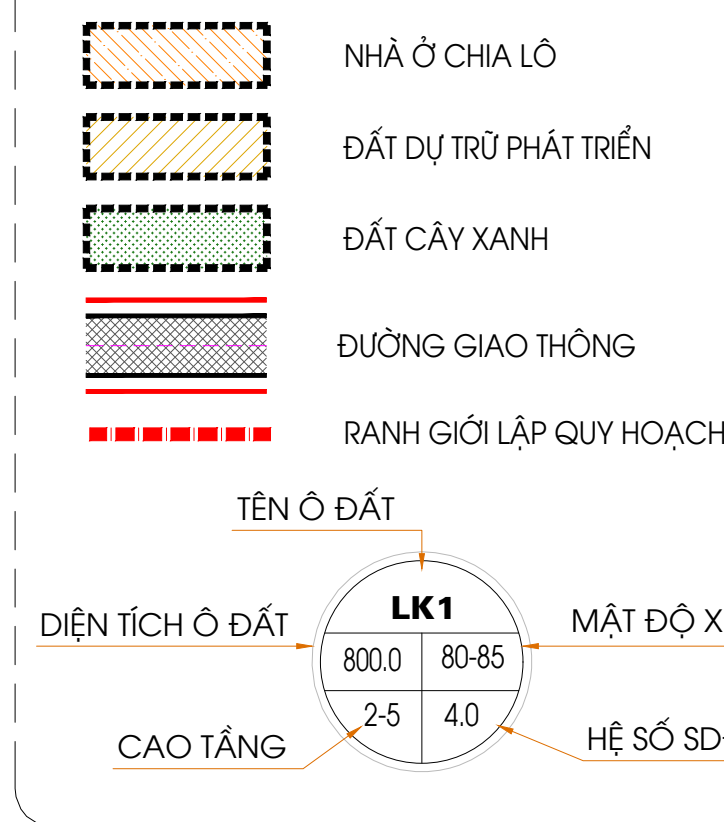
BẢNG CHỈ TIÊU QUY HOẠCH KIẾN TRÚC Ô ĐẤT

STT	KÍ HIỆU	SỐ LÔ	DIỆN TÍCH (M2)	TẦNG CAO (TẦNG)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SĐĐ	TỶ LỆ (%)	DÂN SỐ (NGƯỜI)
A. VỊ TRÍ 1: THÔN ỚN GIANG								
I	ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ (LK)	34,00	4.043,20	2-5	69-88	4,00	45,93	135,00
1	LK - 1	12,00	1.416,70	2-5	85-88	4,00	16,09	47,00
2	LK - 2.1	9,00	1.053,00	2-5	87-88	4,00	11,96	35,00
3	LK - 2.2	4,00	566,00	2-5	69-87	4,00	6,43	19,00
4	LK - 3	9,00	1.007,50	2-5	84-88	4,00	11,44	34,00
II	ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN DÂN CƯ (PTDC)		293,90				3,34	
1	PTDC-1		53,50				0,61	
2	PTDC-2		240,40				2,73	
III	ĐẤT CÂY XANH (CX1)		235,00				2,67	
IV	ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT (GT-HTKT)		4.231,33				48,06	
	TỔNG (I+II+III+IV)	34,00	8.803,43				100,00	
B. VỊ TRÍ 2: THÔN BÌNH DANH								
I	ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ (LK)	9,00	1.392,00	2-5	75-81	4,00	56,78	47,00
1	LK - 4	2,00	348,00	2-5	75	4,00	14,20	12,00
2	LK - 5	7,00	1.044,00	2-5	75-81	4,00	42,59	35,00
II	ĐẤT CÂY XANH (CX2)		136,20				5,56	
III	ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT (GT-HTKT)		923,17				37,66	
	TỔNG (I+II+III)	9,00	2.451,37				100,00	
C. VỊ TRÍ 3: THÔN HỢP LỰC								
I	ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ (LK)	11,00	1.533,20	2-5	80-86	4,00	51,02	51,00
1	LK - 6	11,00	1.533,20	2-5	80-86	4,00	51,02	51,00
II	ĐẤT CÂY XANH (CX3)		114,30				3,80	
III	ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT (GT-HTKT)		1.357,86				45,18	
	TỔNG (I+II+III)	11,00	3.005,36				100,00	
D. VỊ TRÍ 4: THÔN LINH HƯNG								
I	ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ (LK)	4,00	503,40	2-5	82-87	4,00	64,72	17,00
1	LK - 7	4,00	503,40	2-5	82-87	4,00	64,72	17,00
II	ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT (GT-HTKT)		274,36				35,28	
	TỔNG (I+II)	4,00	777,76				100,00	
	TỔNG (A+B+C+D)	58,00	15.037,92					250,00

VỊ TRÍ 4: THÔN LINH HƯNG



CHÚ THÍCH



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:/QĐ-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2025

ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KÈM THEO VĂN BẢN SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG HỢP
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ,
XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH - 03 GHÉP: 1A0 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY:...../...../2025

THIẾT KẾ: KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

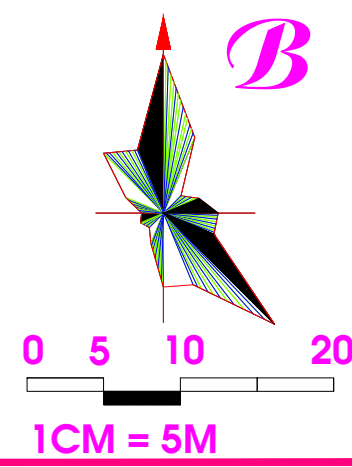
CHỦ TRÌ: KS. LỮ TRỌNG THÌN

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN ĐĂNG

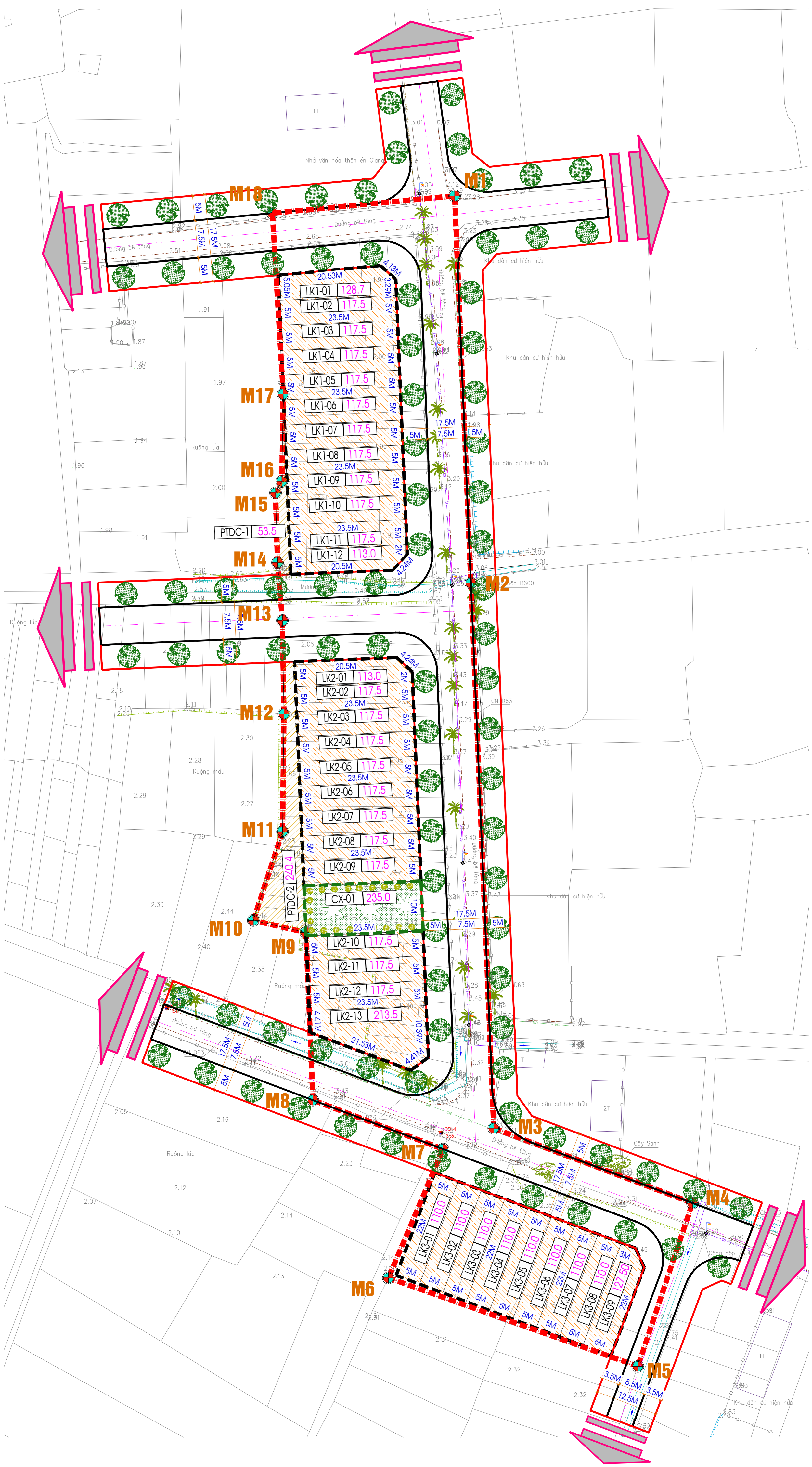
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH TST

ĐỊA CHỈ: KHỐI 2, TT RỪNG THÔNG - ĐÔNG SƠN - THANH HÓA
TEL: (037.3) 507.296 - FAX:.....

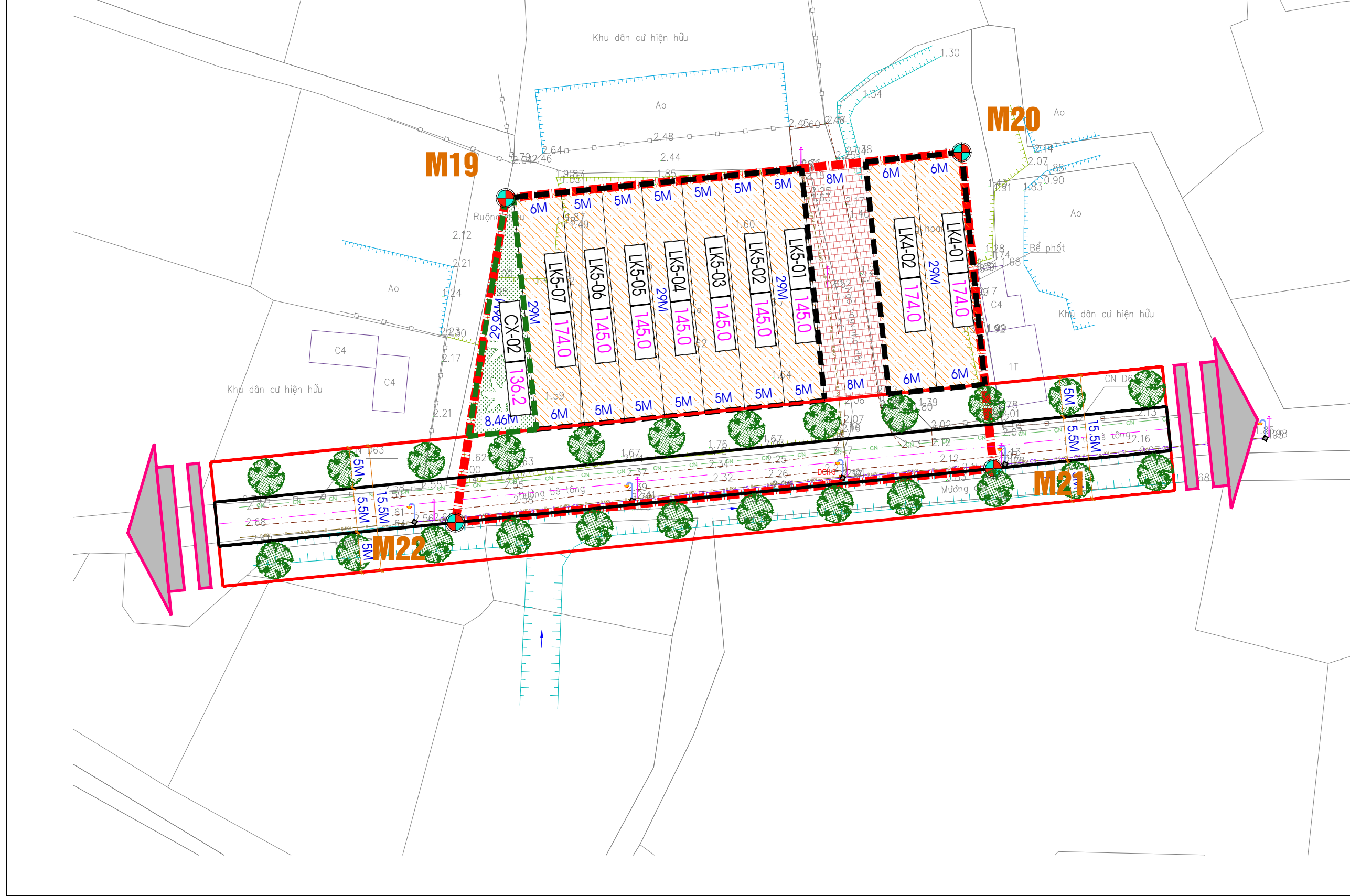
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN



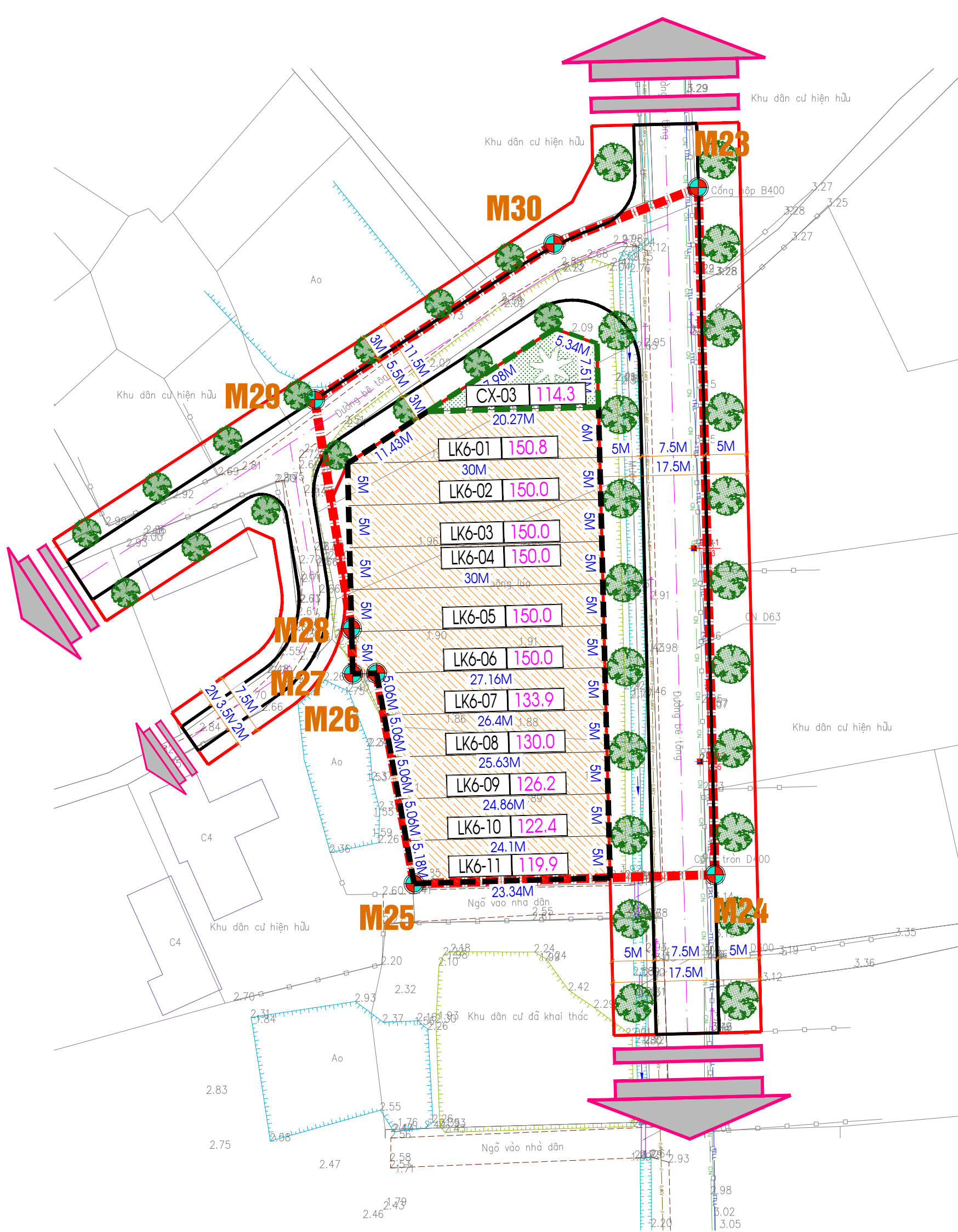
VỊ TRÍ 1: THÔN ỚN GIANG



VỊ TRÍ 2: THÔN BÌNH DANH



VỊ TRÍ 3: THÔN HỢP LỰC



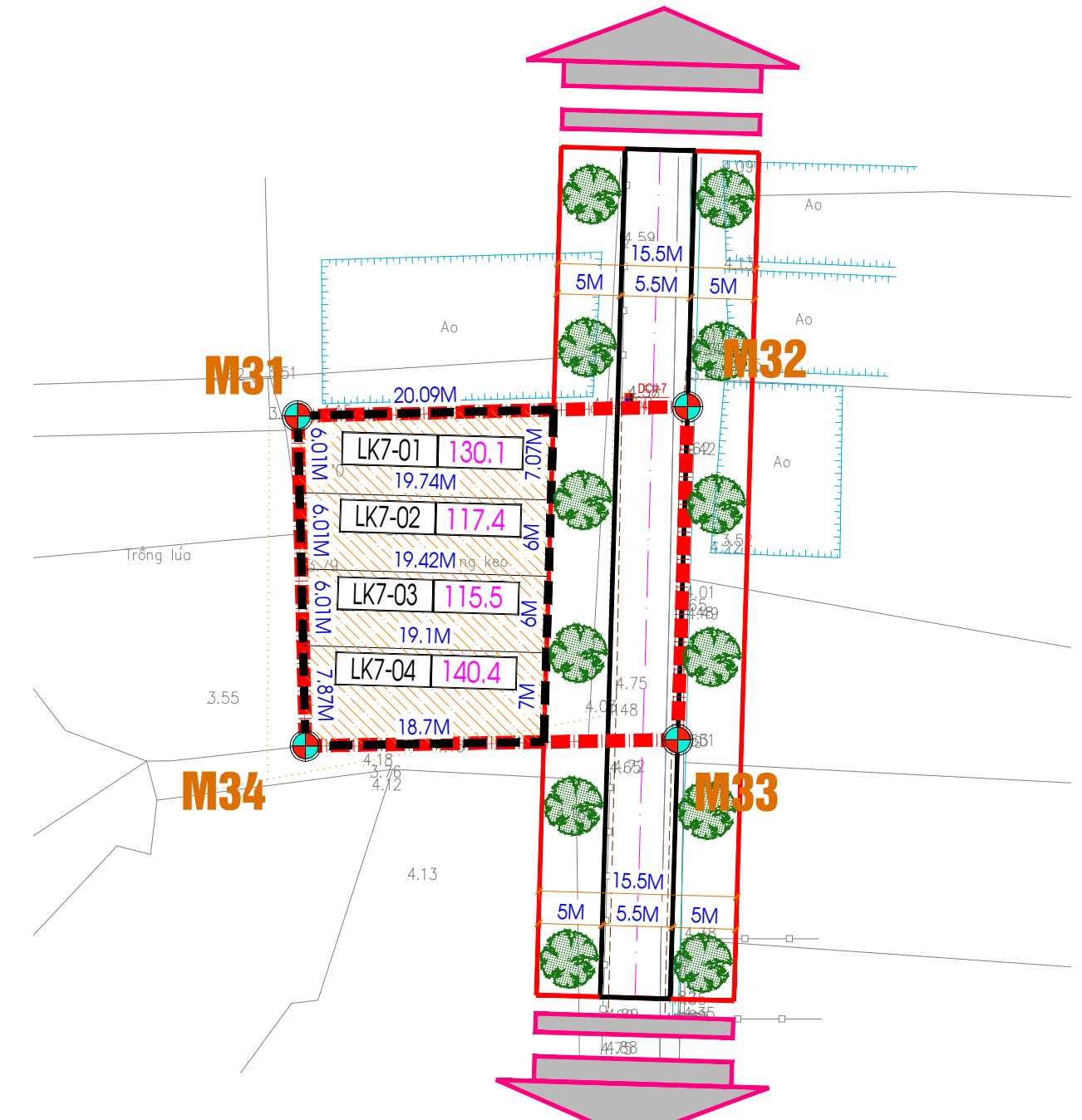
TẠO ĐỘ MỐC GIỚI QUY HOẠCH
(THEO MỐC TỌA ĐỘ VN-2000)

STT	X(m)	Y(m)
M1	2179336.8426	579354.0551
M2	2179259.2449	579357.3111
M3	2179149.9074	579361.8990
M4	2179134.9192	579401.7450
M5	2179102.1800	579390.7900
M6	2179119.9000	579340.7800
M7	2179145.7269	579351.7101
M8	2179155.5365	579325.6311
M9	2179189.1595	579324.2203
M10	2179191.5800	579313.6800
M11	2179209.3669	579319.5397
M12	2179232.9700	579319.8200
M13	2179251.7100	579319.5100
M14	2179263.3000	579318.5400
M15	2179277.3000	579318.1400
M16	2179279.5900	579319.4000
M17	2179297.1100	579319.6700
M18	2179333.3754	579317.5119
M19	2178963.0599	579527.5962
M20	2178968.7444	579584.2372
M21	2178929.4418	579588.1818
M22	2178922.7319	579521.3232
M23	2178410.2831	578228.0762
M24	2178328.5647	578230.0774
M25	2178327.5078	578194.2782
M26	2178352.5234	578189.8165
M27	2178352.4539	578186.9796
M28	2178357.8579	578186.8473
M29	2178385.0602	578182.4831
M30	2178403.5747	578210.9107
M31	2177967.8301	579776.3298
M32	2177968.5579	579806.9240
M33	2177942.4188	579806.1487
M34	2177941.9394	579776.9454

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	KÍ HIỆU	KÍCH THUỐC (M)	DIỆN TÍCH (M2)	SỐ LÔ	TỔNG (M2)	TẦNG CAO (TẦNG)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD	TỶ LỆ (%)	DÂN SỐ (NGƯỜI)
A. VỊ TRÍ 1: THÔN ỚN GIANG										
I	ĐẤT Ờ KIỂU CHIA LỎ (LK)			34,00	4.043,20	2-:-5	69-:-88	4,00	45,93	135,00
1	ĐẤT Ờ KIỂU CHIA LỎ LK1			12,00	1.416,70	2-:-5	85-:-88	4,00	16,09	47,00
1.1	LK1-01		128,70	1,00	128,70	2-:-5	85	4,00		
1.2	LK1-02-:-LK1-11	(5,0x23,5)	117,50	10,00	1.175,00	2-:-5	87	4,00		
1.3	LK1-12		113,00	1,00	113,00	2-:-5	88	4,00		
2	ĐẤT Ờ KIỂU CHIA LỎ LK2			13,00	1.619,00	2-:-5	69-:-88	4,00	18,39	54,00
2.1	LK2-01		113,00	1,00	113,00	2-:-5	88	4,00		
2.2	LK2-02-:-LK2-12	(5,0x23,5)	117,50	11,00	1.292,50	2-:-5	87	4,00		
2.3	LK2-13		213,50	1,00	213,50	2-:-5	69	4,00		
3	ĐẤT Ờ KIỂU CHIA LỎ LK3			9,00	1.007,50	2-:-5	84-:-88	4,00	11,44	34,00
3.1	LK3-01-:-LK3-08	(5,0x22,0)	110,00	8,00	880,00	2-:-5	88	4,00		
3.2	LK3-09		127,50	1,00	127,50	2-:-5	84	4,00		
II	ĐẤT DỰ TRÙ PHÁT TRIỂN DÂN CƯ (PĐC)				293,90				3,34	
1.1	PĐC-1		53,50	1,00	53,50					
1.2	PĐC-2		240,40	1,00	240,40					
III	ĐẤT CÂY XANH (CX1)				235,00				2,67	
IV	ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC (GT-HTK)				4.231,33				48,06	
	TỔNG (I+II+III+IV)			34,00	8.803,43				100,00	135,00
B. VỊ TRÍ 2: THÔN BÌNH DANH										
I	ĐẤT Ờ KIỂU CHIA LỎ (LK)			9,00	1.392,00	2-:-5	75-:-81	4,00	56,78	47,00
1	ĐẤT Ờ KIỂU CHIA LỎ LK4			2,00	348,00	2-:-5	75	4,00	14,20	12,00
1.1	LK4-01-:-LK4-02	(6,0x29,0)	174,00	2,00	348,00	2-:-5	75	4,00		
2	ĐẤT Ờ KIỂU CHIA LỎ LK5			7,00	1.044,00	2-:-5	75-:-81	4,00	42,59	35,00
2.1	LK5-01-:-LK5-06	(5,0x29,0)	145,00	6,00	870,00	2-:-5	81	4,00		
2.2	LK5-07	(6,0x29,0)	174,00	1,00	174,00	2-:-5	75	4,00		
II	ĐẤT CÂY XANH (CX2)				136,20				5,56	
III	ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC (GT-HTK)				923,17				37,66	
	TỔNG (I+II+III)			9,00	2.451,37				100,00	47,00
C. VỊ TRÍ 3: THÔN HỢP LỰC										
I	ĐẤT Ờ KIỂU CHIA LỎ (LK)			11,00	1.533,20	2-:-5	80-:-86	4,00	51,02	51,00
1	ĐẤT Ờ KIỂU CHIA LỎ LK6			11,00	1.533,20	2-:-5	80-:-86	4,00	51,02	51,00
1.1	LK6-01		150,80	1,00	150,80	2-:-5	80	4,00		
1.2	LK6-02-:-LK6-06	(5,0x30,0)	150,00	5,00	750,00	2-:-5	80	4,00		
1.3	LK6-07		133,90	1,00	133,90	2-:-5	83	4,00		
1.4	LK6-08		130,00	1,00	130,00	2-:-5	84	4,00		
1.5	LK6-09		126,20	1,00	126,20	2-:-5	85	4,00		
1.6	LK6-10		122,40	1,00	122,40	2-:-5	86	4,00		
1.7	LK6-11		119,90	1,00	119,90	2-:-5	86	4,00		
II	ĐẤT CÂY XANH (CX3)				114,30				3,80	
III	ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC (GT-HTK)				1.357,86				45,18	
	TỔNG (I+II+III)			11,00	3.005,36				100,00	51,00
D. VỊ TRÍ 4: THÔN LINH HƯNG										
I	ĐẤT Ờ KIỂU CHIA LỎ (LK)			4,00	503,40	2-:-5	82-:-87	4,00	64,72	17,00
1	ĐẤT Ờ KIỂU CHIA LỎ LK7			4,00	503,40	2-:-5	82-:-87	4,00	64,72	17,00
1.1	LK7-01		130,10	1,00	130,10	2-:-5	84	4,00		
1.2	LK7-02		117,40	1,00	117,40	2-:-5	87	4,00		
1.3	LK7-03		115,50	1,00	115,50	2-:-5	87	4,00		
1.4	LK7-04		140,40	1,00	140,40	2-:-5	82	4,00		
II	ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC (GT-HTK)				274,36				35,28	
	TỔNG (I+II)			4,00	777,76				100,00	17,00
	TỔNG (A+B+C+D)			58,00	15.037,92					250,00

VỊ TRÍ 4: THÔN LINH HƯNG



CHÚ THÍCH

- NHÀ Ờ CHIA LỎ LIÊN KẾ
- ĐẤT DỰ TRÙ PHÁT TRIỂN
- ĐẤT CÂY XANH
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH

TÊN LÔ ĐẤT LK1-01 323,8 DIỆN TÍCH LÔ

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KEM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:/QĐ-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2025

ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KEM THEO VĂN BẢN SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG HỢP
KEM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

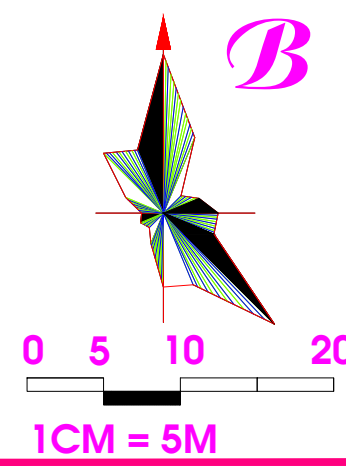
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ,
XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN

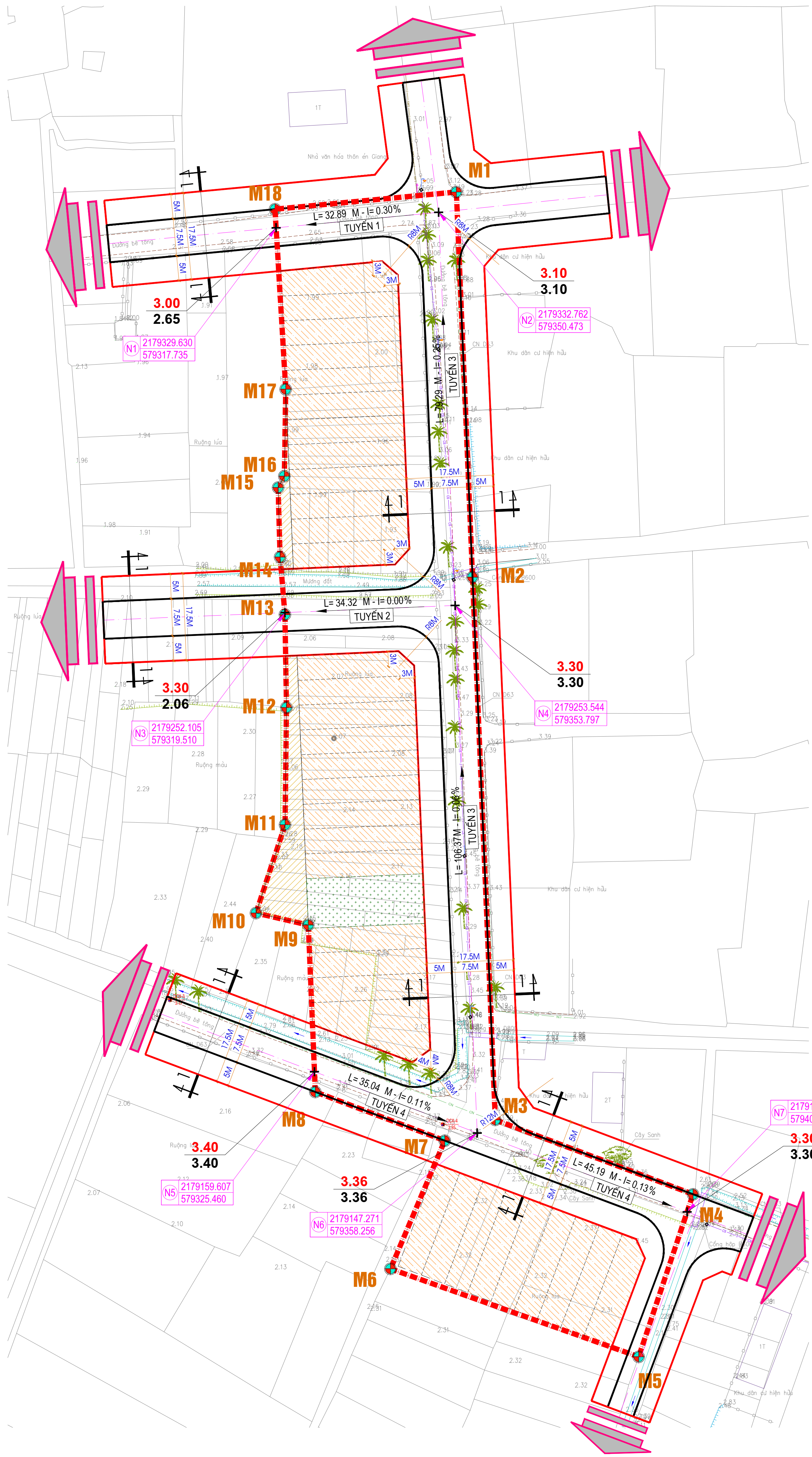
BẢN VẼ: QH - 04	GHP: 1A0	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY:...../...../2025
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN		
CHỦ TRÌ			
QL KỸ THUẬT	KS. LƯU TRỌNG THÌN		
GIÁM ĐỐC			
NGUYỄN VĂN ĐĂNG			

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH TST
ĐỊA CHỈ: KHỐI 2, TT RỪNG THÔNG - ĐÔNG SƠN - THANH HÓA
TEL: (037.3) 507.296 - FAX:.....

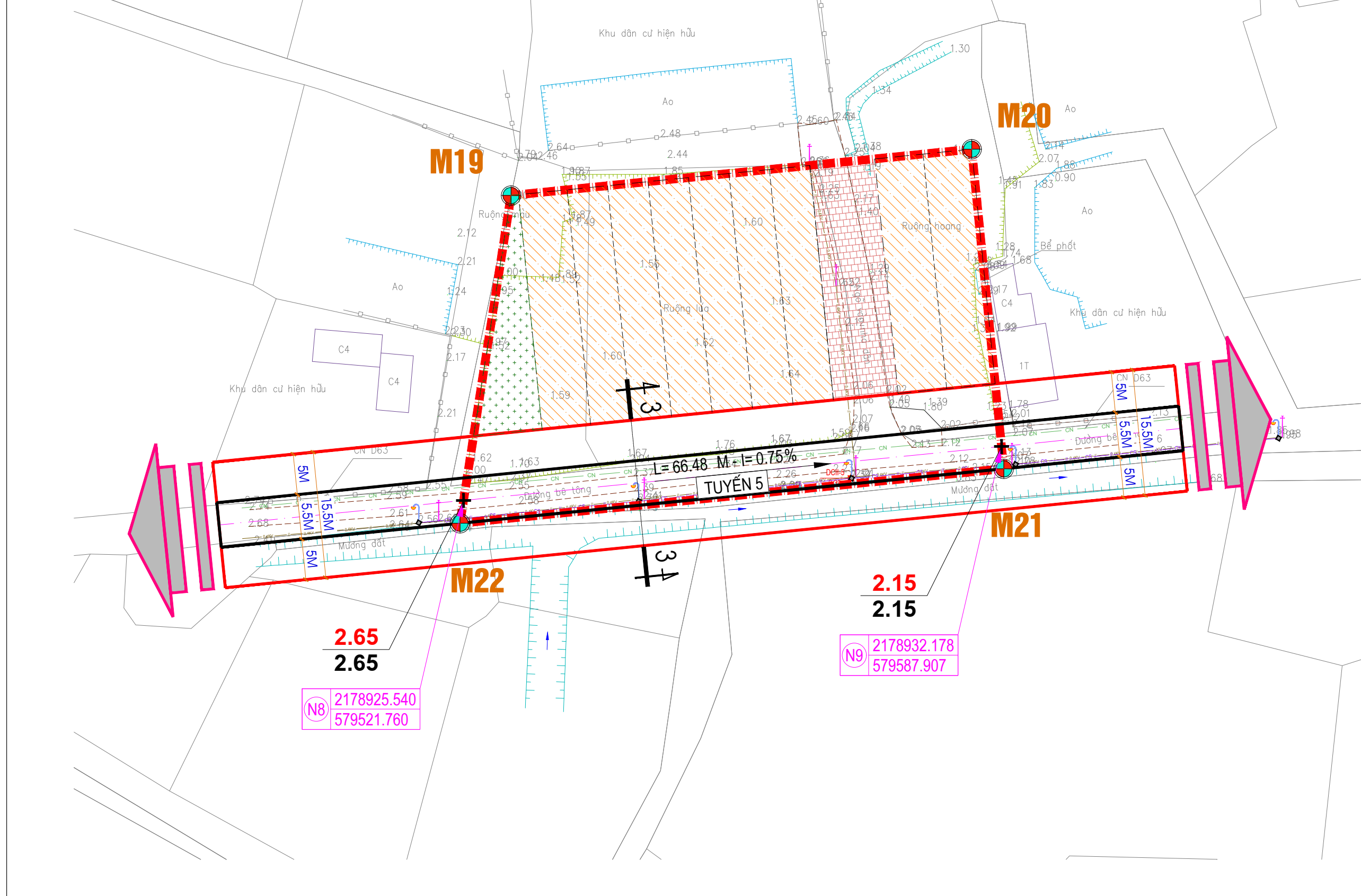
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG, CGDD, CGXD, VÀ HÀNH LANG BẢO VỆ HTKT



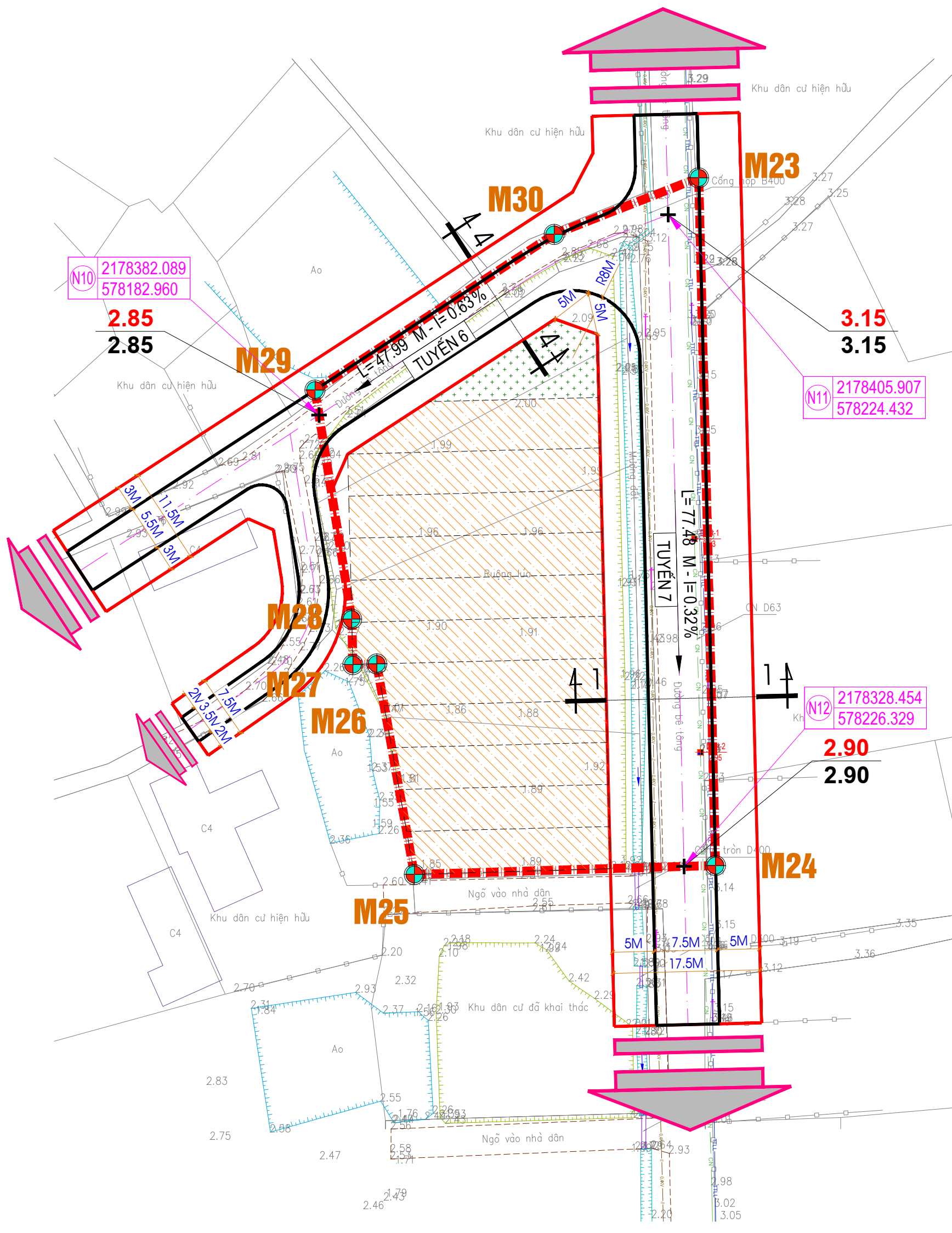
VỊ TRÍ 1: THÔN ỚN GIANG



VỊ TRÍ 2: THÔN BÌNH DANH



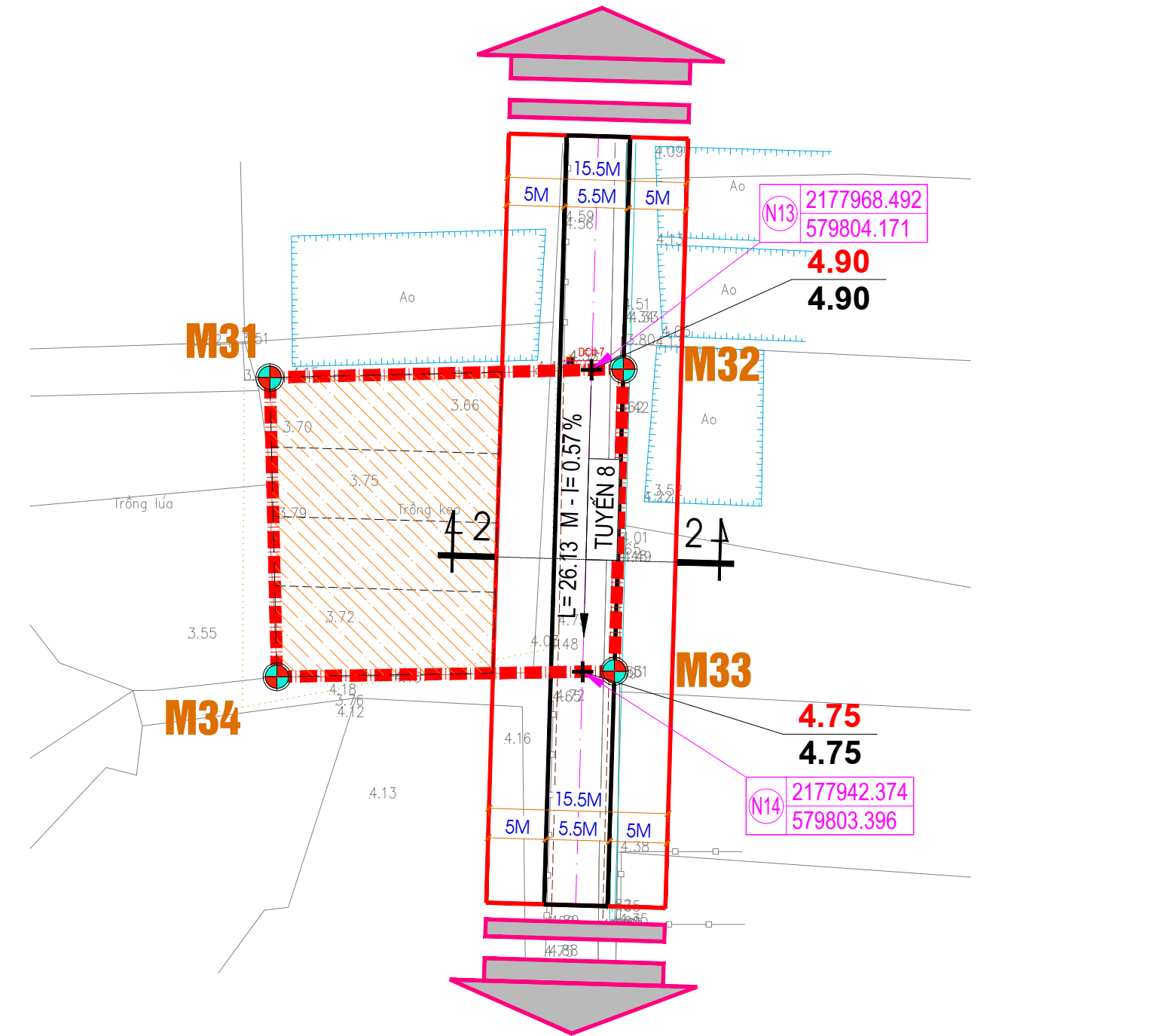
VỊ TRÍ 3: THÔN HỢP LỰC



TẠO ĐỘ MỐC GIỚI QUY HOẠCH
(THEO MỐC TỌA ĐỘ VN-2000)

STT	X(M)	Y(M)
M1	2179336.8426	579354.0551
M2	2179259.2449	579357.3111
M3	2179149.9074	579361.8990
M4	2179134.9192	579401.7450
M5	2179102.1800	579390.7900
M6	2179119.9000	579340.7800
M7	2179145.7269	579351.7101
M8	2179155.5365	579325.6311
M9	2179189.1595	579324.2203
M10	2179191.5800	579313.6800
M11	2179209.3669	579319.5397
M12	2179232.9700	579319.8200
M13	2179251.7100	579319.5100
M14	2179263.3000	579318.5400
M15	2179277.3000	579318.1400
M16	2179279.5900	579319.4000
M17	2179297.1100	579319.6700
M18	2179333.3754	579317.5119
M19	2178963.0599	579527.5962
M20	2178968.7444	579584.2372
M21	2178929.4418	579588.1818
M22	2178922.7319	579521.3232
M23	2178410.2831	578228.0762
M24	2178328.5647	578230.0774
M25	2178327.5078	578194.2782
M26	2178352.5234	578189.8165
M27	2178352.4539	578186.9796
M28	2178357.8579	578186.8473
M29	2178385.0602	578182.4831
M30	2178403.5747	578210.9107
M31	2177967.8301	579776.3298
M32	2177968.5579	579806.9240
M33	2177942.4188	579806.1487
M34	2177941.9394	579776.9454

VỊ TRÍ 4: THÔN LINH HUNG



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KEM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:/QĐ-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2025

ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KEM THEO VĂN BẢN SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG HỢP
KEM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ,
XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG, CGDD, CGXD,
VÀ HÀNH LANG BẢO VỆ HTKT

BẢN VẼ: QH - 05 GHEP: 1A0 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY:...../...../2025

THIẾT KẾ: KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

CHỦ TRÌ: KS. LƯU TRỌNG THÌN

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN ĐĂNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH TST

ĐỊA CHỈ: KHỐI 2, TT RỪNG THÔNG - ĐÔNG SƠN - THANH HÓA

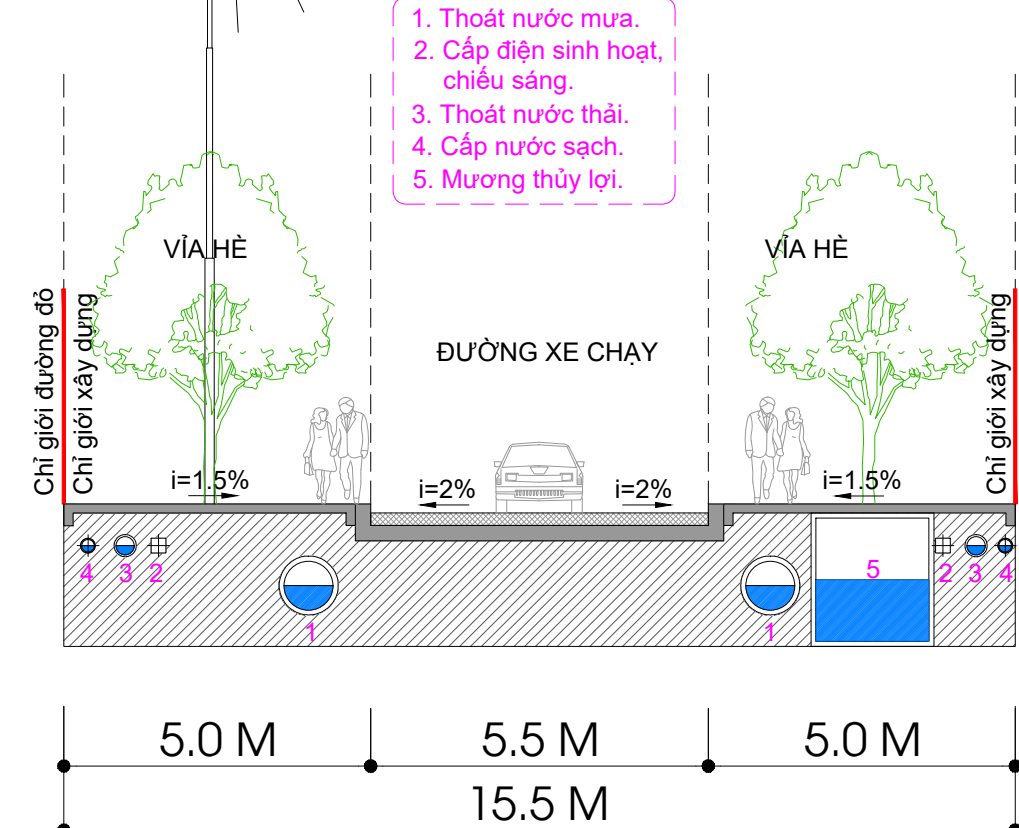
TEL: (037.3) 507.296 - FAX:.....

TÊN CÔNG TRÌNH: QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ, XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

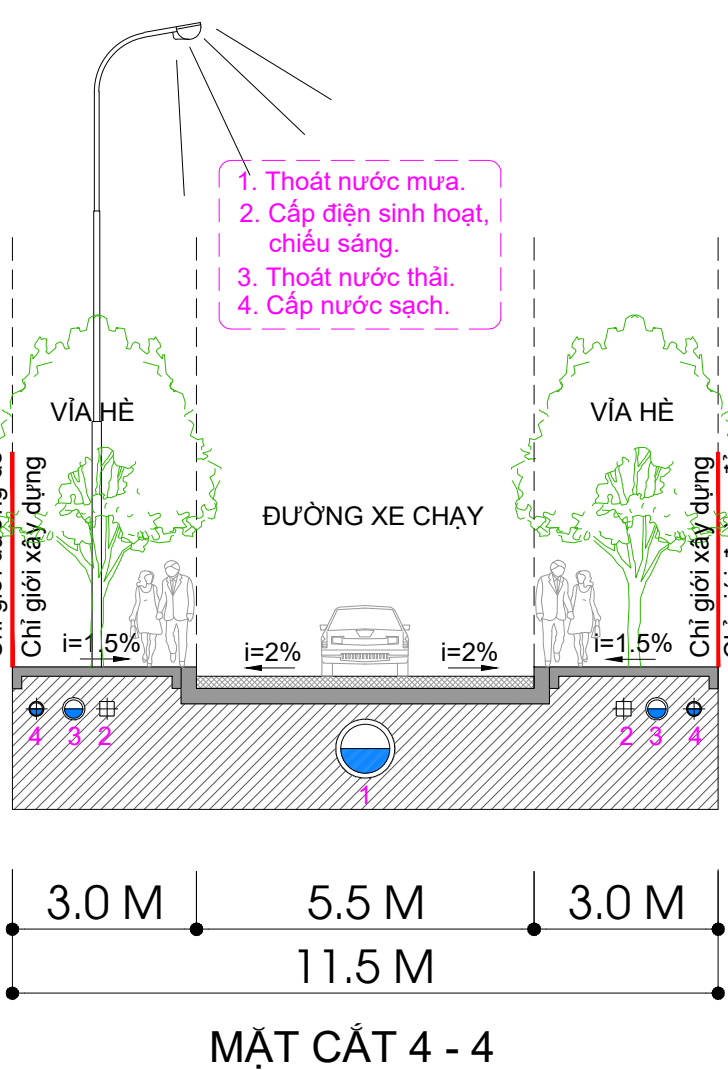
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG, CGDD, CGXD, VÀ HÀNH LANG BẢO VỆ HTKT.

GHI CHÚ:

- KHOẢNG VÁT GÓC
- KY HIỆU MẶT CẮT
- BÁN KÍNH BỎ VÍA
- CHIỀU DÀI TUYẾN-ĐỘ DỐC
- ĐIỂM TỌA ĐỘ TÌM ĐƯỜNG
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ TÌM ĐƯỜNG (M)
- CAO ĐỘ NỀN HIỆN TRẠNG (M)



BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG								
STT	TÊN TUYẾN	ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	MẶT CẮT	CHIỀU DÀI(M)	BỀ RỘNG MẶT CẮT (M)		
						VÍA HÈ	LÒNG ĐƯỜNG	NỀN ĐƯỜNG
1	Tuyến 1	N1	N2	1-1	32,89	2x5,0	2x3,75	17,50
2	Tuyến 2	N3	N4	1-1	34,32	2x5,0	2x3,75	17,50
3	Tuyến 3	N2	N6	1-1	185,66	2x5,0	2x3,75	17,50
4	Tuyến 4	N5	N7	1-1	80,23	2x5,0	2x3,75	17,50
5	Tuyến 5	N8	N9	2-2	66,48	2x5,0	2x2,75	15,50
6	Tuyến 6	N10	N11	3-3	47,99	2x3,0	2x2,75	11,50
7	Tuyến 7	N11	N12	1-1	77,48	2x5,0	2x3,75	17,50
8	Tuyến 8	N13	N14	2-2	16,13	2x5,0	2x2,75	15,50
TỔNG					541,18			



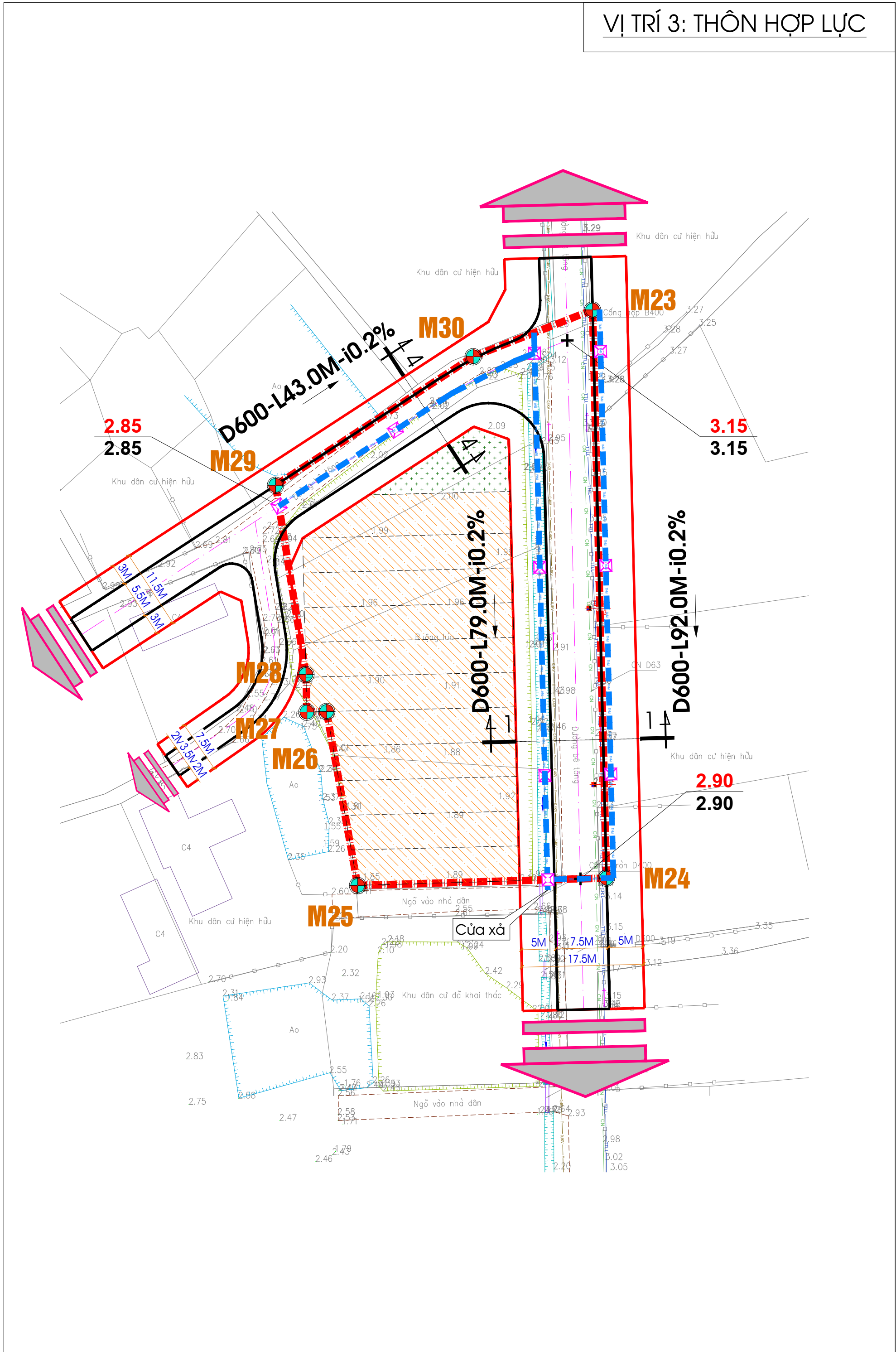
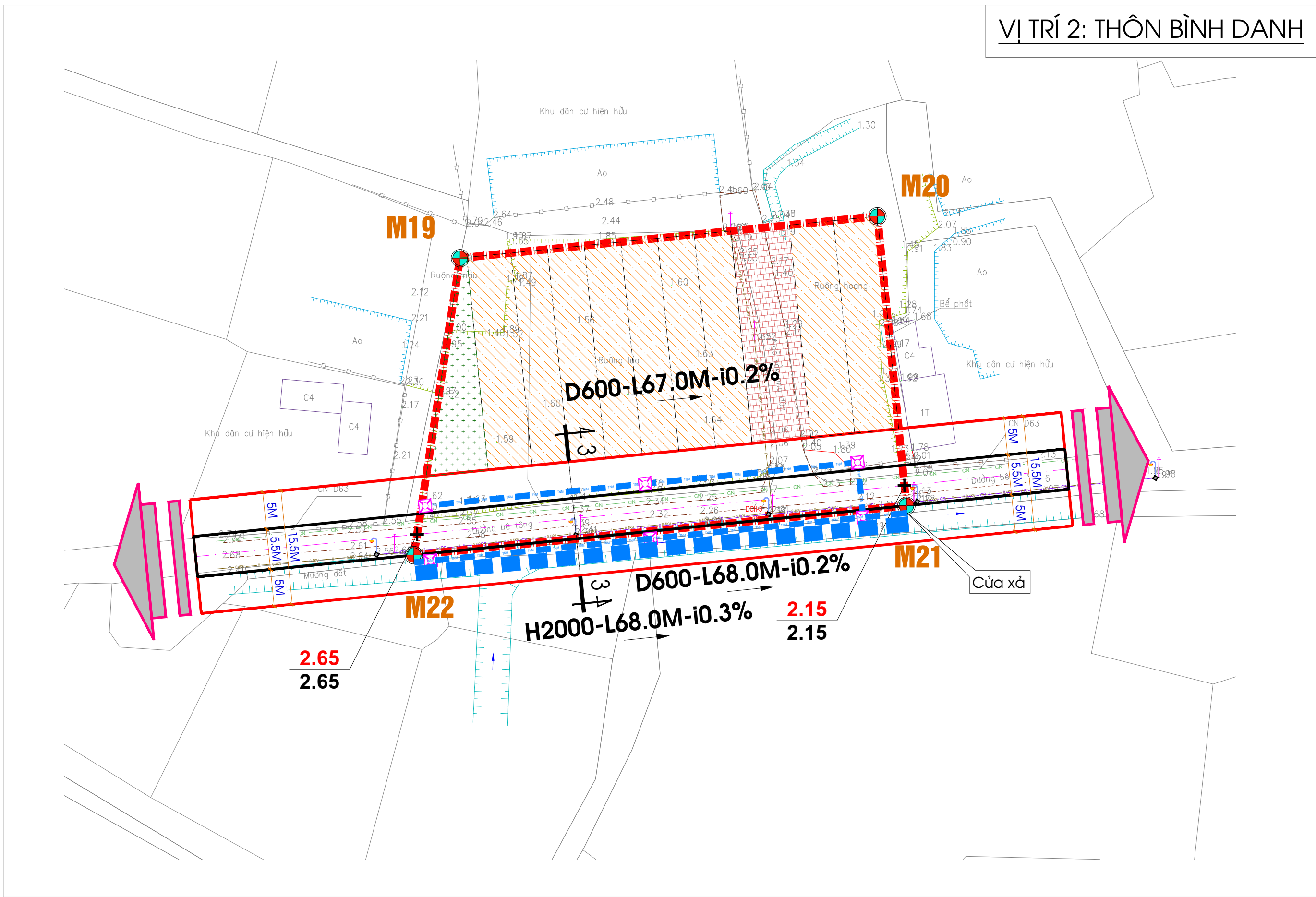
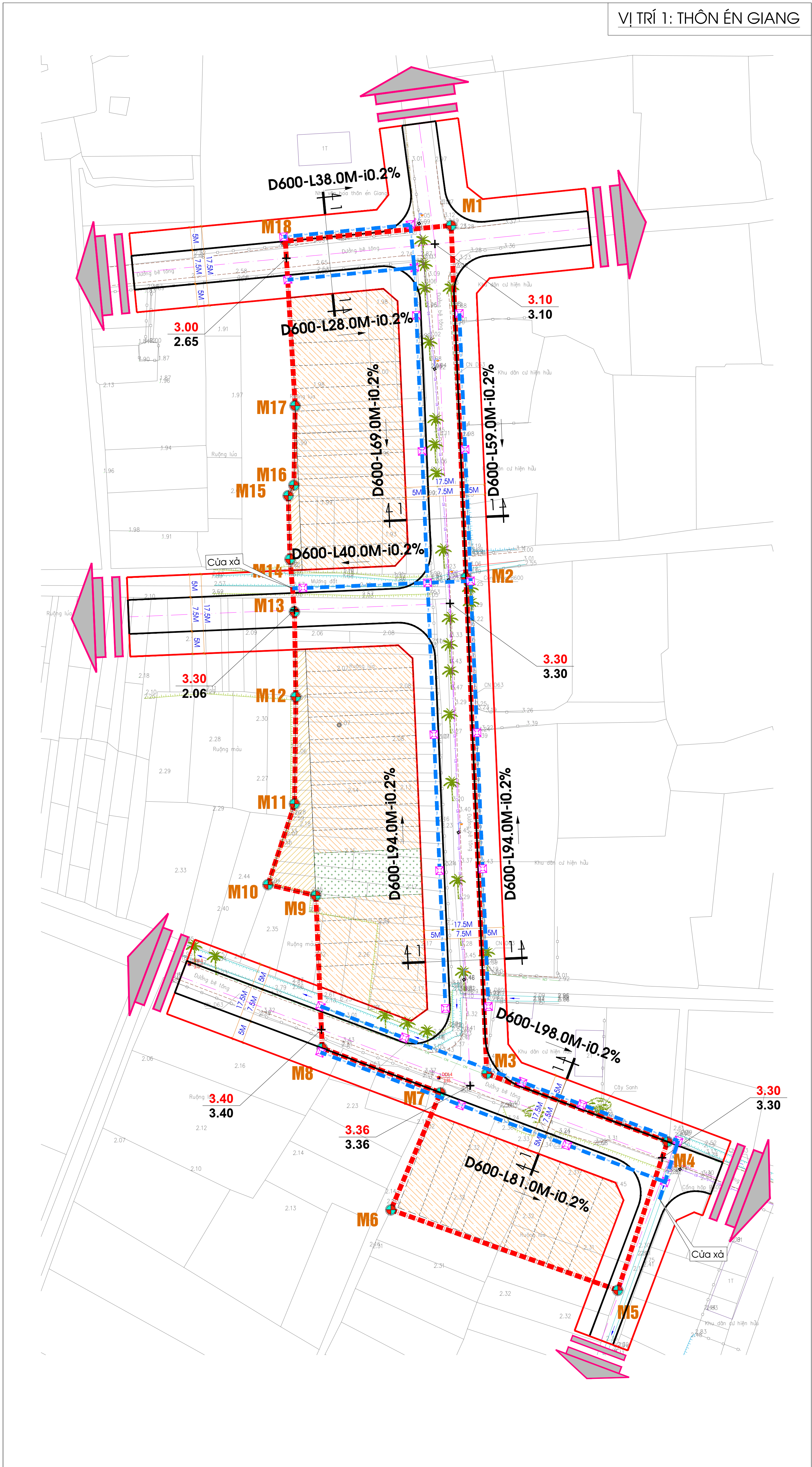
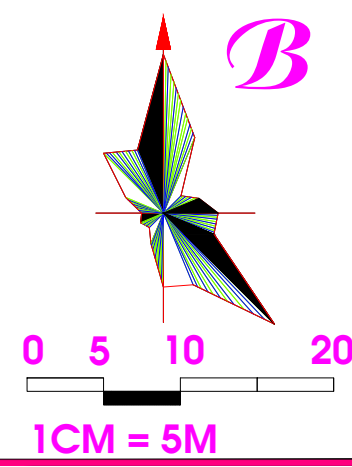
BẢNG TẠO ĐỘ NÚT GIAO THÔNG
(THEO MỐC TỌA ĐỘ VN-2000)

STT	X(M)	Y(M)
N1	2179329.630	579317.735
N2	2179332.762	579350.473
N3	2179252.105	579319.510
N4	2179253.544	579353.797
N5	2179159.607	579325.460
N6	2179147.271	579358.256
N7	2179131.361	579400.554
N8	2178925.540	579521.760
N9	2178932.178	579587.907
N10	2178382.089	578182.960
N11	2178405.907	578224.432
N12	2178328.454	578226.329
N13	2177968.492	579804.171
N14	2177942.374	579803.396

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

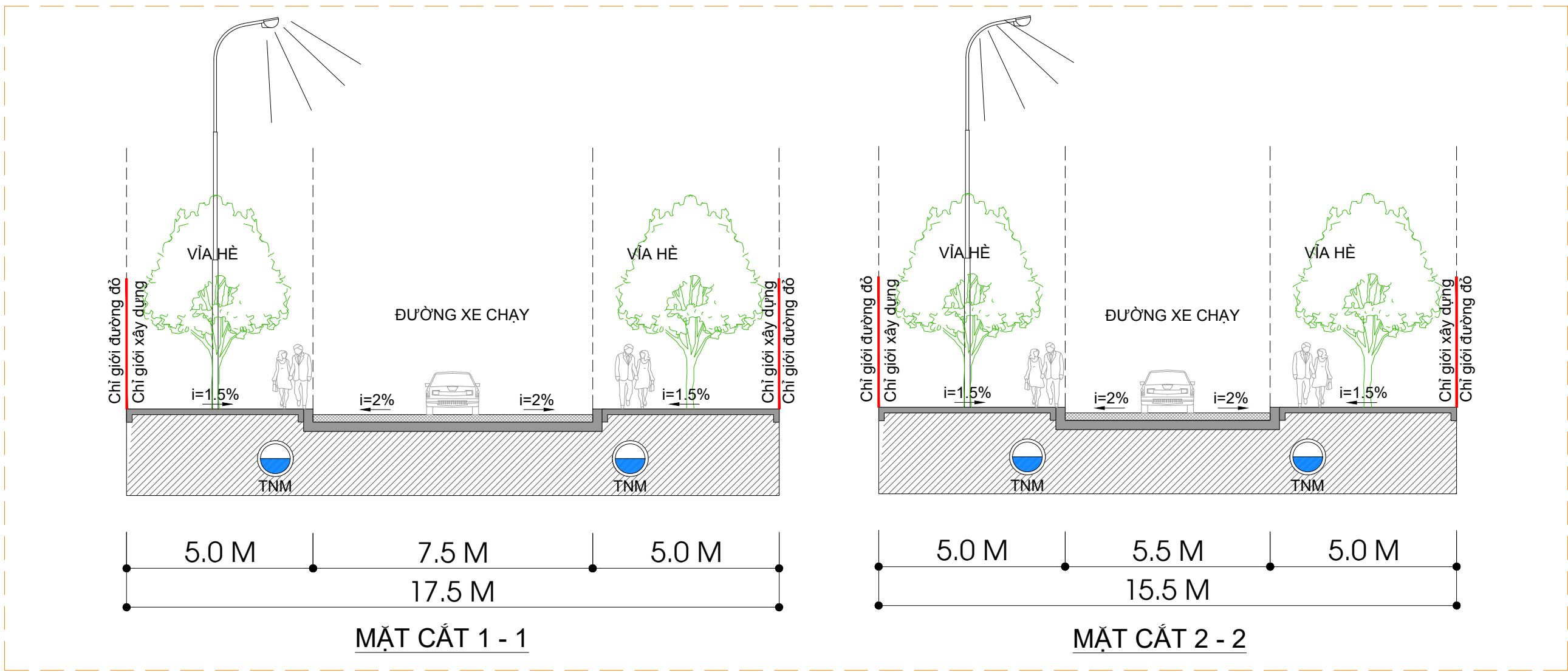
QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ, XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC MƯA

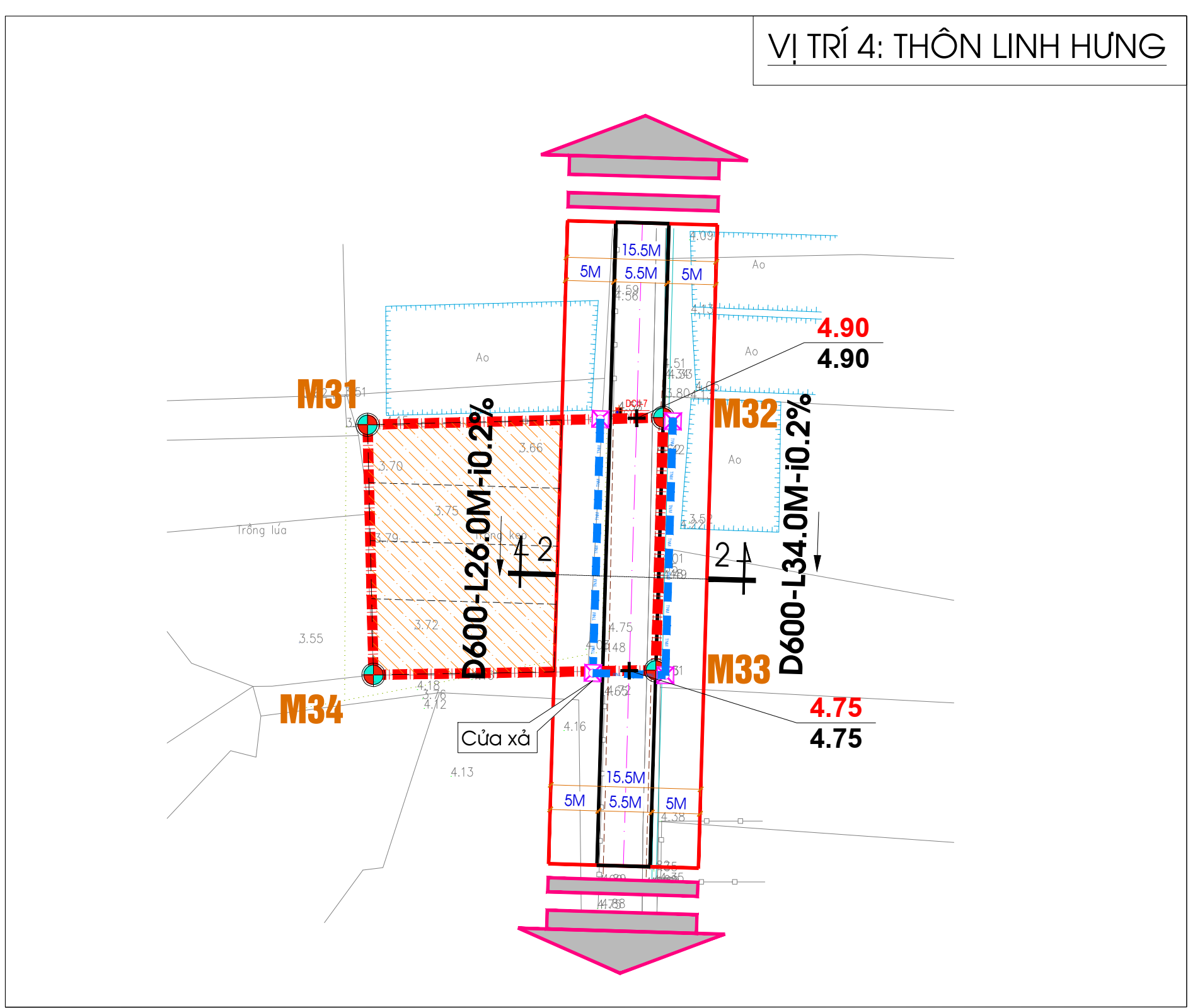


TẠO ĐỘ MỐC GIỚI QUY HOẠCH
(THEO MỐC TỌA ĐỘ VN-2000)

STT	X(M)	Y(M)
M1	2179336.8426	579354.0551
M2	2179259.2449	579357.3111
M3	2179149.9074	579361.8990
M4	2179134.9192	579401.7450
M5	2179102.1800	579390.7900
M6	2179119.9000	579340.7800
M7	2179145.7269	579351.7101
M8	2179155.5365	579325.6311
M9	2179189.1595	579324.2203
M10	2179191.5800	579313.6800
M11	2179209.3669	579319.5397
M12	2179232.9700	579319.8200
M13	2179251.7100	579319.5100
M14	2179263.3000	579318.5400
M15	2179277.3000	579318.1400
M16	2179279.5900	579319.4000
M17	2179297.1100	579319.6700
M18	2179333.3754	579317.5119
M19	2178963.0599	579527.5962
M20	2178968.7444	579584.2372
M21	2178929.4418	579588.1818
M22	2178922.7319	579521.3232
M23	2178410.2831	578228.0762
M24	2178328.5647	578230.0774
M25	2178327.5078	578194.2782
M26	2178352.5234	578189.8165
M27	2178352.4539	578186.9796
M28	2178357.8579	578186.8473
M29	2178385.0602	578182.4831
M30	2178403.5747	578210.9107
M31	2177967.8301	579776.3298
M32	2177968.5579	579806.9240
M33	2177942.4188	579806.1487
M34	2177941.9394	579776.9454



STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Cống thoát nước D600	m	1010,00
2	Ga thăm thu kết hợp	hố	45,00
3	Cửa xả	cái	5,00
4	Mương thủy lợi KT B2000	m	68,00



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KEM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:/QĐ-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2025

ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KEM THEO VĂN BẢN SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG HỢP
KEM THEO TỜ TRÌNH SỐ NGÀY THÁNG NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ,
XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

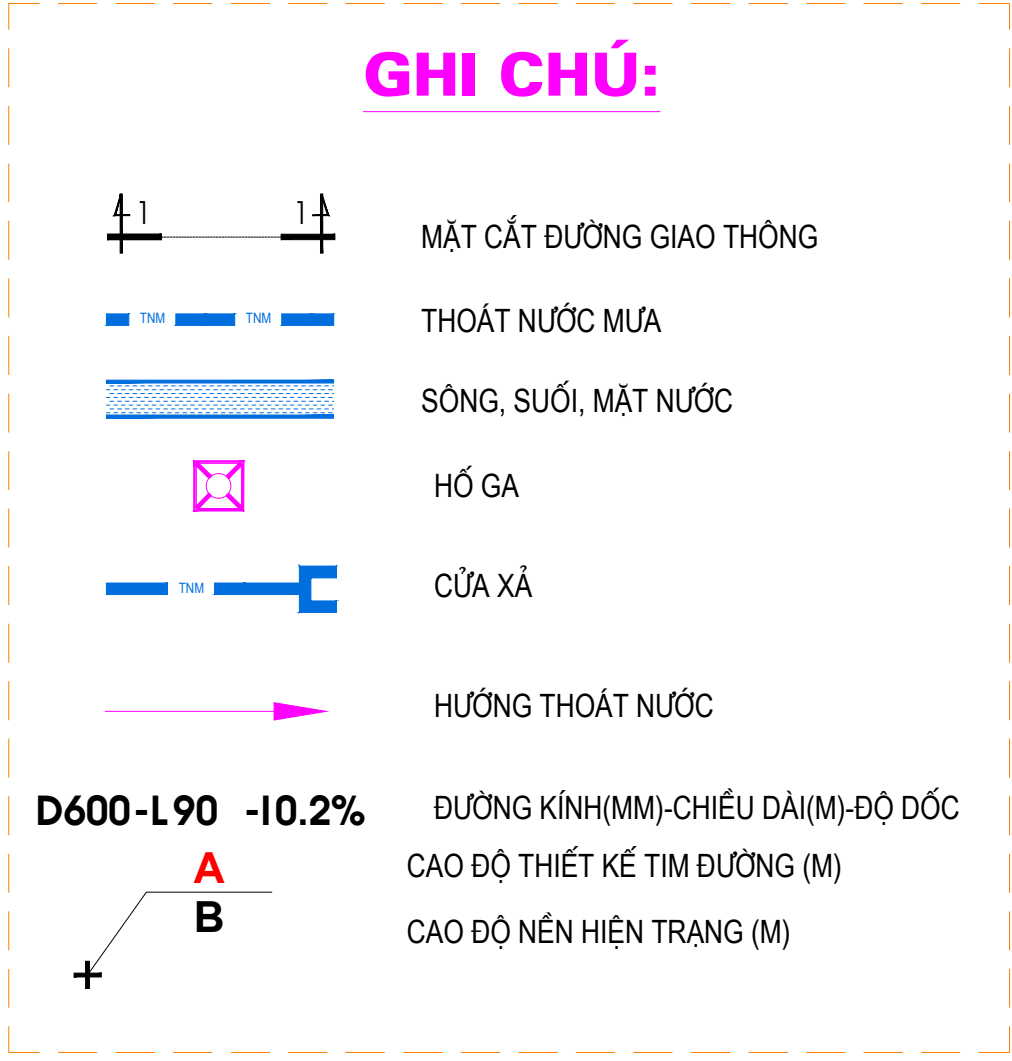
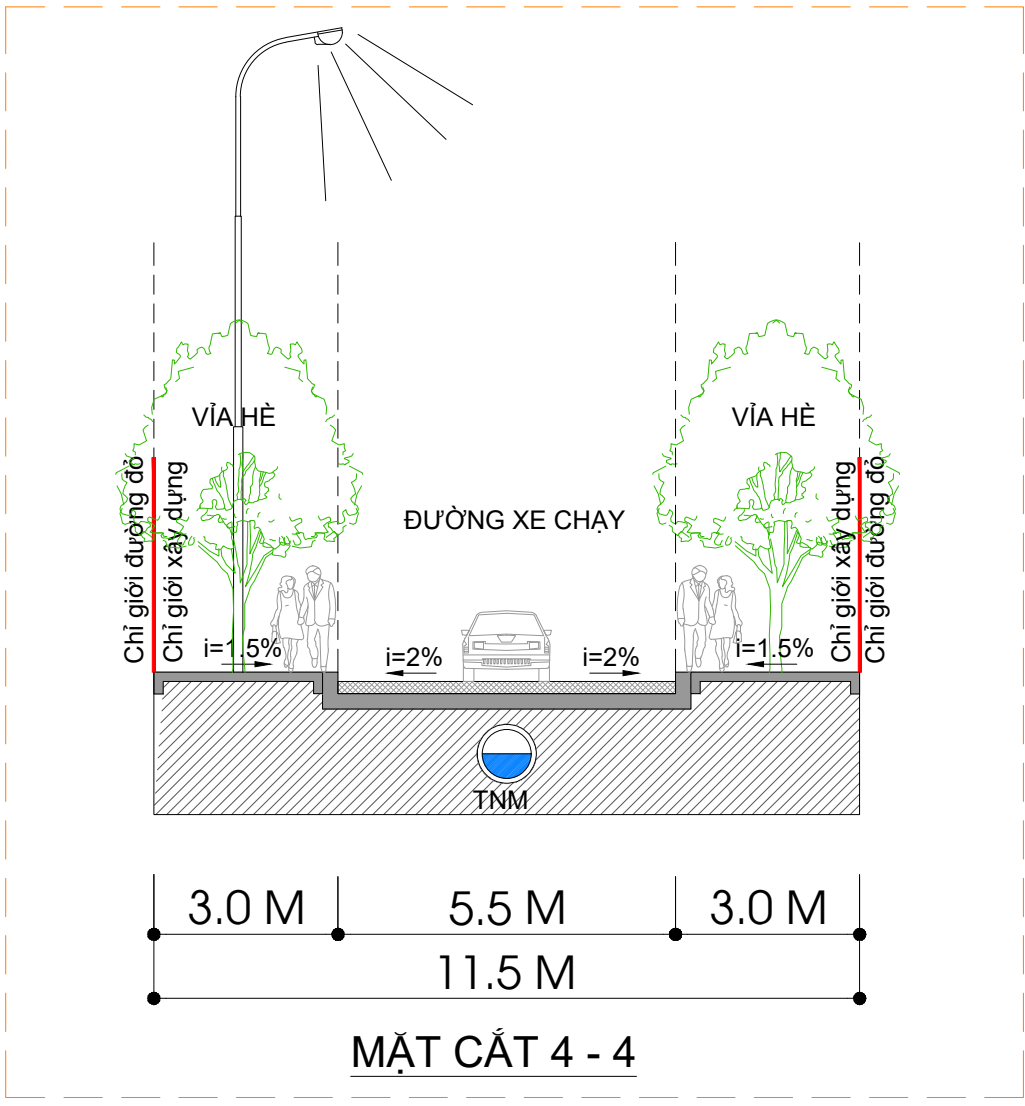
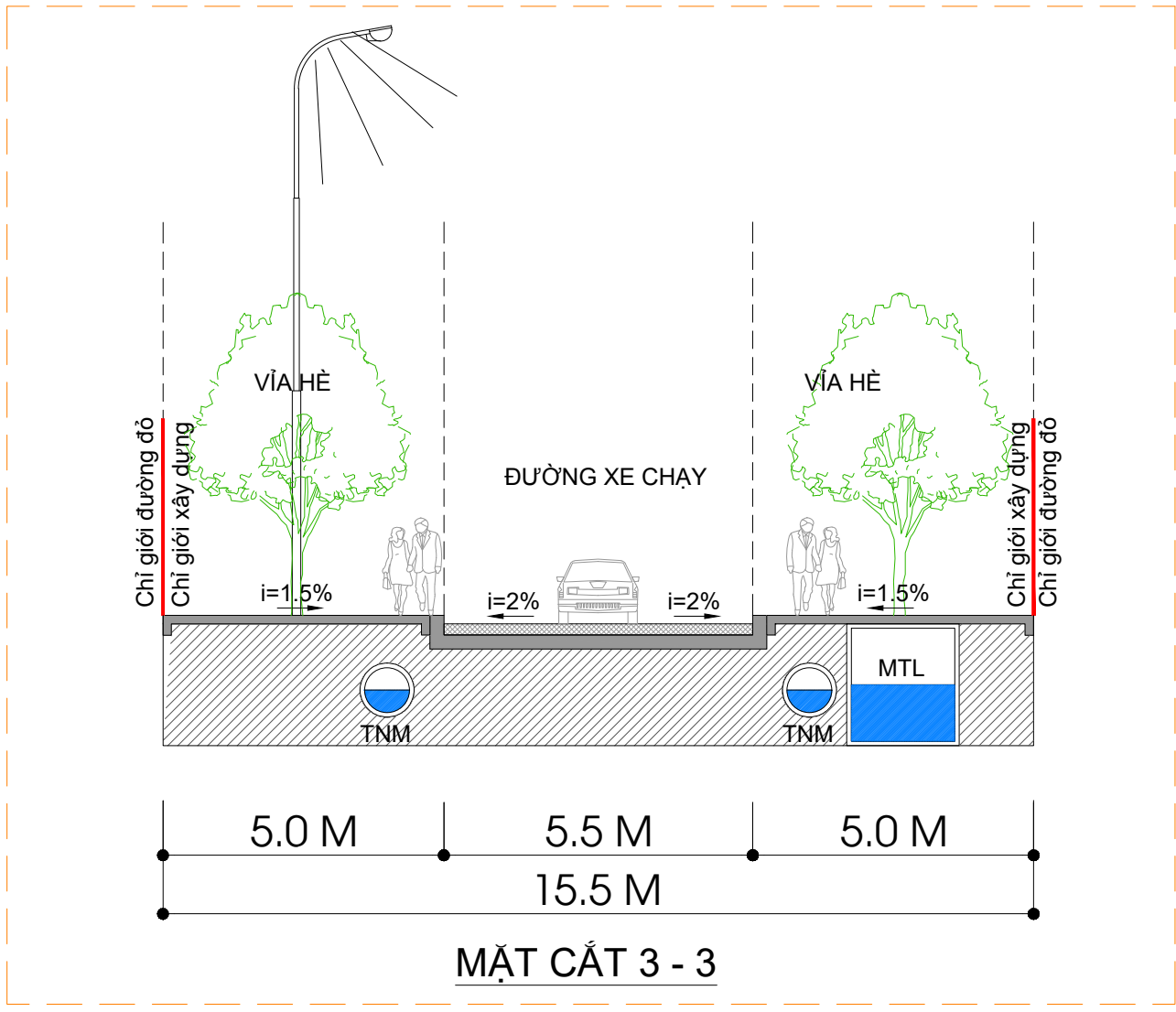
TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC MƯA

BẢN VẼ: QH - 06 GHÉP: 1A0 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY:...../...../2025

THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ		
QL KỸ THUẬT	KS. LƯU TRỌNG THÌN	

NGUYỄN VĂN ĐĂNG

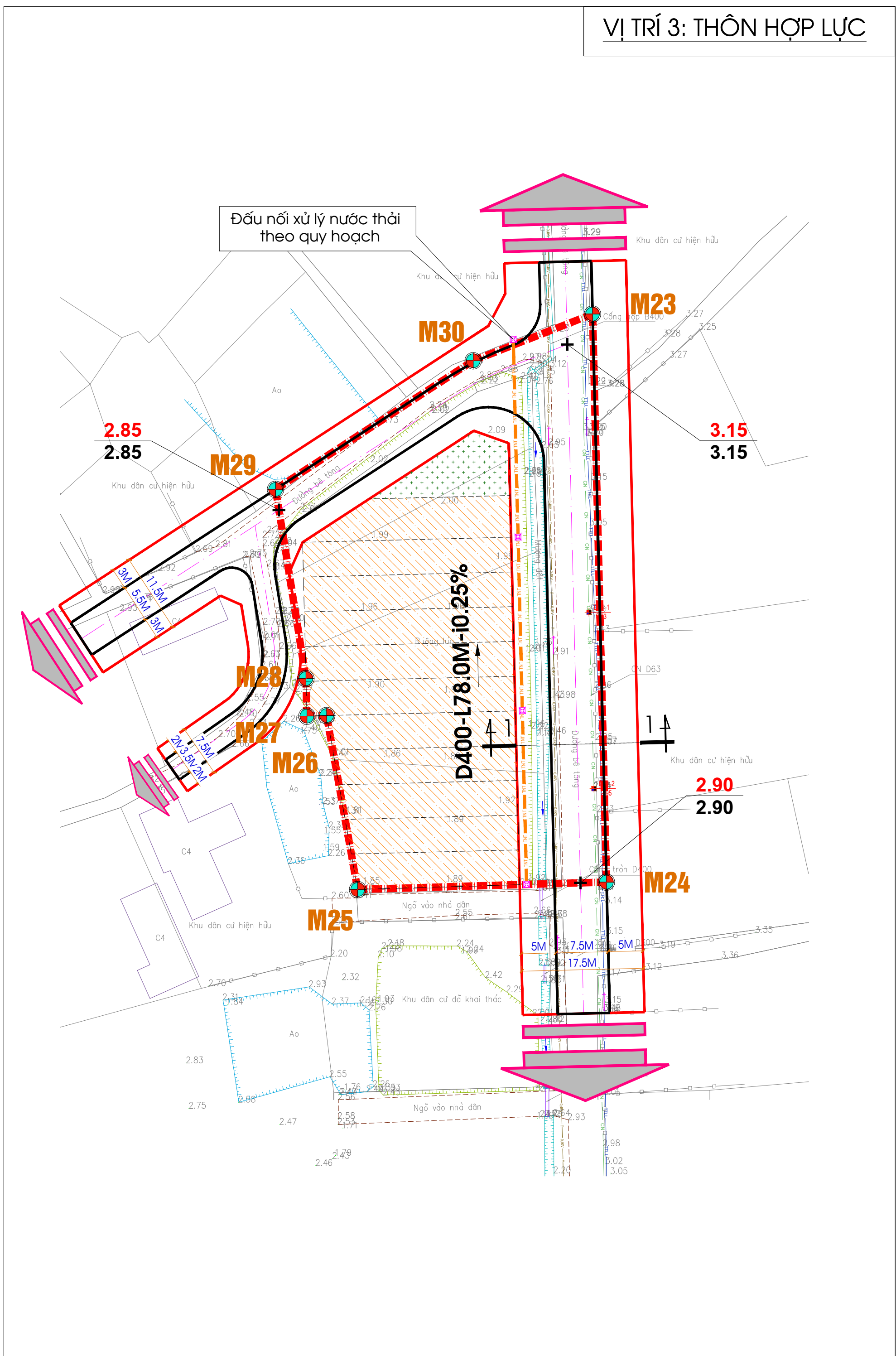
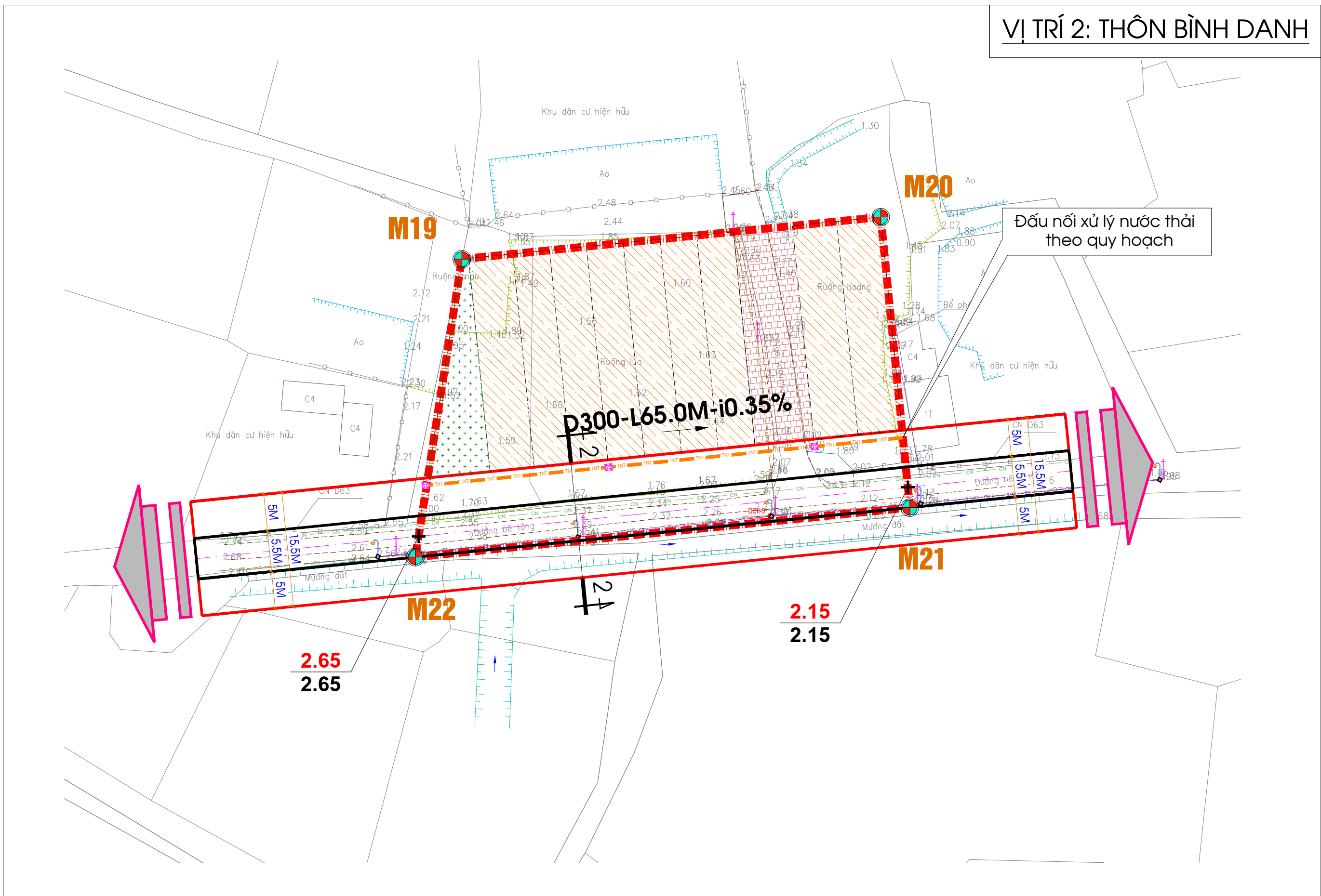
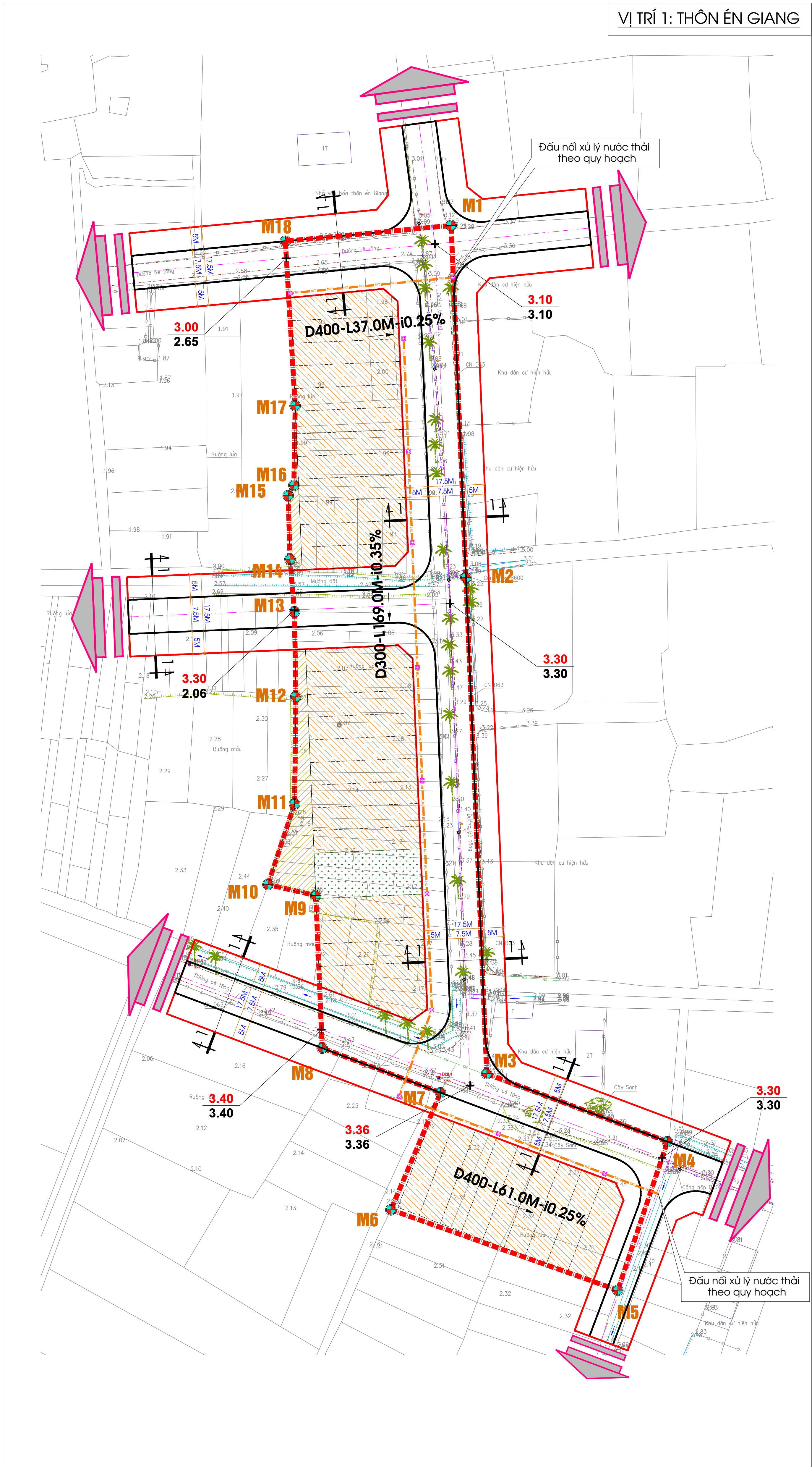
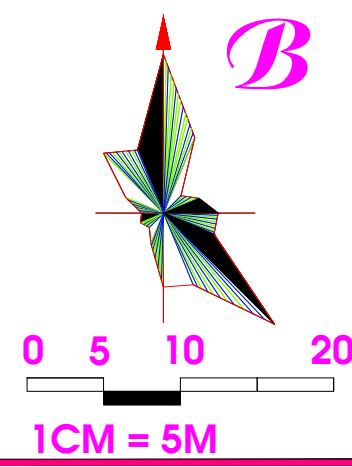
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH TST
ĐỊA CHỈ: KHỐI 2, TT RỪNG THÔNG - ĐÔNG SƠN - THANH HÓA
TEL: (037.3) 507.296 - FAX:.....



ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

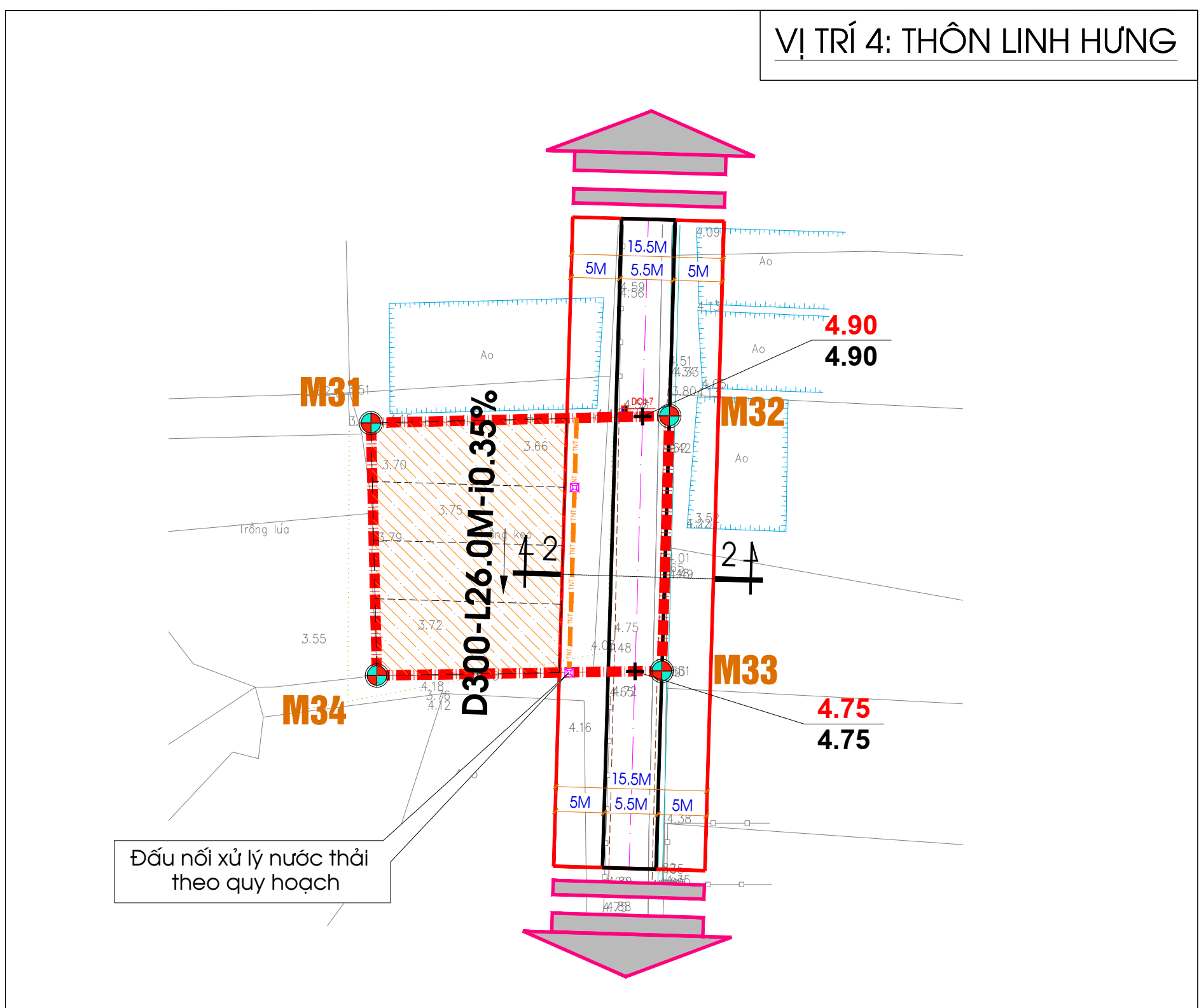
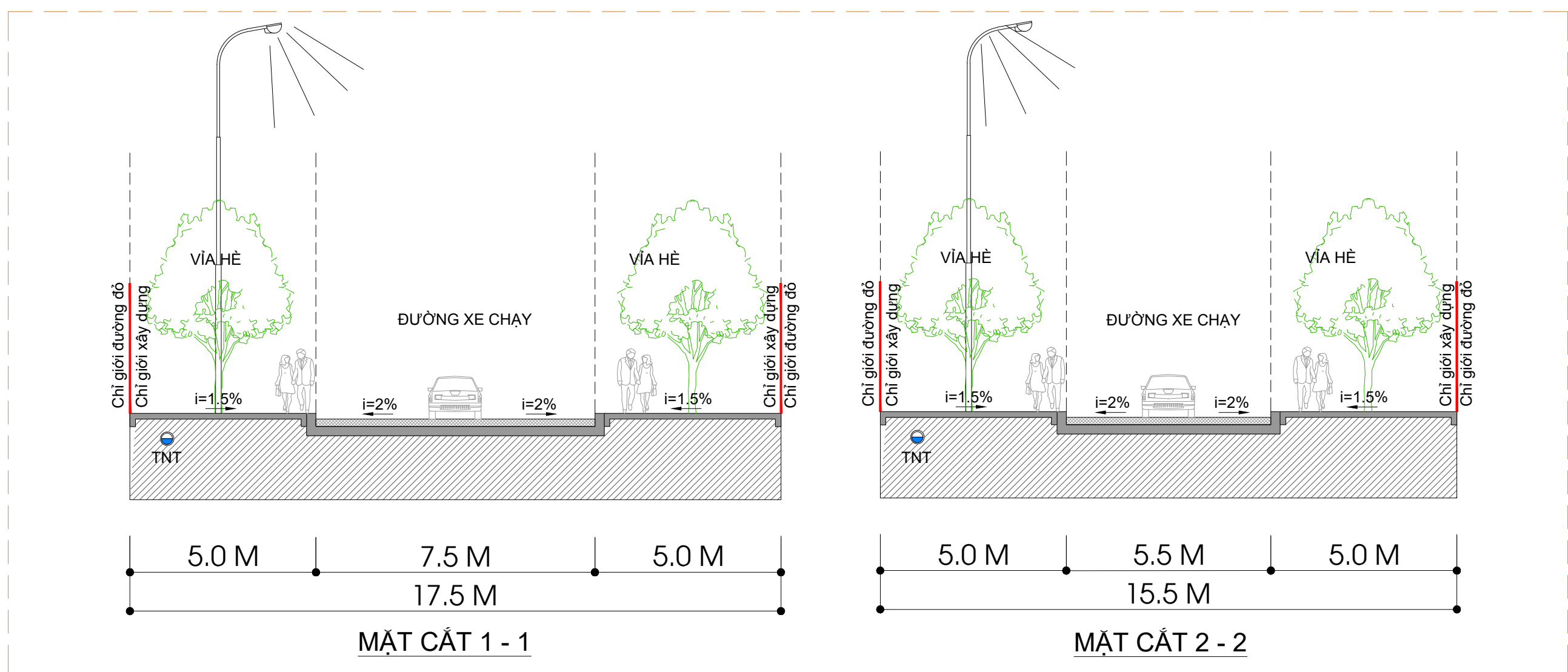
QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ, XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT



TẠO ĐỘ MỐC GIỚI QUY HOẠCH
(THEO MỐC TỌA ĐỘ VN-2000)

STT	X(M)	Y(M)
M1	2179336.8426	579354.0551
M2	2179259.2449	579357.3111
M3	2179149.9074	579361.8990
M4	2179134.9192	579401.7450
M5	2179102.1800	579390.7900
M6	2179119.9000	579340.7800
M7	2179145.7269	579351.7101
M8	2179155.5365	579325.6311
M9	2179189.1595	579324.2203
M10	2179191.5800	579313.6800
M11	2179209.3669	579319.5397
M12	2179232.9700	579319.8200
M13	2179251.7100	579319.5100
M14	2179263.3000	579318.5400
M15	2179277.3000	579318.1400
M16	2179279.5900	579319.4000
M17	2179297.1100	579319.6700
M18	2179333.3754	579317.5119
M19	2178963.0599	579527.5962
M20	2178968.7444	579584.2372
M21	2178929.4418	579588.1818
M22	2178922.7319	579521.3232
M23	2178410.2831	578228.0762
M24	2178328.5647	578230.0774
M25	2178327.5078	578194.2782
M26	2178352.5234	578189.8165
M27	2178352.4539	578186.9796
M28	2178357.8579	578186.8473
M29	2178385.0602	578182.4831
M30	2178403.5747	578210.9107
M31	2177967.8301	579776.3298
M32	2177968.5579	579806.9240
M33	2177942.4188	579806.1487
M34	2177941.9394	579776.9454



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KEM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:/QĐ-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2025

ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KEM THEO VẤN BẢN SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG HỢP
KEM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ,
XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT

BẢN VẼ: QH - 07 GHÉP: 1A0 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY:...../...../2025

THIẾT KẾ: KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

CHỦ TRÌ: KS. LƯU TRỌNG THÌN

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN ĐĂNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH TST

ĐỊA CHỈ: KHỐI 2, TT RỪNG THÔNG - ĐÔNG SƠN - THANH HÓA

TEL: (037.3) 507.296 - FAX:.....

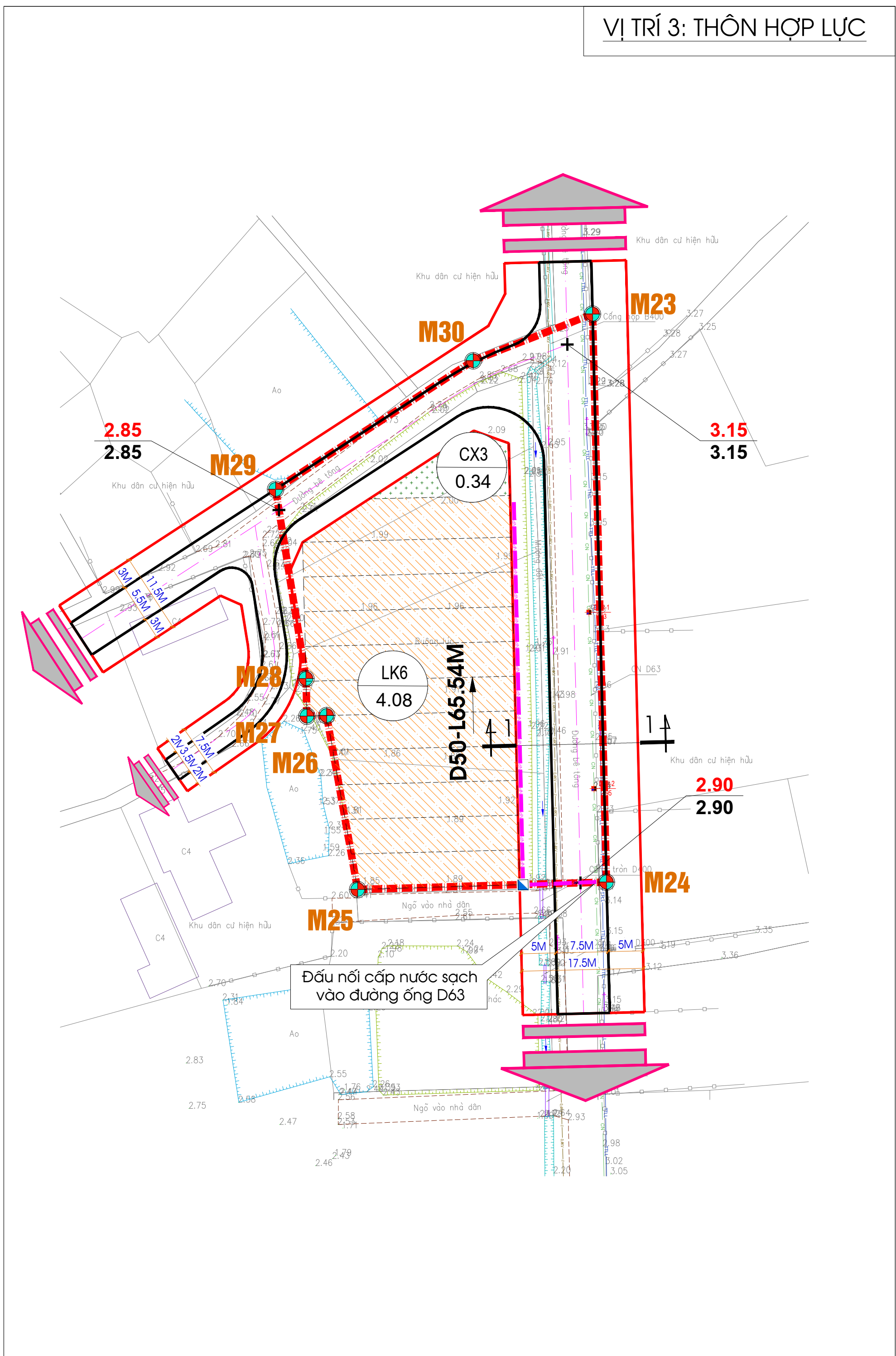
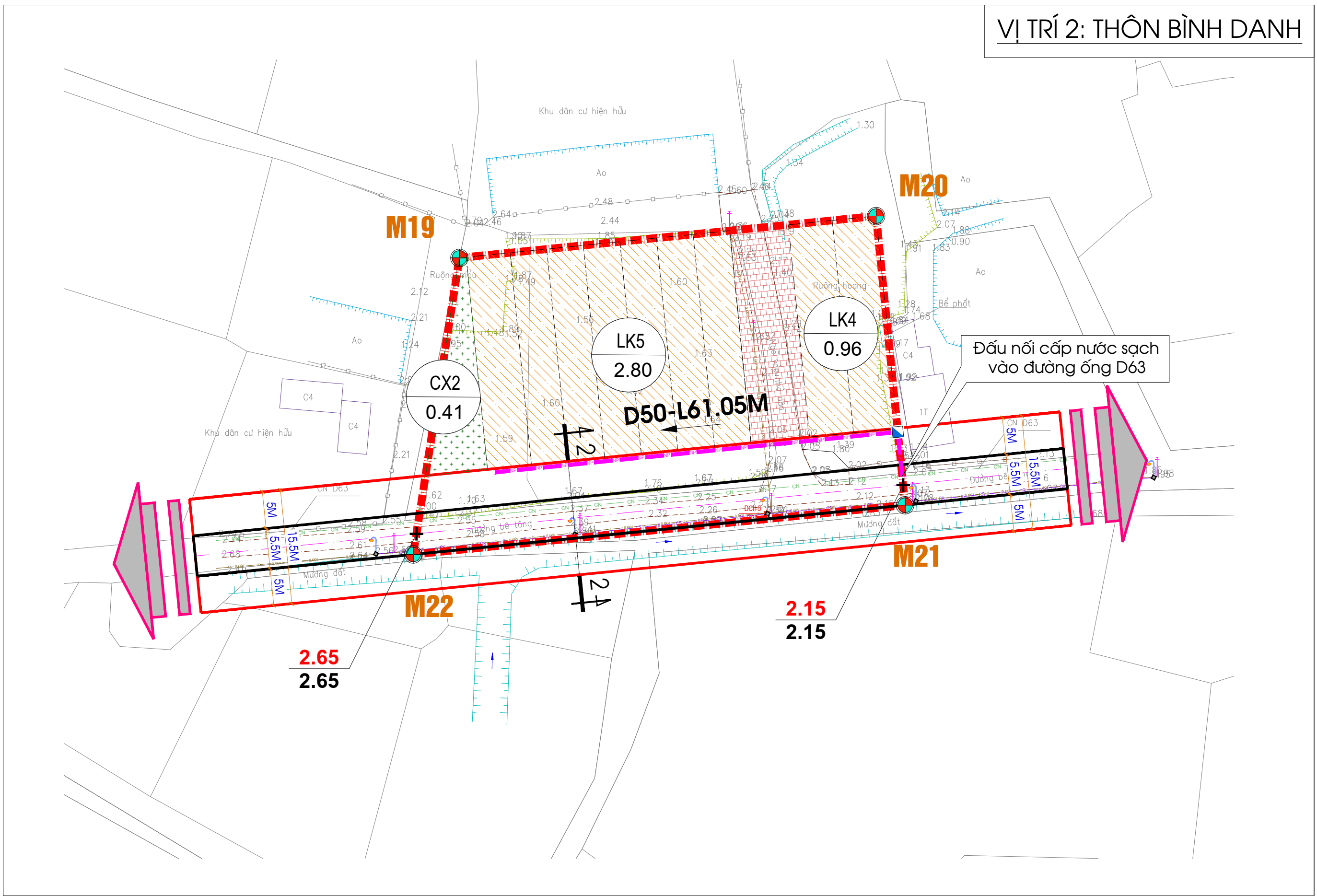
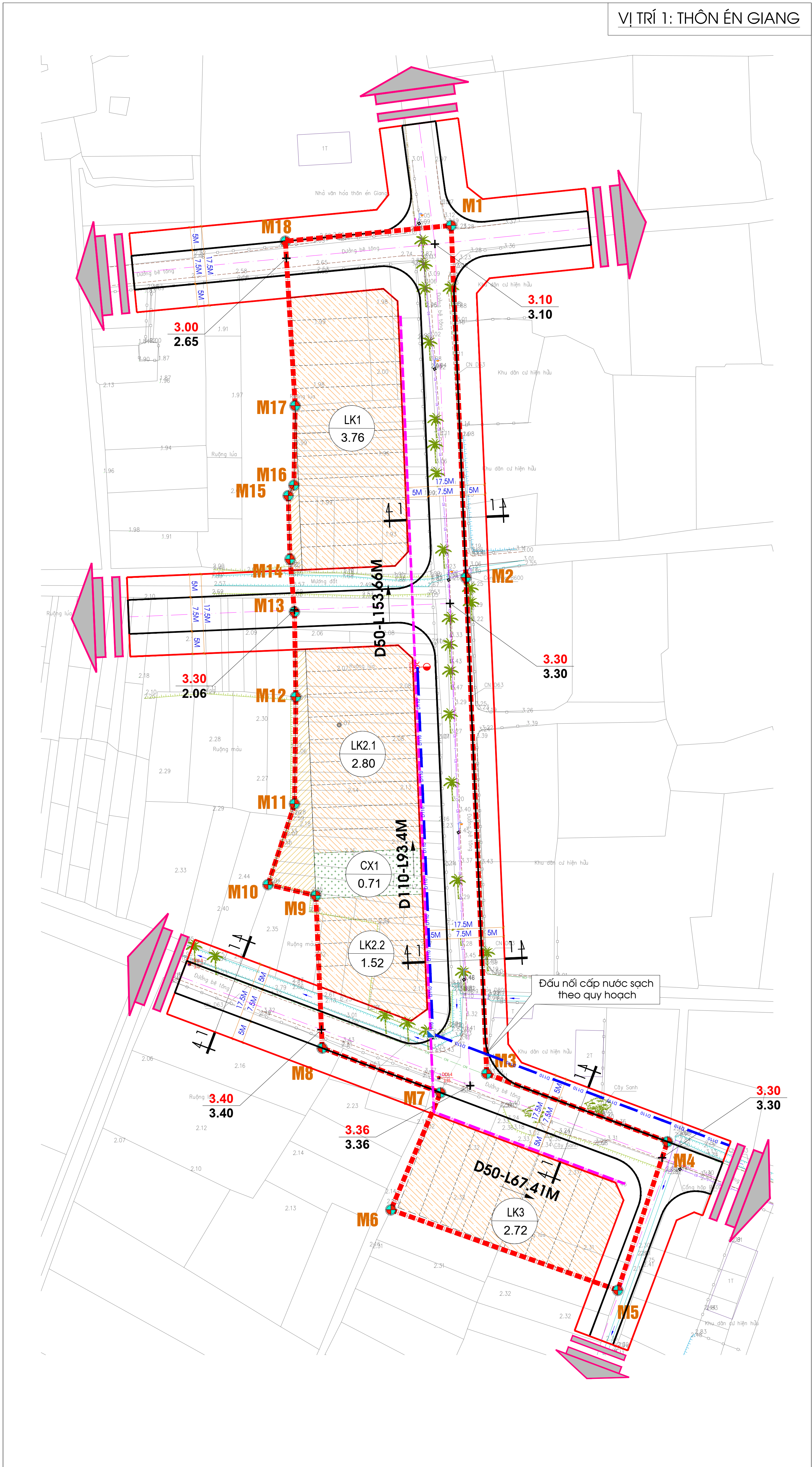
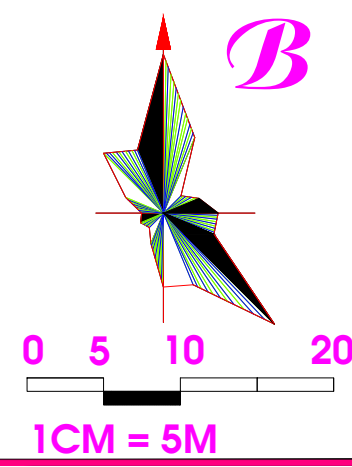
GHI CHÚ:

- MẶT CẮT ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
- SÔNG, SUỐI, MẶT NƯỚC
- HỒ GA
- CỬA XÃ
- HƯỚNG THOÁT NƯỚC
- ĐƯỜNG KÍNH(MM)-CHIỀU DÀI(M)-ĐỘ DỐC
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ TÌM ĐƯỜNG (M)
- CAO ĐỘ NỀN HIỆN TRẠNG (M)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

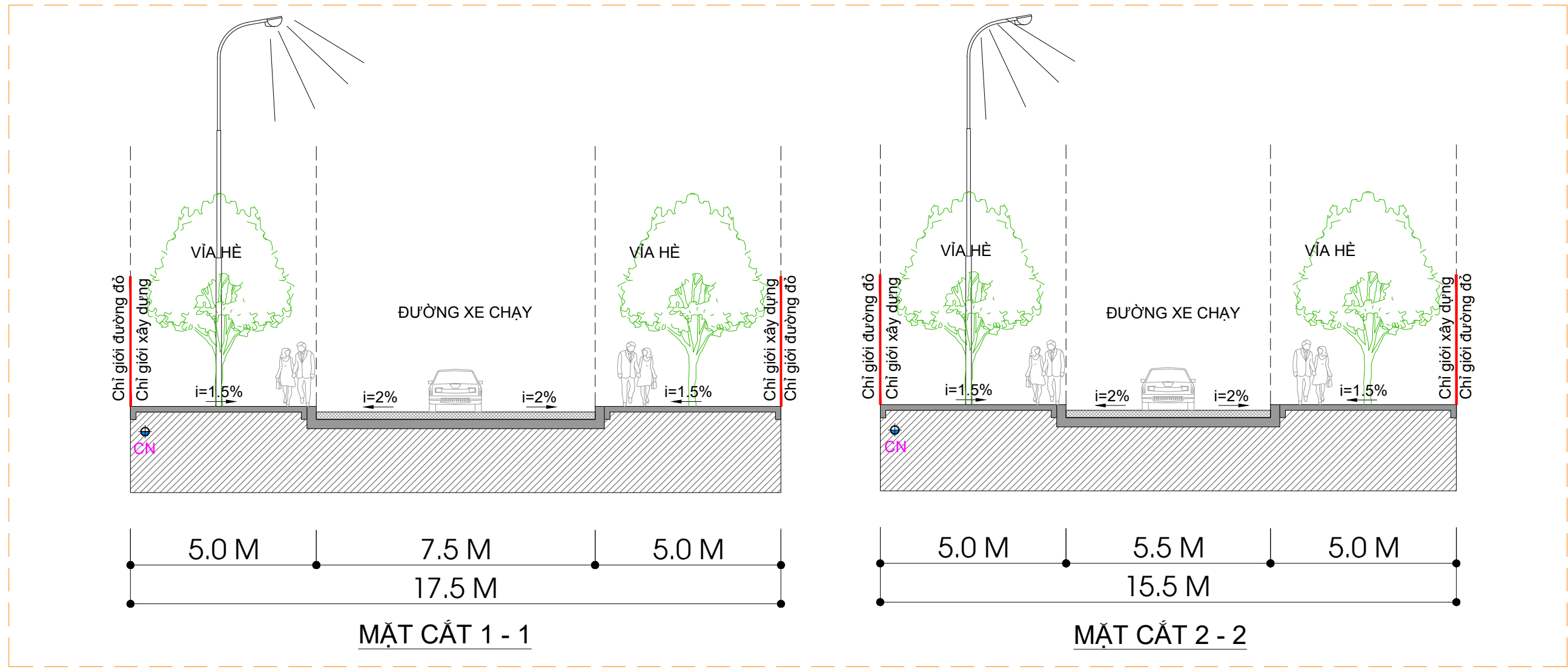
QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ, XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CẤP NƯỚC



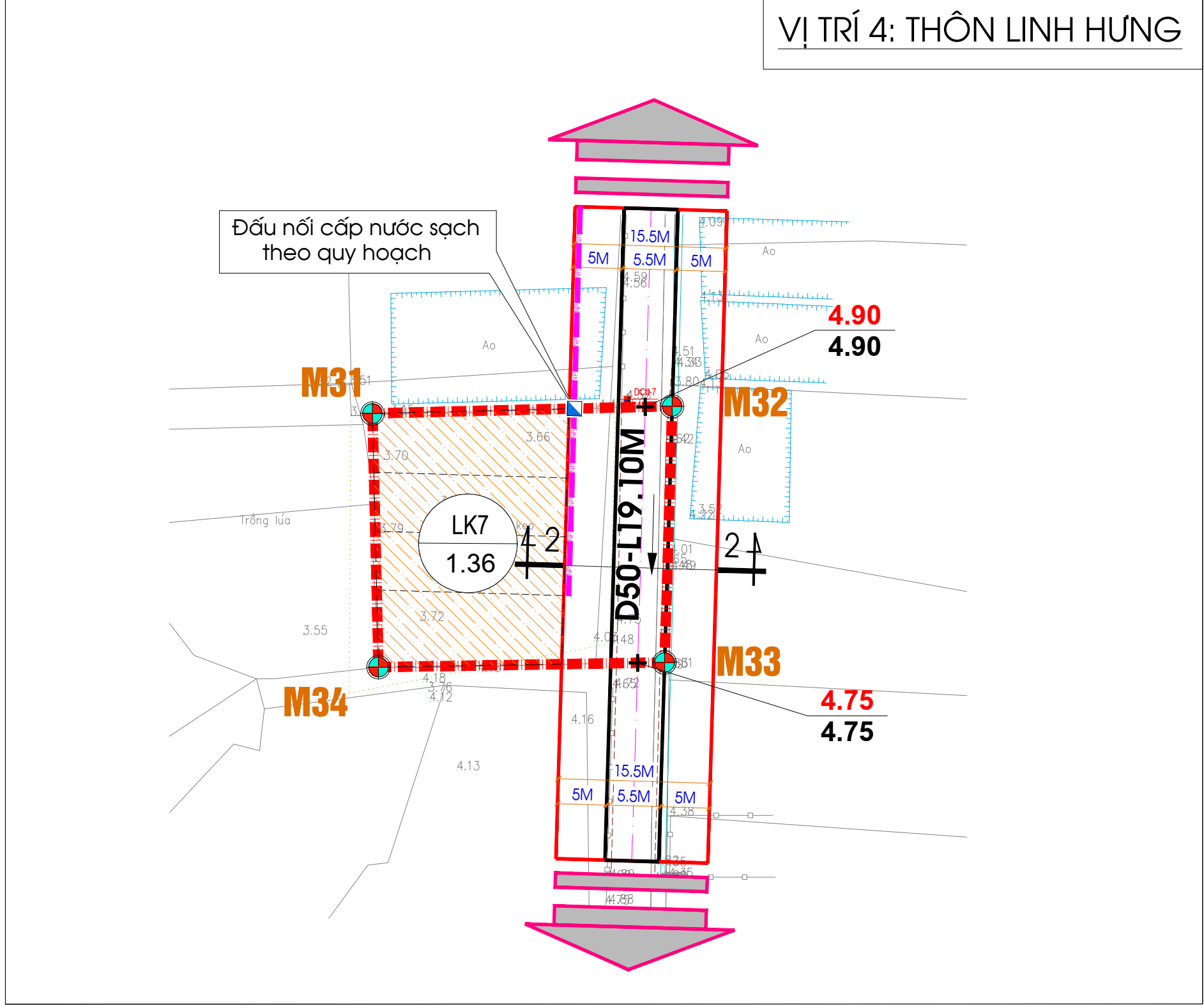
TẠO ĐỘ MỐC GIỚI QUY HOẠCH
(THEO MỐC TỌA ĐỘ VN-2000)

STT	X(M)	Y(M)
M1	2179336.8426	579354.0551
M2	2179259.2449	579357.3111
M3	2179149.9074	579361.8990
M4	2179134.9192	579401.7450
M5	2179102.1800	579390.7900
M6	2179119.9000	579340.7800
M7	2179145.7269	579351.7101
M8	2179155.5365	579325.6311
M9	2179189.1595	579324.2203
M10	2179191.5800	579313.6800
M11	2179209.3669	579319.5397
M12	2179232.9700	579319.8200
M13	2179251.7100	579319.5100
M14	2179263.3000	579318.5400
M15	2179277.3000	579318.1400
M16	2179279.5900	579319.4000
M17	2179297.1100	579319.6700
M18	2179333.3754	579317.5119
M19	2178963.0599	579527.5962
M20	2178968.7444	579584.2372
M21	2178929.4418	579588.1818
M22	2178922.7319	579521.3232
M23	2178410.2831	578228.0762
M24	2178328.5647	578230.0774
M25	2178327.5078	578194.2782
M26	2178352.5234	578189.8165
M27	2178352.4539	578186.9796
M28	2178357.8579	578186.8473
M29	2178385.0602	578182.4831
M30	2178403.5747	578210.9107
M31	2177967.8301	579776.3298
M32	2177968.5579	579806.9240
M33	2177942.4188	579806.1487
M34	2177941.9394	579776.9454



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CẤP NƯỚC			
STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Đường ống HDPE D50	m	366.76
2	Đường ống HDPE D110	m	93.40
4	Hạng cấu hóa D110	Cái	1.00
5	Hố van quản lý	Cái	4.00

BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG NƯỚC							
STT	Loại đất	Ký hiệu	Khối lượng	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nhu cầu dùng nước (m3/ngđ)
I	Đất ở phân lô	LK1	47.00	Người	80	L/ng/ngđ	3.76
		LK2.1	35.00	Người	80	L/ng/ngđ	2.80
		LK2.2	19.00	Người	80	L/ng/ngđ	1.52
		LK3	34.00	Người	80	L/ng/ngđ	2.72
		LK4	12.00	Người	80	L/ng/ngđ	0.96
		LK5	35.00	Người	80	L/ng/ngđ	2.80
		LK6	51.00	Người	80	L/ng/ngđ	4.08
II	Đất cây xanh	CX1	235.00	m2	3	L/m2/ngđ	0.71
		CX2	136.20	m2	3	L/m2/ngđ	0.41
		CX3	114.30	m2	3	L/m2/ngđ	0.34
III	Giao thông	CTGT	6786.72	m2	0.4	L/m2/ngđ	2.71
Tổng							24.17



GHI CHÚ:

- MẶT CẮT ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ỐNG CẤP NƯỚC D110
- ỐNG CẤP NƯỚC D50
- TRỤ NƯỚC CẤU HÓA D110
- NÚT ĐOẠN ỚNG
- HỐ VAN ĐIỀU TIẾT
- ĐƯỜNG KÍNH(MM) - CHIỀU DÀI(M)
- KÝ HIỆU Ớ ĐẤT
- NHU CẦU CẤP NƯỚC (M3/NGĐ)
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ TÌM ĐƯỜNG (M)
- CAO ĐỘ NỀN HIỆN TRẠNG (M)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:/QB-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2025

ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KÈM THEO VĂN BẢN SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG HỢP
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ NGÀY..... THÁNG NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ,
XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CẤP NƯỚC

BẢN VẼ: QH - 08 GHPH: 1A0 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY:...../...../2025

THIẾT KẾ: KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

CHỦ TRÌ: KS. LƯU TRỌNG THÌN

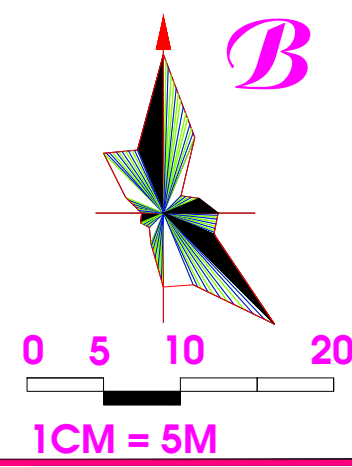
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN ĐĂNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH TST

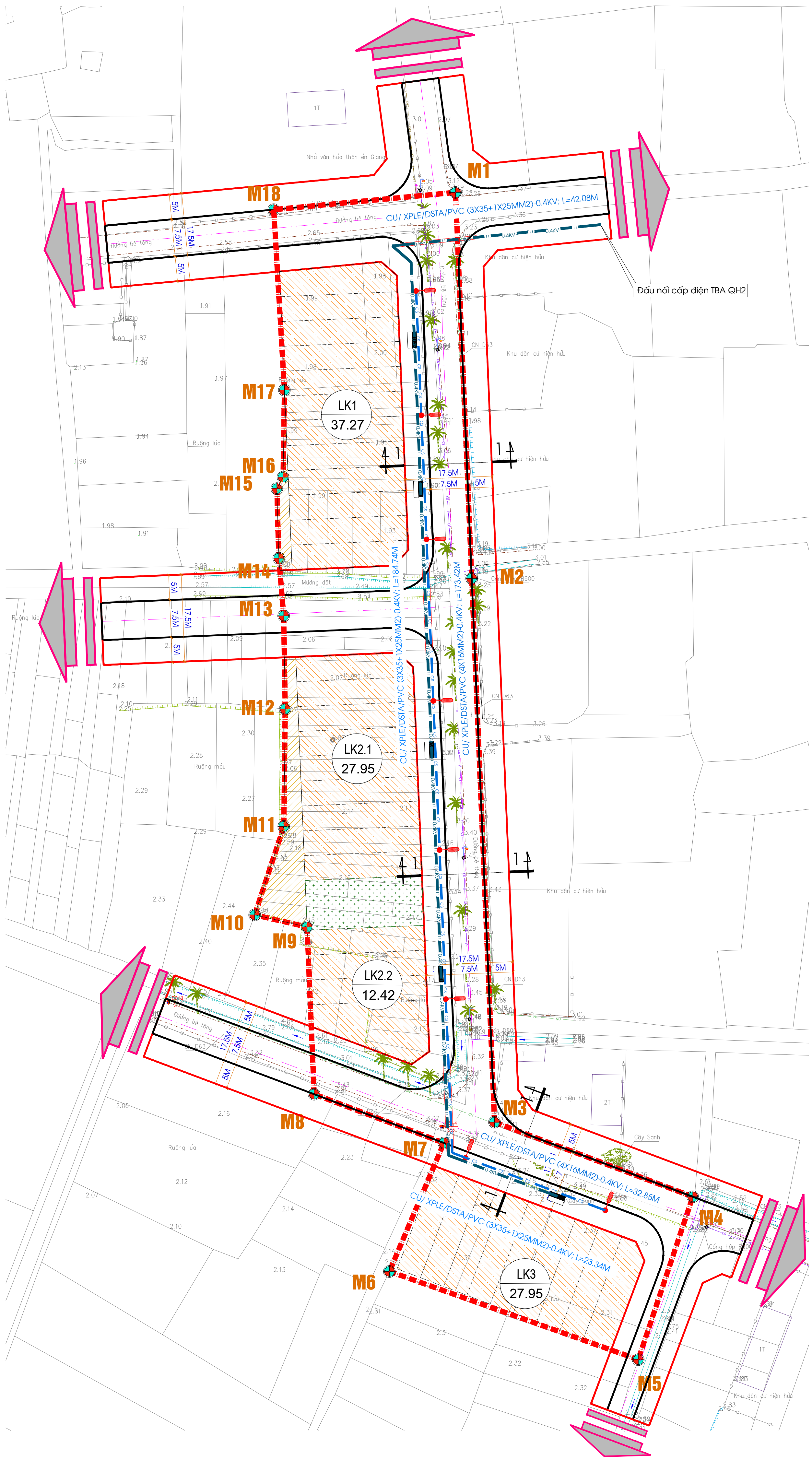
ĐỊA CHỈ: KHỐI 2, TT RỪNG THÔNG - ĐÔNG SƠN - THANH HÓA

TEL: (037.3) 507.296 - FAX:.....

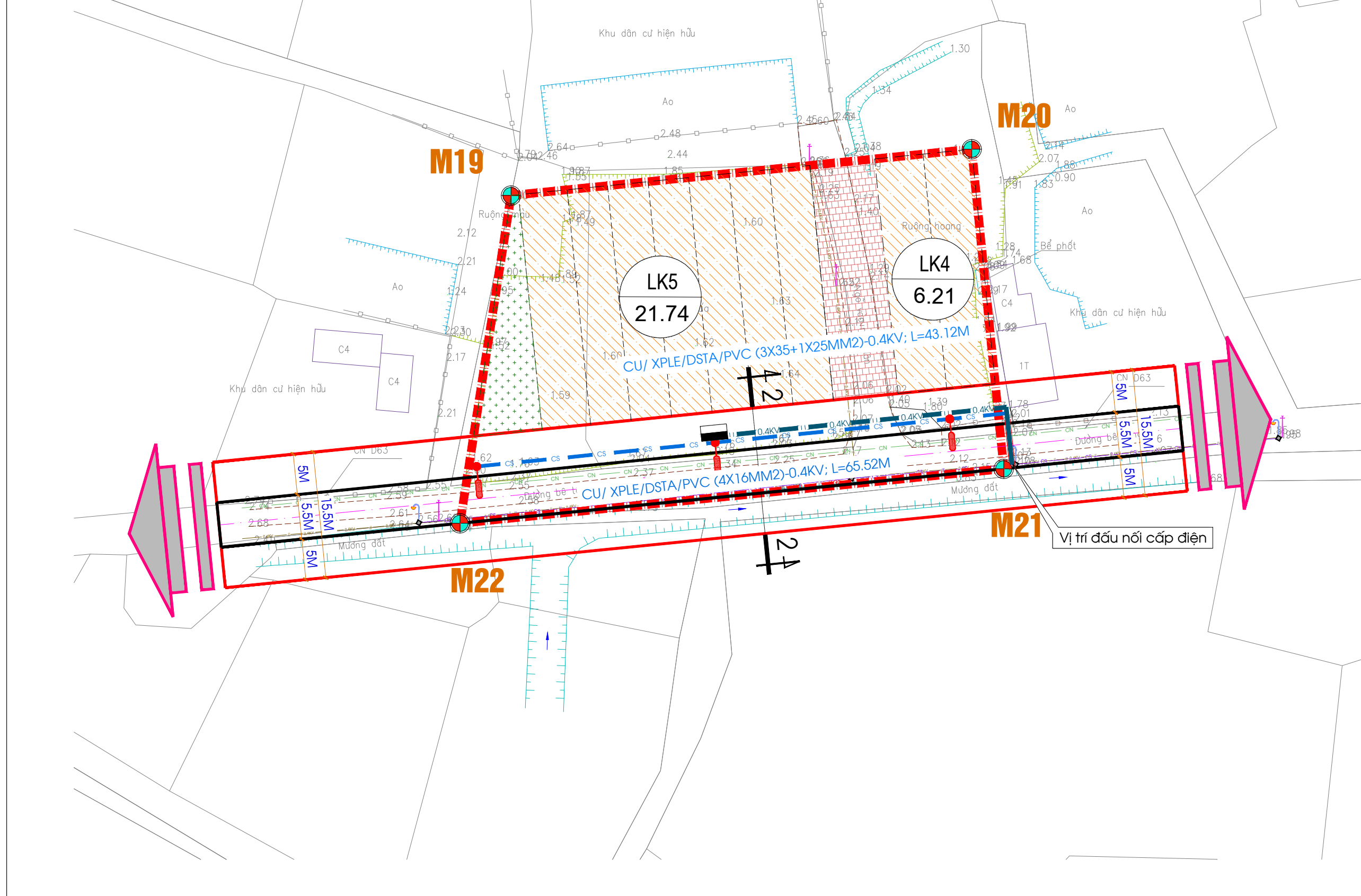
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CẤP ĐIỆN TỔNG THỂ



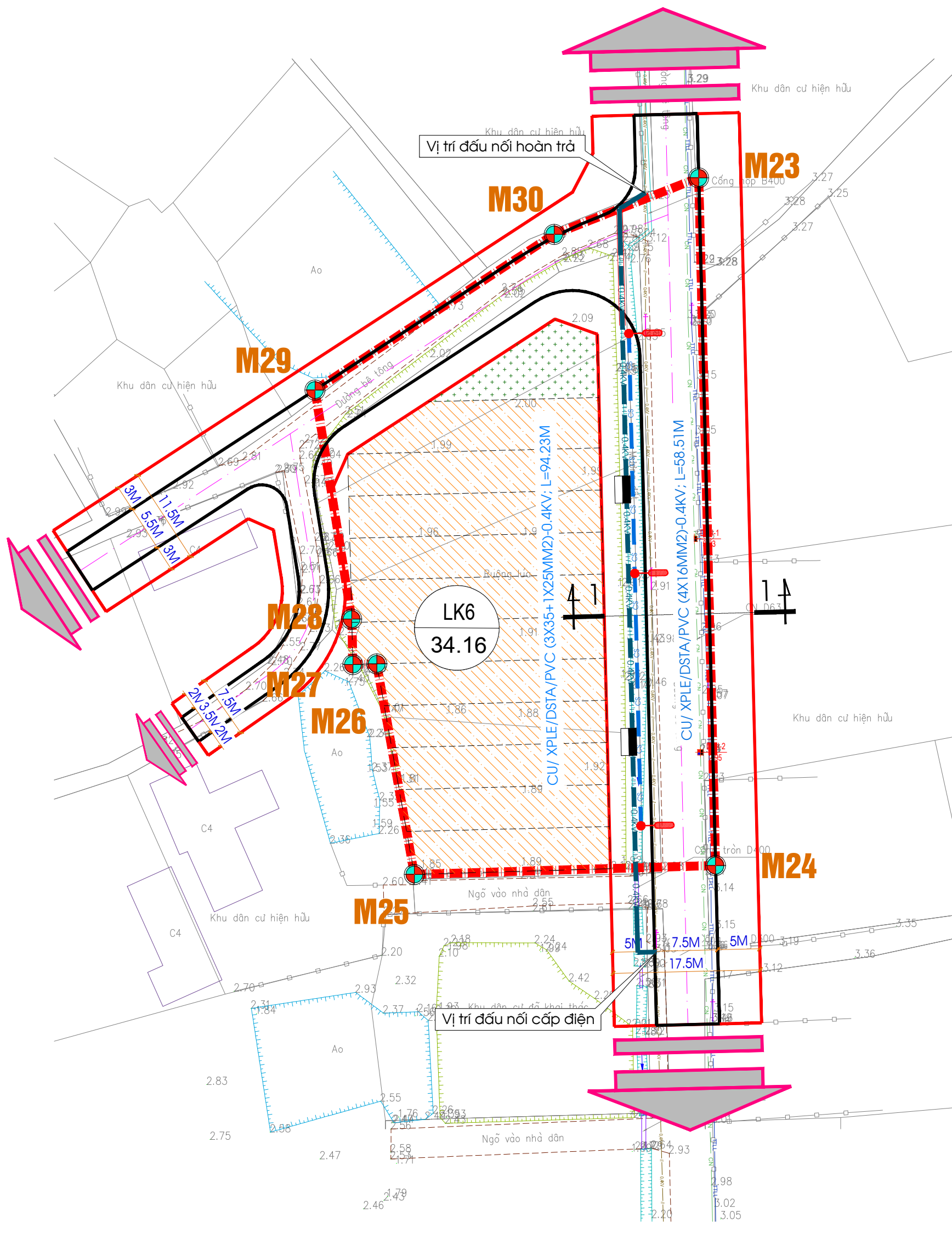
VỊ TRÍ 1: THÔN ỚN GIANG



VỊ TRÍ 2: THÔN BÌNH DANH



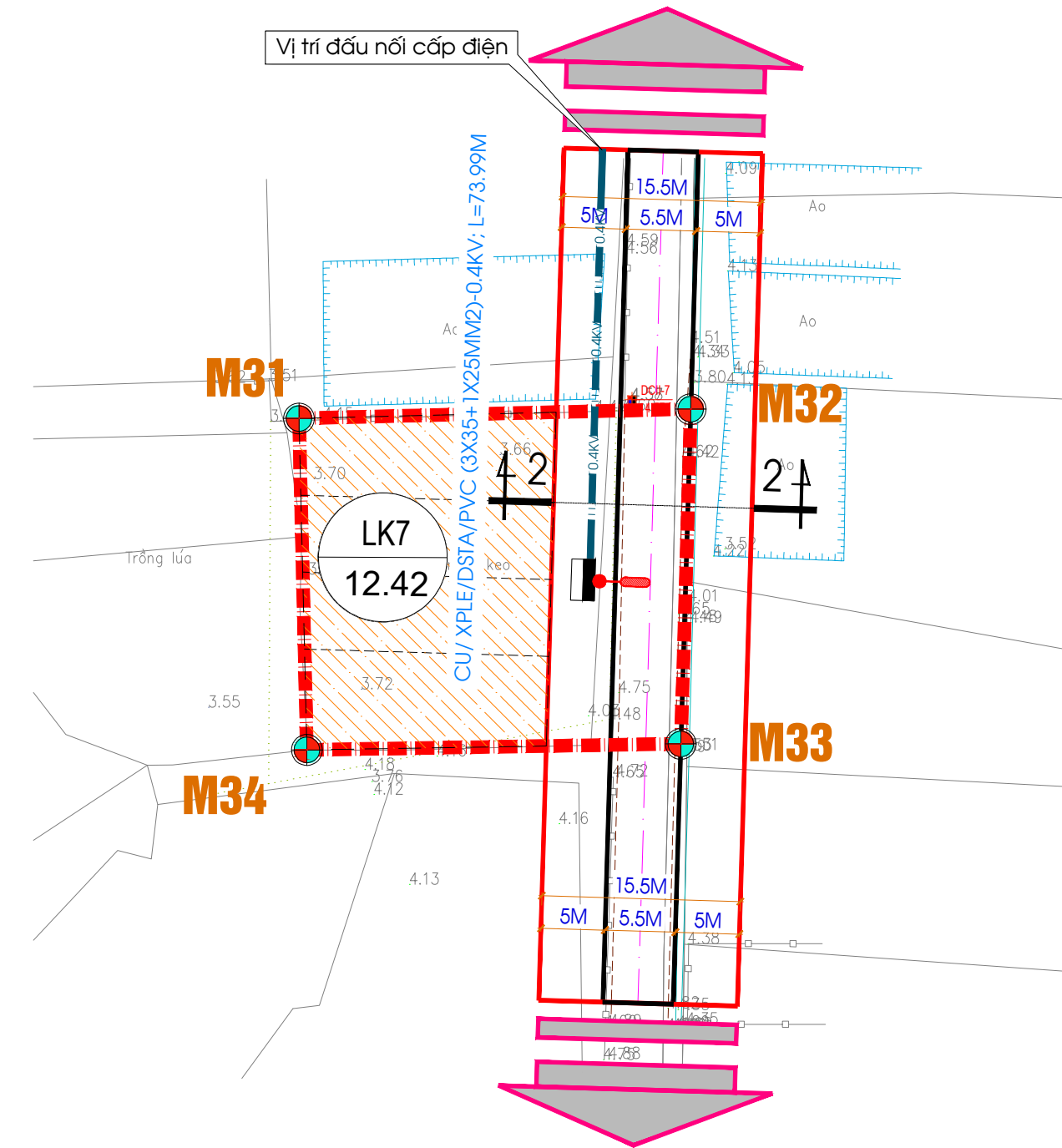
VỊ TRÍ 3: THÔN HỢP LỰC



TẠO ĐỘ MỐC GIỚI QUY HOẠCH
(THEO MỐC TỌA ĐỘ VN-2000)

STT	X(M)	Y(M)
M1	2179336.8426	579354.0551
M2	2179259.2449	579357.3111
M3	2179149.9074	579361.8990
M4	2179134.9192	579401.7450
M5	2179102.1800	579390.7900
M6	2179119.9000	579340.7800
M7	2179145.7269	579351.7101
M8	2179155.5365	579325.6311
M9	2179189.1595	579324.2203
M10	2179191.5800	579313.6800
M11	2179209.3669	579319.5397
M12	2179232.9700	579319.8200
M13	2179251.7100	579319.5100
M14	2179263.3000	579318.5400
M15	2179277.3000	579318.1400
M16	2179279.5900	579319.4000
M17	2179297.1100	579319.6700
M18	2179333.3754	579317.5119
M19	2178963.0599	579527.5962
M20	2178968.7444	579584.2372
M21	2178929.4418	579588.1818
M22	2178922.7319	579521.3232
M23	2178410.2831	578228.0762
M24	2178328.5647	578230.0774
M25	2178327.5078	578194.2782
M26	2178352.5234	578189.8165
M27	2178352.4539	578186.9796
M28	2178357.8579	578186.8473
M29	2178385.0602	578182.4831
M30	2178403.5747	578210.9107
M31	2177967.8301	579776.3298
M32	2177968.5579	579806.9240
M33	2177942.4188	579806.1487
M34	2177941.9394	579776.9454

VỊ TRÍ 4: THÔN LINH HUNG



GHI CHÚ:

- MẶT CÁT ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- CS ĐƯỜNG DÂY CHỈ DẪN
- ĐƯỜNG DÂY CẤP ĐIỆN 0.4KV
- CỘ ĐÈN CHỈ DẪN
- TỦ ĐIỆN PHÂN PHỐI
- KÝ HIỆU Ồ ĐẤT
- NHU CẦU CẤP ĐIỆN (KVA)
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ TÌM ĐƯỜNG (M)
- CAO ĐỘ NỀN HIỆN TRẠNG (M)
- TỦ ĐIỀU KHIỂN CHỈ DẪN

BẢNG TÍNH TOÁN PHỤ TẢI ĐIỆN KHU DÂN CƯ

STT	Loại đất	Ký hiệu	Khối lượng	Chỉ tiêu	Đơn vị	Công suất đặt (Kw)	Hệ số đồng thời Kđt	Hệ số cọc φ	Hệ số dự phòng K=1,1	STT (KVA)
I	Đất ở phân lô	LK1	12,00	3	kW/hộ	36,00	0,8	0,85	1,1	37,27
		LK2.1	9,00	3	kW/hộ	27,00	0,8	0,85	1,1	27,95
		LK2.2	4,00	3	kW/hộ	12,00	0,8	0,85	1,1	12,42
		LK3	9,00	3	kW/hộ	27,00	0,8	0,85	1,1	27,95
		LK4	2,00	3	kW/hộ	6,00	0,8	0,85	1,1	6,21
		LK5	7,00	3	kW/hộ	21,00	0,8	0,85	1,1	21,74
		LK6	11,00	3	kW/hộ	33,00	0,8	0,85	1,1	34,16
II	Đất gia thông	GT	6786,72	1	W/m2	6,79	0,8	0,85	1,1	7,03
		TỔNG				180,8	0,8	0,85	1,1	187,17

BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ CẤP ĐIỆN

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Tủ điện phân phối hạ áp	Tủ	9,00
2	Cáp ngầm hạ áp Cu/ Xple/Dsta/Pvc (3x35+ 1x25mm2)-0.4KV	m	419,42
3	Ống thép bảo vệ cáp D50	m	75,00

BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ CẤP ĐIỆN CHIẾU SÁNG

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Tủ điện phân phối chiếu sáng	Tủ	1,00
2	Cáp ngầm chiếu sáng CU/ XPLE/DSTA/PVC (4x16mm2)-0.4KV	m	330,30
3	Đèn đường chiếu sáng (Hcột = 7m)	bộ	15,00

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KEM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:/QB-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2025

ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KEM THEO VĂN BẢN SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG HỢP
KEM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ,
XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CẤP ĐIỆN TỔNG THỂ

BẢN VẼ: QH - 09 GHÉP: 1A0 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY:...../...../2025

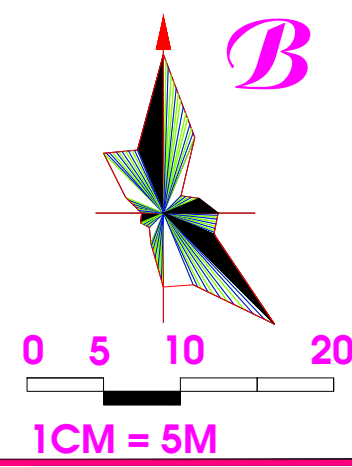
THIẾT KẾ: KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

CHỦ TRÌ: KS. LƯU TRỌNG THÌN

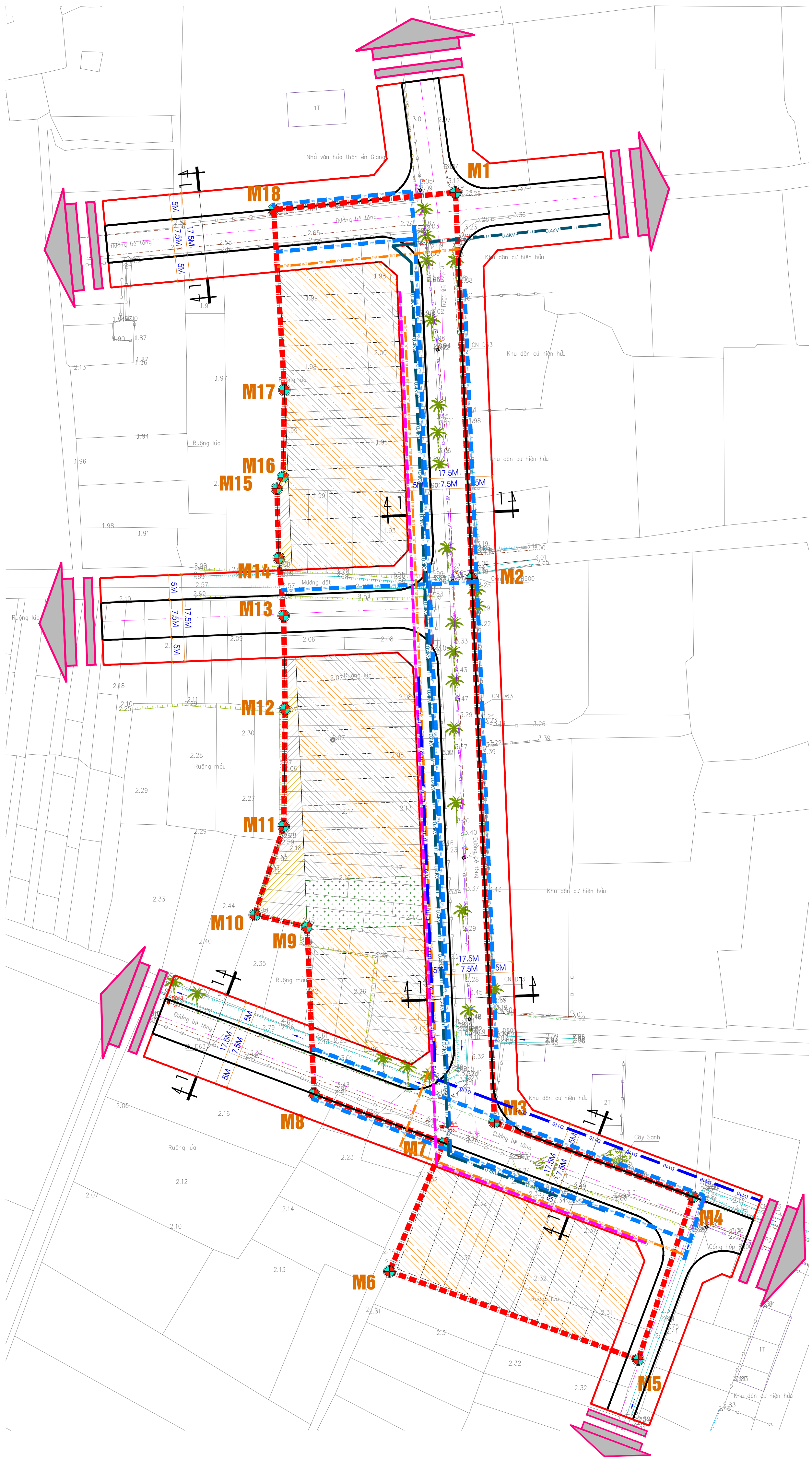
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN ĐĂNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH TST
ĐỊA CHỈ: KHỐI 2, TT RỪNG THÔNG - ĐÔNG SƠN - THANH HÓA
TEL: (037.3) 507.296 - FAX:.....

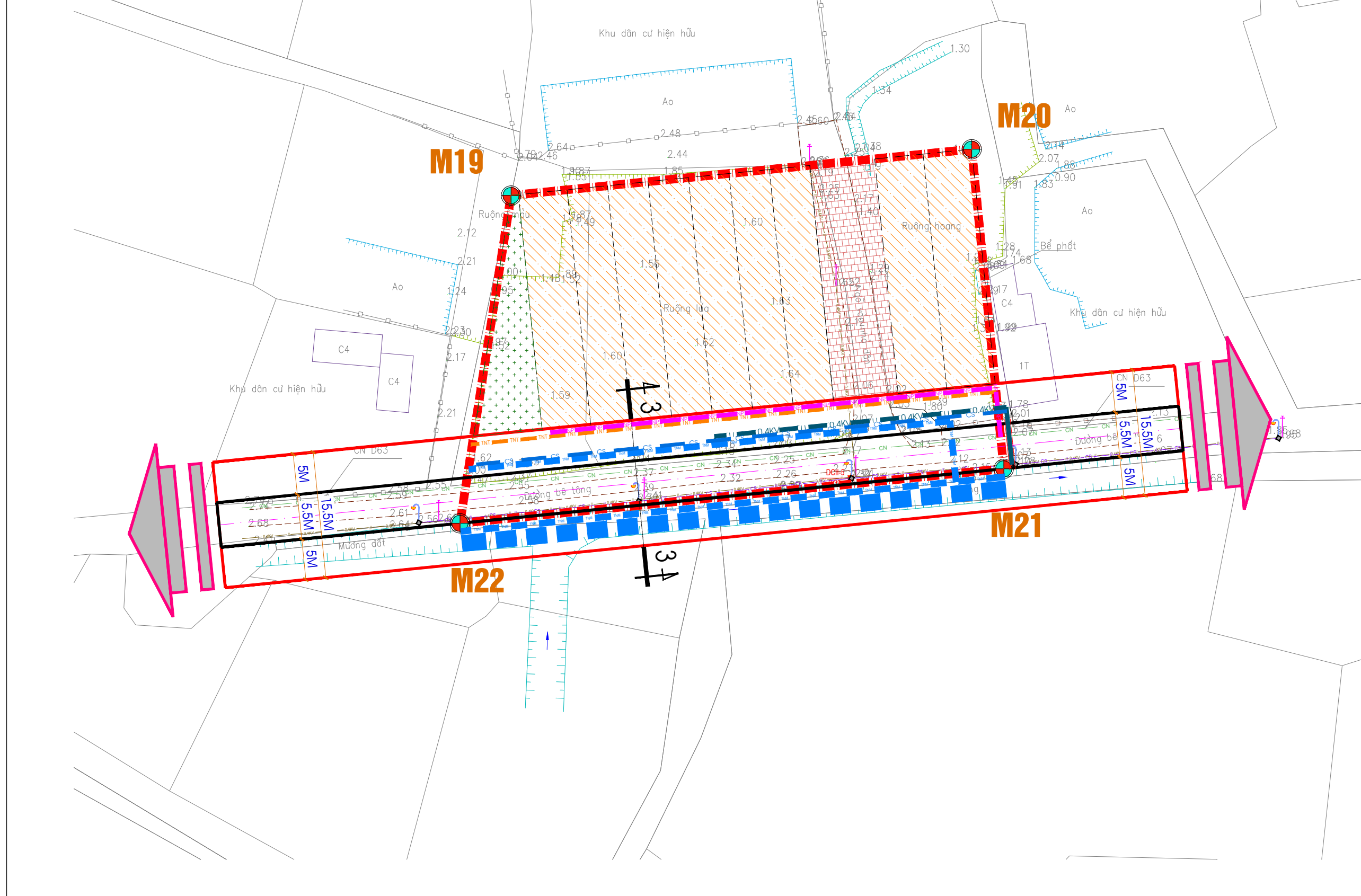
BẢN ĐỒ TỔNG HỢP ĐƯỜNG DÂY ĐƯỜNG ỐNG KỸ THUẬT



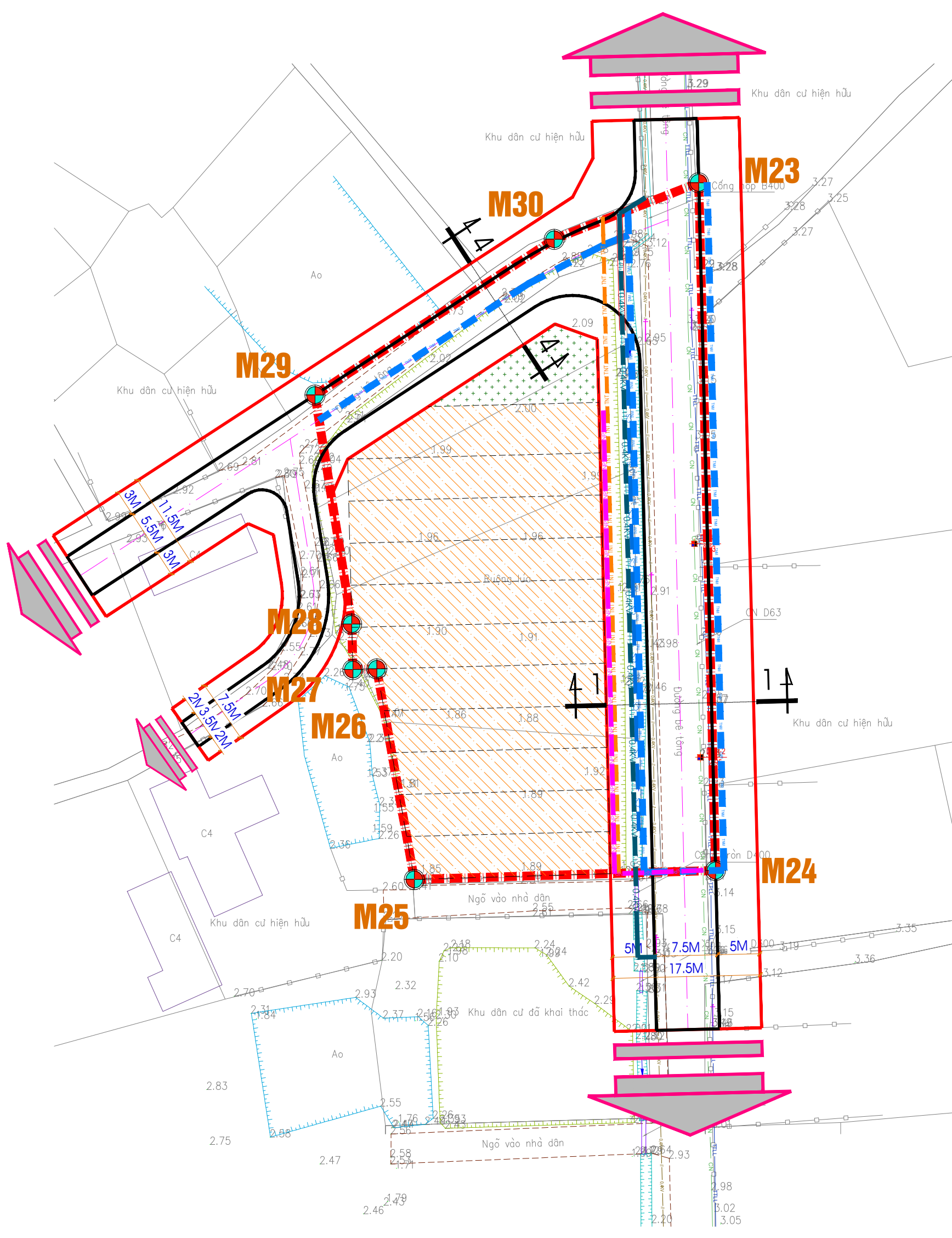
VỊ TRÍ 1: THÔN ỚN GIANG



VỊ TRÍ 2: THÔN BÌNH DANH



VỊ TRÍ 3: THÔN HỢP LỰC



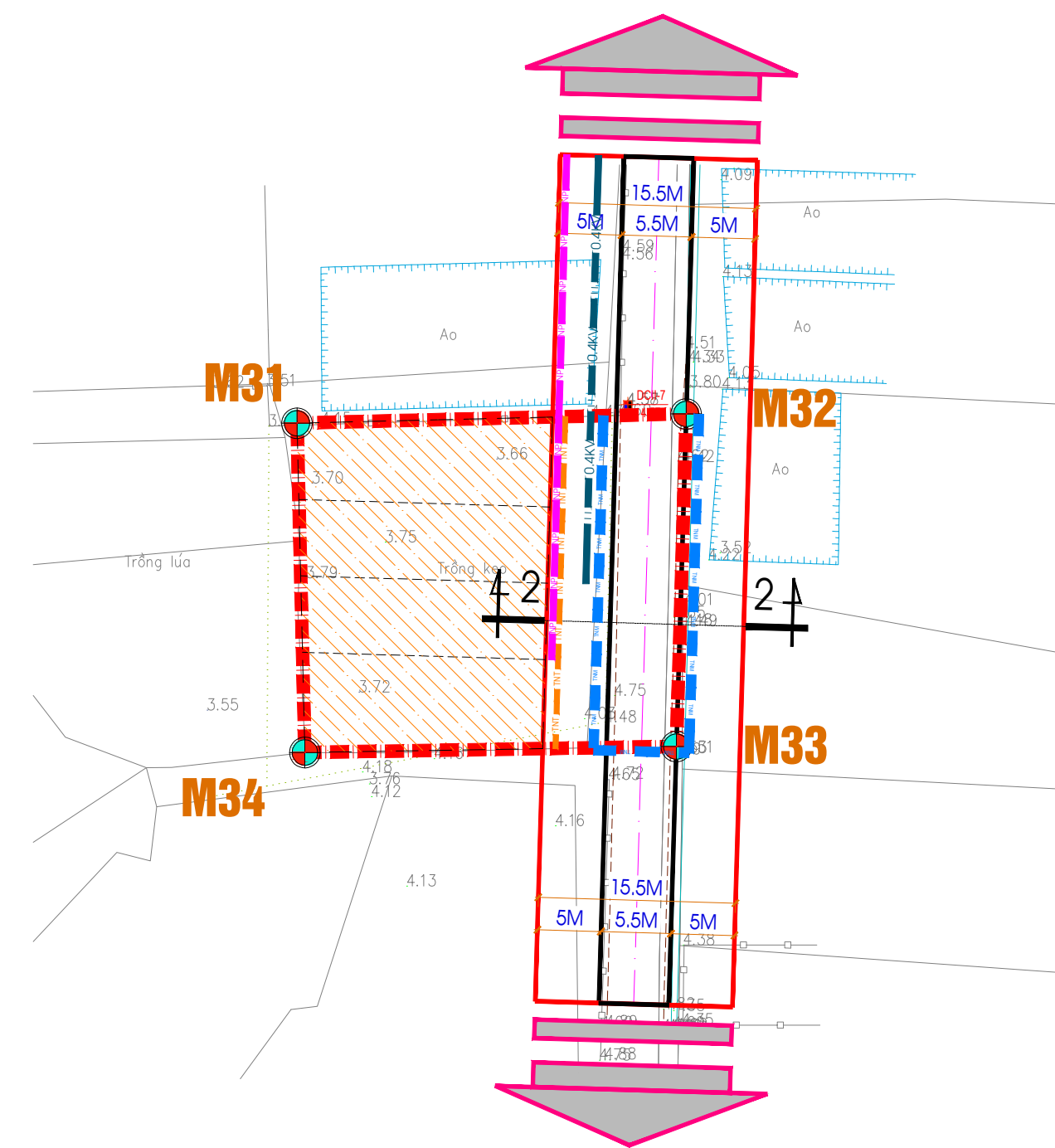
TẠO ĐỘ MỐC GIỚI QUY HOẠCH
(THEO MỐC TỌA ĐỘ VN-2000)

STT	X(M)	Y(M)
M1	2179336.8426	579354.0551
M2	2179259.2449	579357.3111
M3	2179149.9074	579361.8990
M4	2179134.9192	579401.7450
M5	2179102.1800	579390.7900
M6	2179119.9000	579340.7800
M7	2179145.7269	579351.7101
M8	2179155.5365	579325.6311
M9	2179189.1595	579324.2203
M10	2179191.5800	579313.6800
M11	2179209.3669	579319.5397
M12	2179232.9700	579319.8200
M13	2179251.7100	579319.5100
M14	2179263.3000	579318.5400
M15	2179277.3000	579318.1400
M16	2179279.5900	579319.4000
M17	2179297.1100	579319.6700
M18	2179333.3754	579317.5119
M19	2178963.0599	579527.5962
M20	2178968.7444	579584.2372
M21	2178929.4418	579588.1818
M22	2178922.7319	579521.3232
M23	2178410.2831	578228.0762
M24	2178328.5647	578230.0774
M25	2178327.5078	578194.2782
M26	2178352.5234	578189.8165
M27	2178352.4539	578186.9796
M28	2178357.8579	578186.8473
M29	2178385.0602	578182.4831
M30	2178403.5747	578210.9107
M31	2177967.8301	579776.3298
M32	2177968.5579	579806.9240
M33	2177942.4188	579806.1487
M34	2177941.9394	579776.9454

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐƯỜNG DÂY, ĐƯỜNG ỐNG

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Cống thoát nước D600	m	1010,00
2	Ga thăm thu kết hợp	hố	45,00
3	Cửa xả	cái	5,00
4	Mương thủy lợi KT B2000	m	68,00
5	Cống thoát nước D400	m	176,00
6	Cống thoát nước D300	m	260,00
7	Ga thăm thu kết hợp	hố	21,00
8	Đường ống HDPE D50	m	366,76
9	Đường ống HDPE D110	m	93,40
10	Hạng cứu hỏa D110	Cái	1,00
11	Hố van quản lý	Cái	4,00
12	Tủ điện phân phối hạ áp	Tủ	9,00
13	Cáp ngầm hạ áp Cu/ XPLE/Dsta/Pvc (3x35+1x25mm2)-0.4KV	m	419,42
14	Ống thép bảo vệ cáp D50	m	75,00
15	Tủ điện phân phối chiếu sáng	Tủ	1,00
16	Cáp ngầm chiếu sáng CU/ XPLE/DSTA/PVC (4x16mm2)-0.4KV	m	330,30
17	Đèn đường chiếu sáng (Hcột = 7m)	bộ	15,00

VỊ TRÍ 4: THÔN LINH HUNG



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KEM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:/QĐ-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2025

ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KEM THEO VĂN BẢN SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG HỢP
KEM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ,
XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ TỔNG HỢP ĐƯỜNG DÂY ĐƯỜNG ỐNG KỸ THUẬT

BẢN VẼ: QH - 10 GHÉP: 1A0 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY:...../...../2025

THIẾT KẾ: KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

CHỦ TRÌ: KS. LƯU TRỌNG THÌN

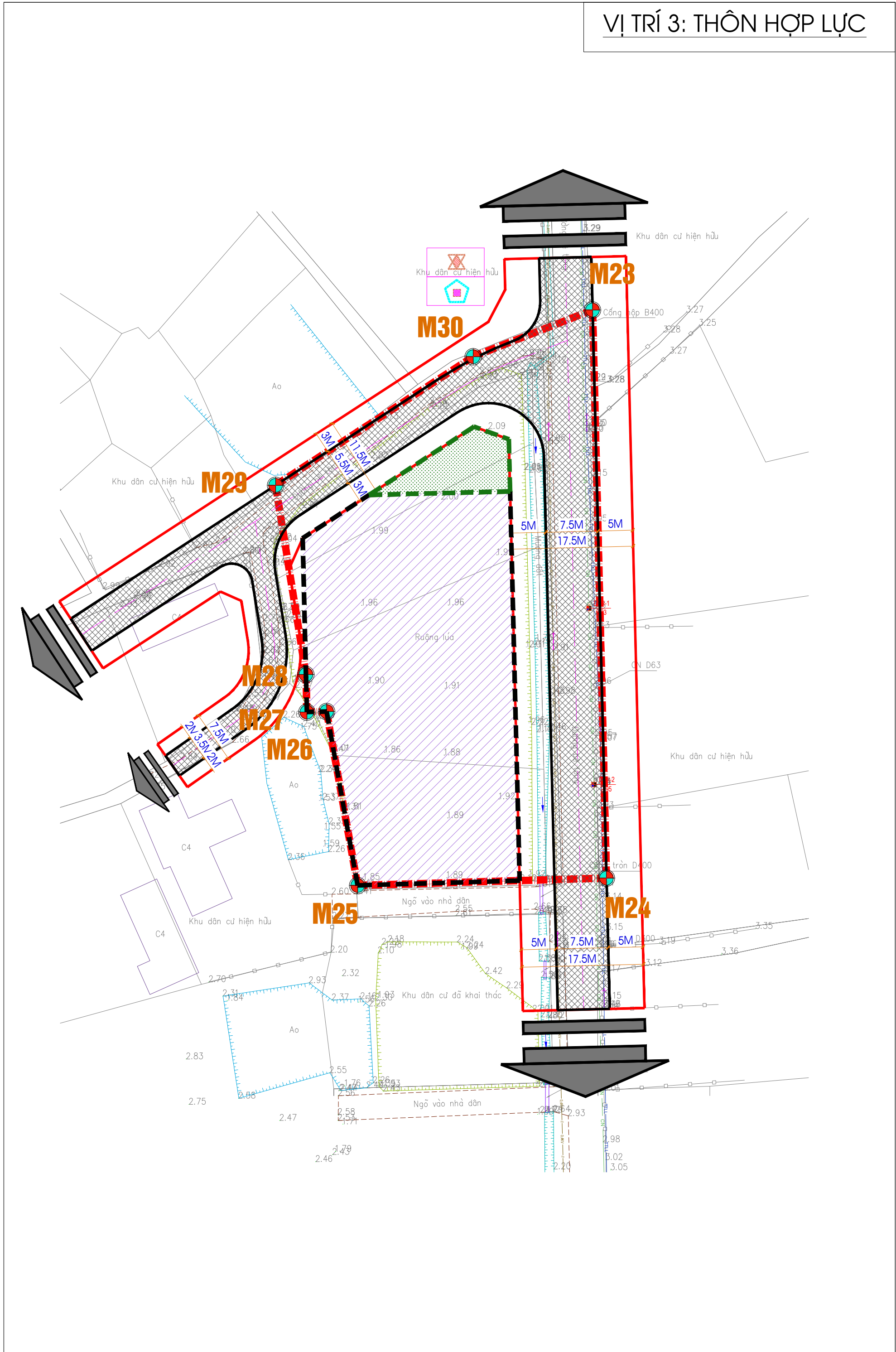
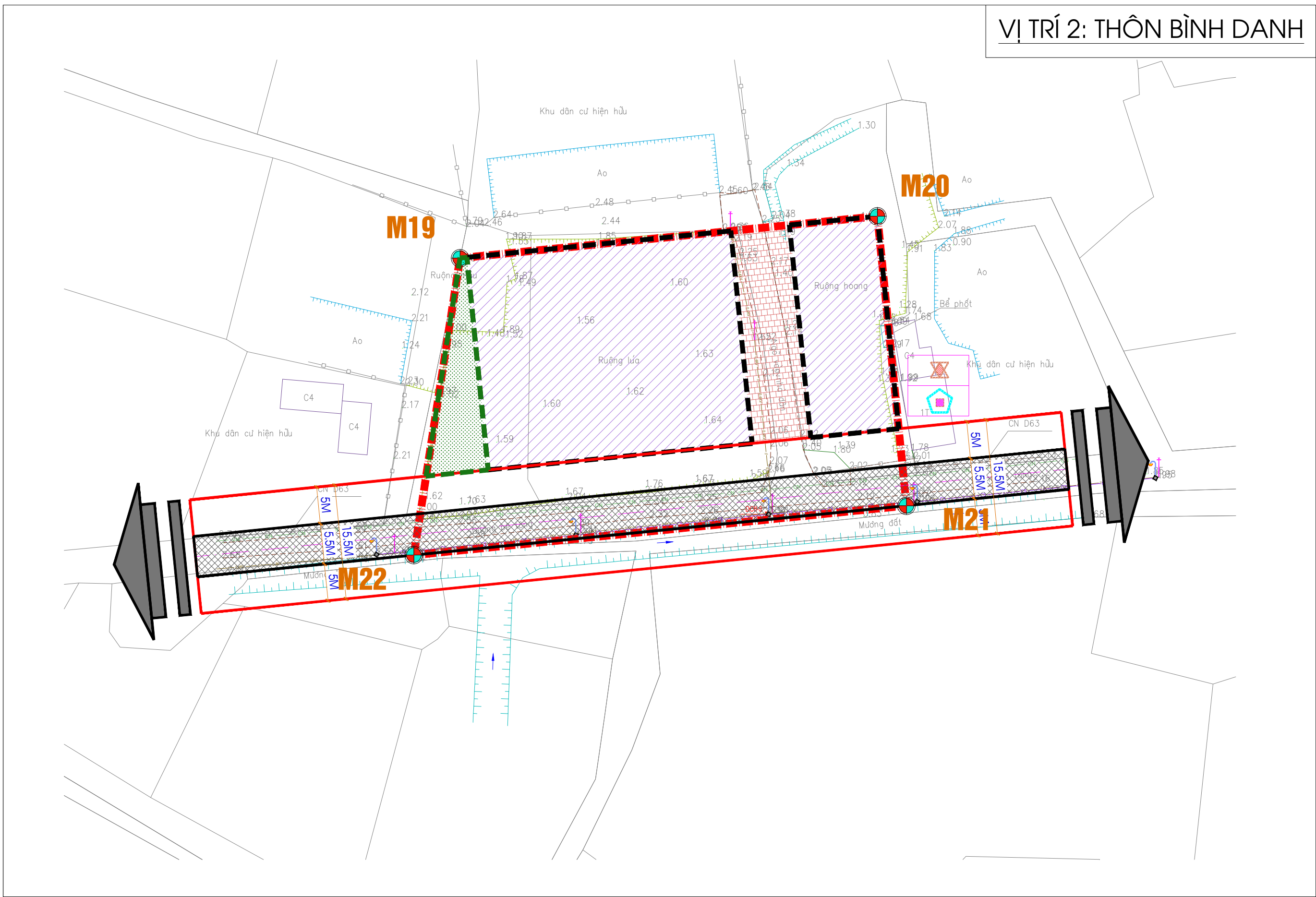
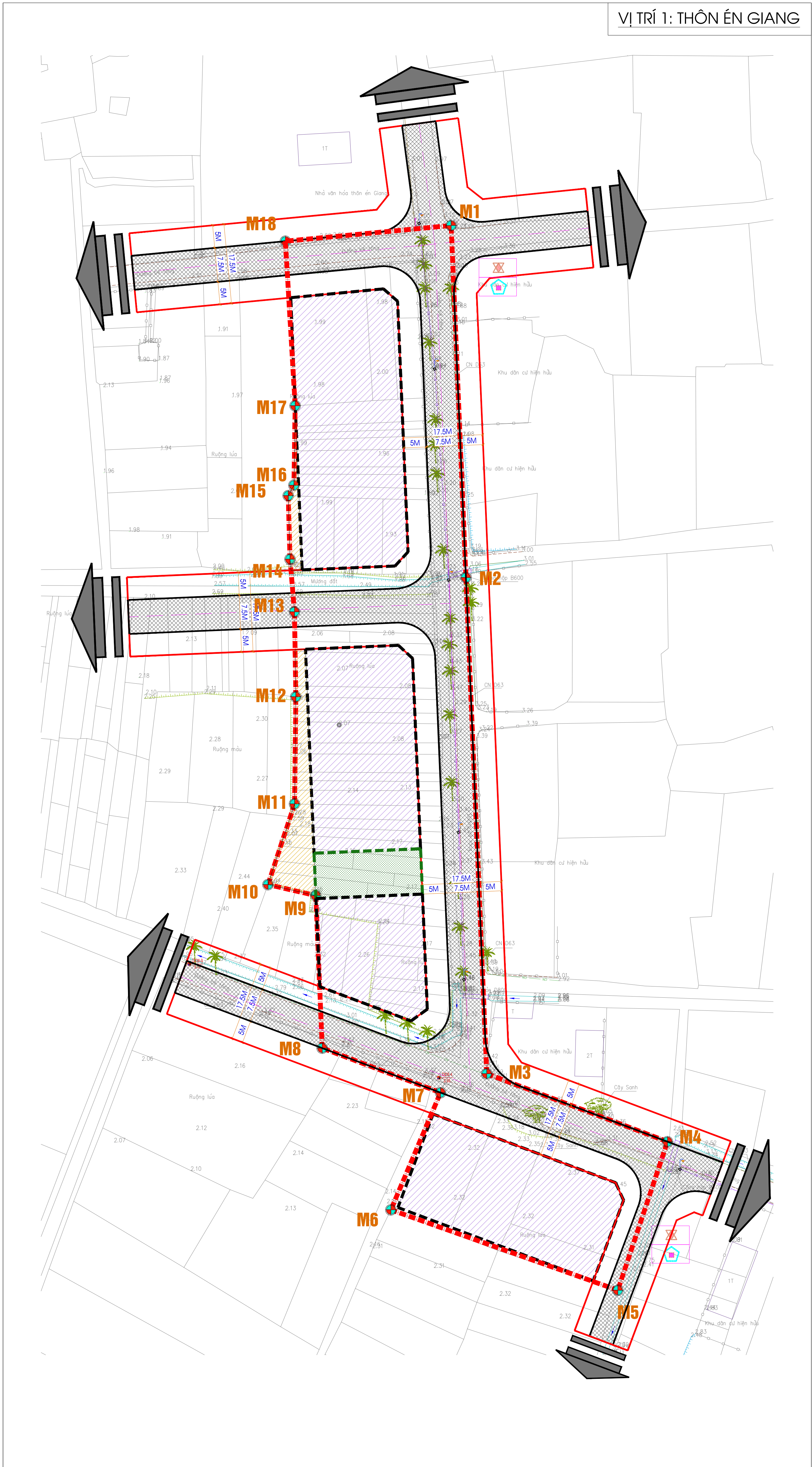
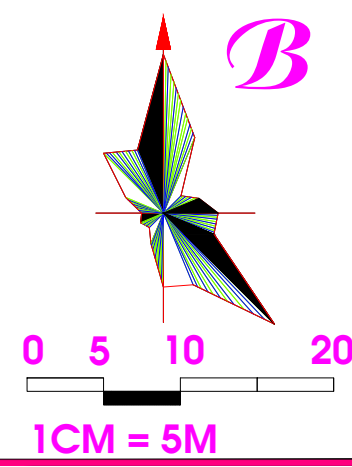
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN ĐĂNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH TST
ĐỊA CHỈ: KHỐI 2, TT RỪNG THÔNG - ĐÔNG SƠN - THANH HÓA
TEL: (037.3) 507.296 - FAX:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ, XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

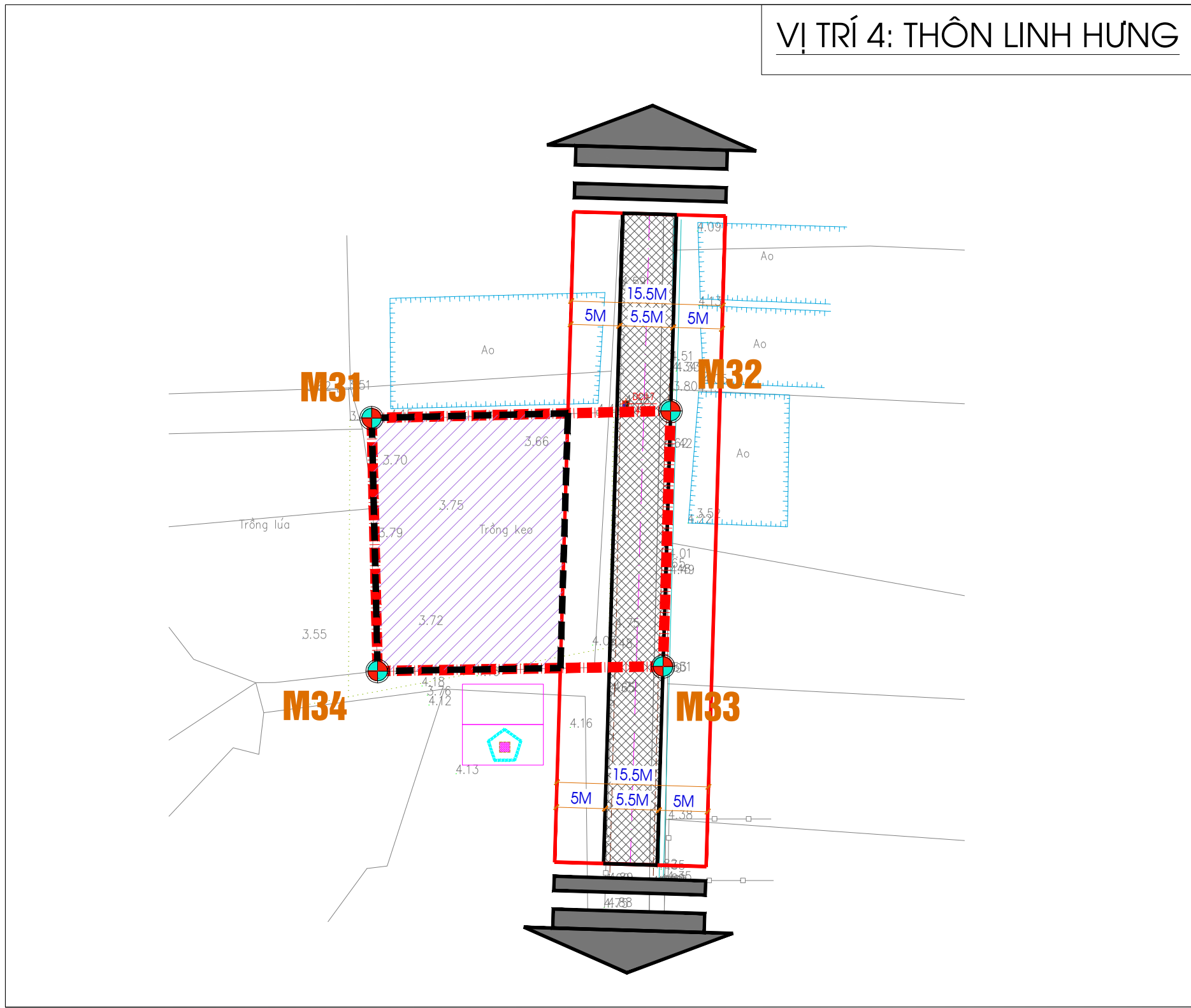
BẢN ĐỒ ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC



TẠO ĐỘ MỐC GIỚI QUY HOẠCH
(THEO MỐC TỌA ĐỘ VN-2000)

STT	X(M)	Y(M)
M1	2179336.8426	579354.0551
M2	2179259.2449	579357.3111
M3	2179149.9074	579361.8990
M4	2179134.9192	579401.7450
M5	2179102.1800	579390.7900
M6	2179119.9000	579340.7800
M7	2179145.7269	579351.7101
M8	2179155.5365	579325.6311
M9	2179189.1595	579324.2203
M10	2179191.5800	579313.6800
M11	2179209.3669	579319.5397
M12	2179232.9700	579319.8200
M13	2179251.7100	579319.5100
M14	2179263.3000	579318.5400
M15	2179277.3000	579318.1400
M16	2179279.5900	579319.4000
M17	2179297.1100	579319.6700
M18	2179333.3754	579317.5119
M19	2178963.0599	579527.5962
M20	2178968.7444	579584.2372
M21	2178929.4418	579588.1818
M22	2178922.7319	579521.3232
M23	2178410.2831	578228.0762
M24	2178328.5647	578230.0774
M25	2178327.5078	578194.2782
M26	2178352.5234	578189.8165
M27	2178352.4539	578186.9796
M28	2178357.8579	578186.8473
M29	2178385.0602	578182.4831
M30	2178403.5747	578210.9107
M31	2177967.8301	579776.3298
M32	2177968.5579	579806.9240
M33	2177942.4188	579806.1487
M34	2177941.9394	579776.9454

BẢNG CHỈ TIÊU QUY HOẠCH KIẾN TRÚC Ô ĐẤT								
STT	KÍ HIỆU	SỐ LÔ	DIỆN TÍCH (M2)	TẦNG CAO (TẦNG)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SĐĐ	TỶ LỆ (%)	DÂN SỐ (NGƯỜI)
A. VỊ TRÍ 1: THÔN ỚN GIANG								
I	ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ (LK)	37,00	4.370,70	2-;-5	69-;-88	4,00	49,65	146,00
1	LK - 1	12,00	1.416,70	2-;-5	85-;-88	4,00	16,09	47,00
2	LK - 2	15,00	1.854,00	2-;-5	69-;-88	4,00	21,06	62,00
3	LK - 3	10,00	1.100,00	2-;-5	88	4,00	12,50	37,00
II	ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN (DTP)		293,90				3,34	
1	DTP-1		53,50				0,61	
2	DTP-2		240,40				2,73	
III	ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT (GT-HTKT)		4.138,83				47,01	
	TỔNG (I+II+III)		8.803,43				100,00	
B. VỊ TRÍ 2: THÔN BÌNH DANH								
I	ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ (LK)	10,00	1.528,10	2-;-5	75-;-81	4,00	62,34	51,00
1	LK - 4	2,00	348,00	2-;-5	75	4,00	14,20	12,00
2	LK - 5	8,00	1.180,10	2-;-5	77-;-81	4,00	48,14	39,00
II	ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT (GT-HTKT)		923,27				37,66	
	TỔNG (I+II)		2.451,37				100,00	
C. VỊ TRÍ 3: THÔN HỢP LỰC								
I	ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ (LK)	12,00	1.647,50	2-;-5	80-;-86	4,00	54,82	55,00
1	LK - 6	12,00	1.647,50	2-;-5	80-;-86	4,00	54,82	55,00
II	ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT (GT-HTKT)		1.357,86				45,18	
	TỔNG (I+II)		3.005,36				100,00	
D. VỊ TRÍ 4: THÔN LINH HUNG								
I	ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ (LK)	4,00	503,40	2-;-5	82-;-87	4,00	64,72	17,00
1	LK - 7	4,00	503,40	2-;-5	82-;-87	4,00	64,72	17,00
II	ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT (GT-HTKT)		274,36				35,28	
	TỔNG (I+II)		777,76				100,00	
	TỔNG (A+B+C+D)	63,00	15.037,92					269,00



DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- KHU VỰC GÂY NHIỄM BẮN MÔI TRƯỜNG MỨC ĐỘ NHẸ
- KHU VỰC GÂY Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ VÀ TIẾNG ỒN
- KHU VỰC KHÔNG GÂY Ô NHIỄM

DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ VÀ TIẾNG ỒN
- QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT
- QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG ĐẤT

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:/QĐ-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2025

ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KÈM THEO VĂN BẢN SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG HỢP
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ NGÀY..... THÁNG NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ,
XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

BẢN VẼ: QH - 11 GHÉP: 1A0 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY:...../...../2025

THIẾT KẾ CHỦ TRÌ KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

QL KỸ THUẬT KS. LƯU TRỌNG THÌN

GIÁM ĐỐC

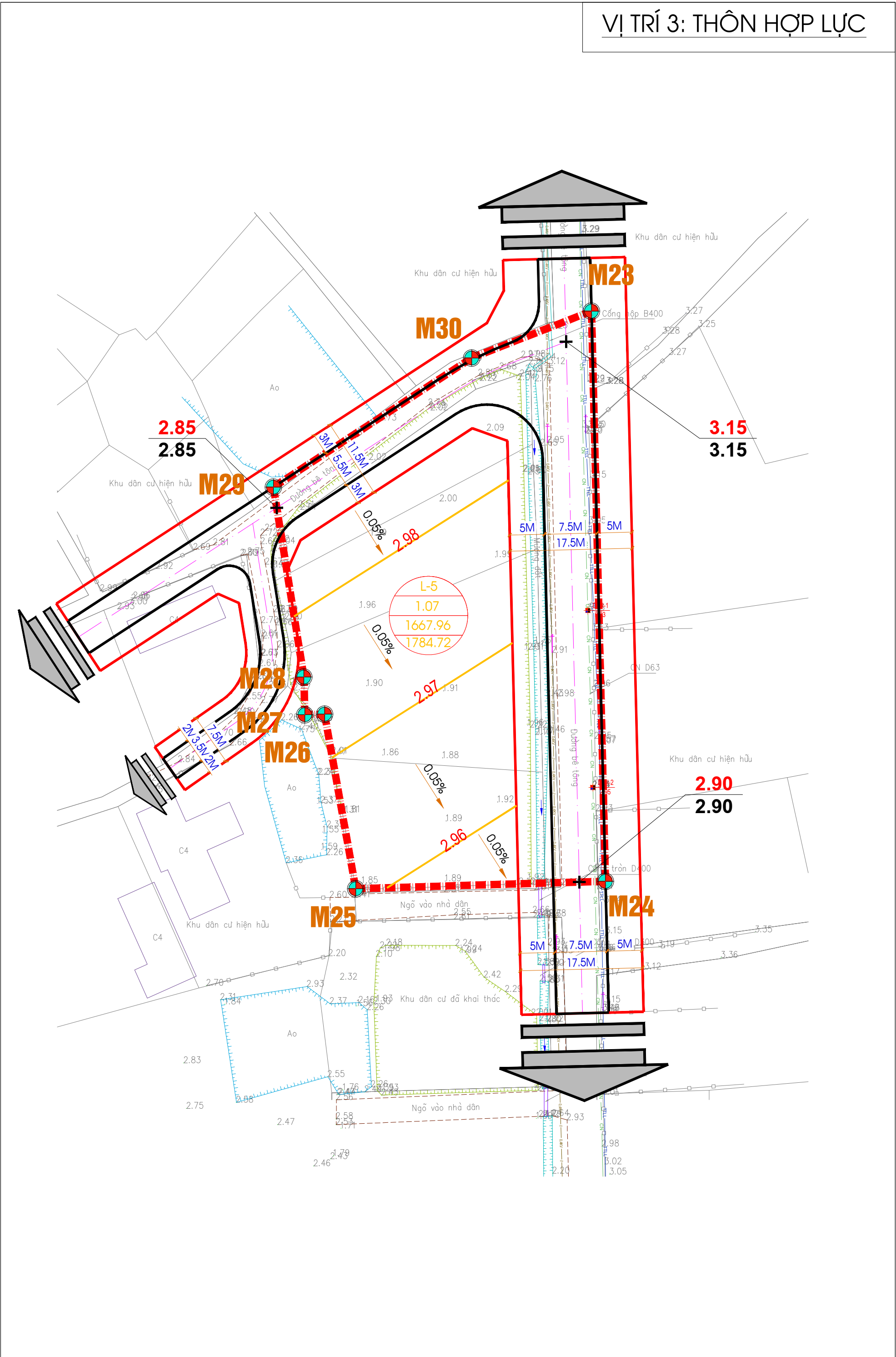
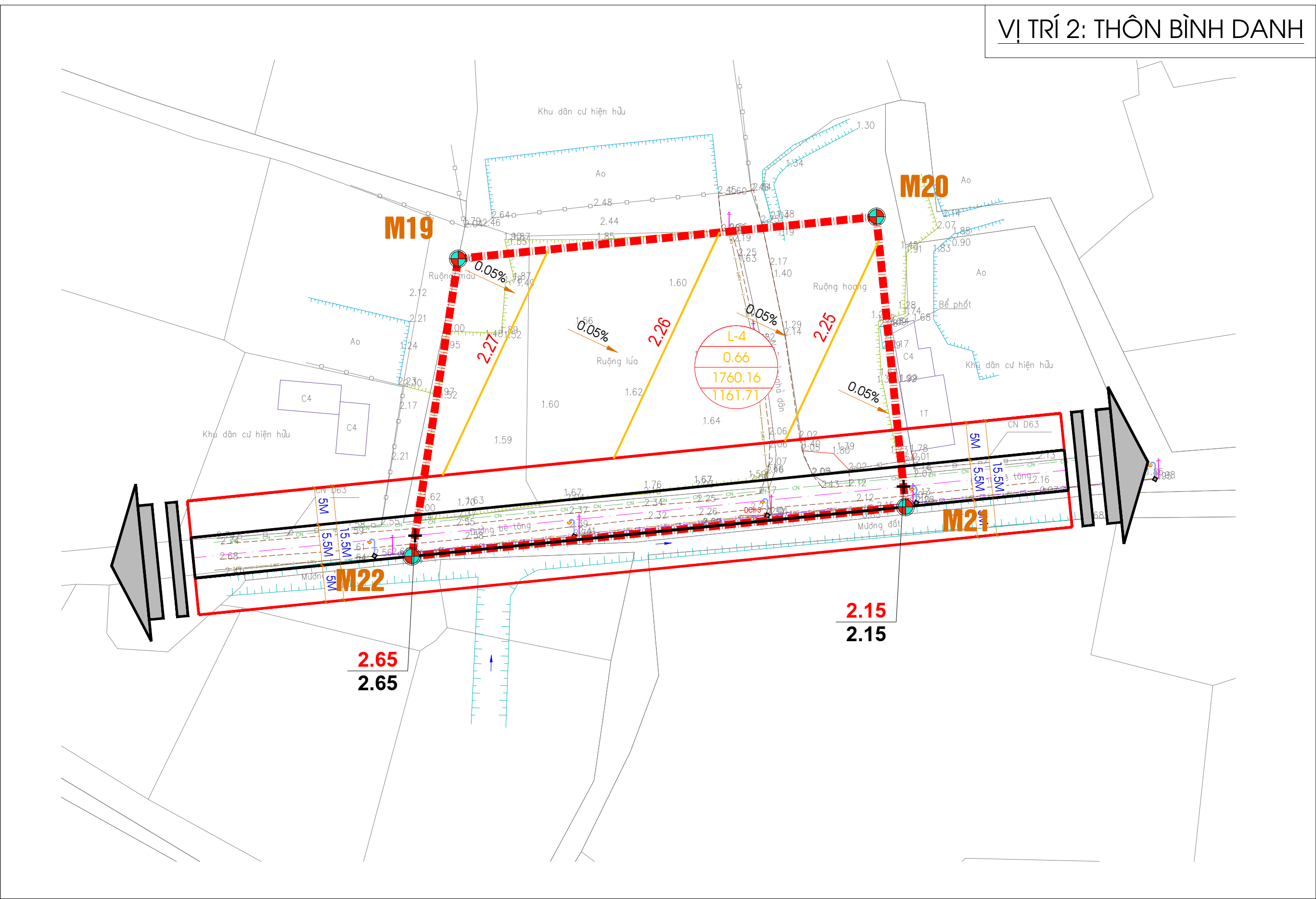
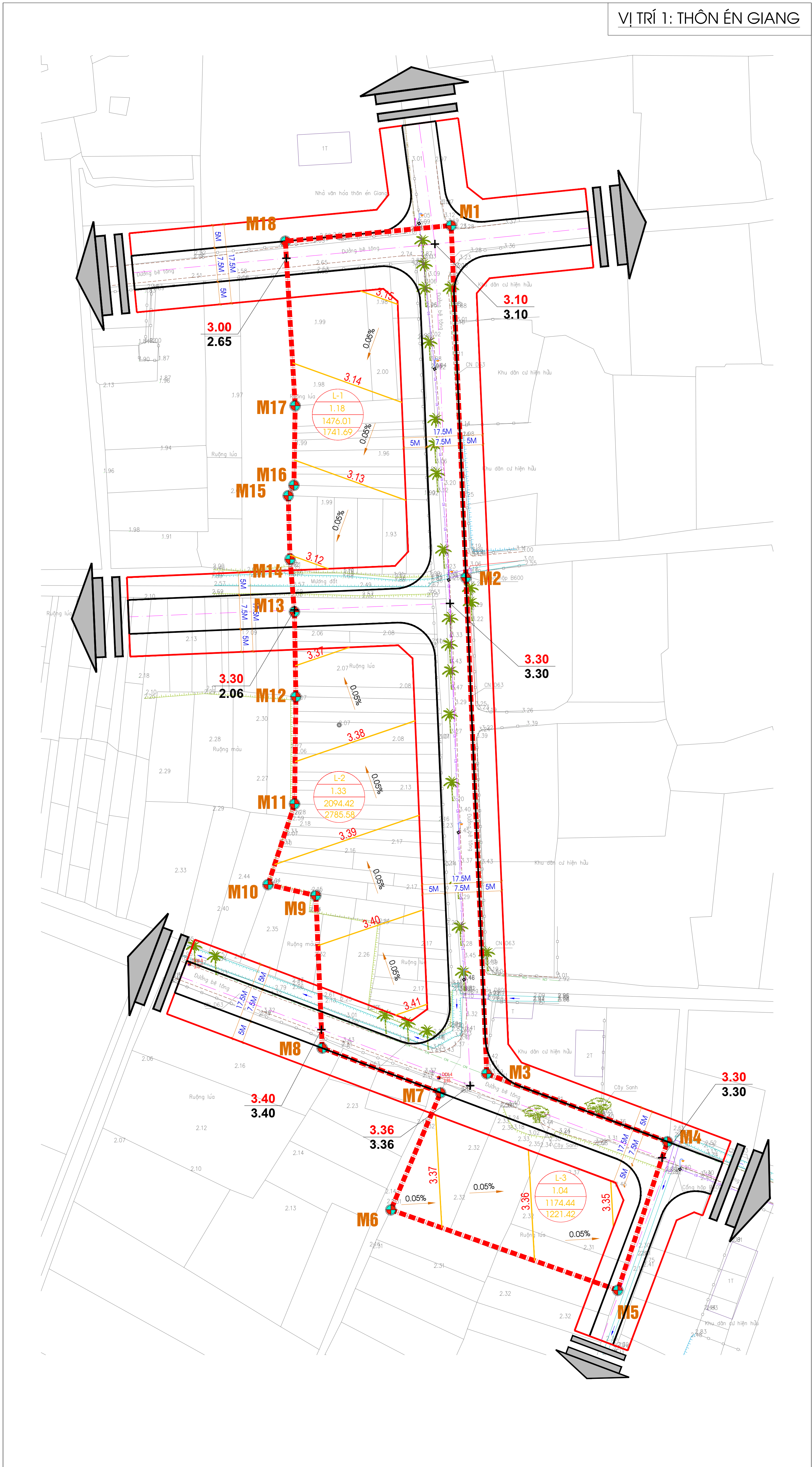
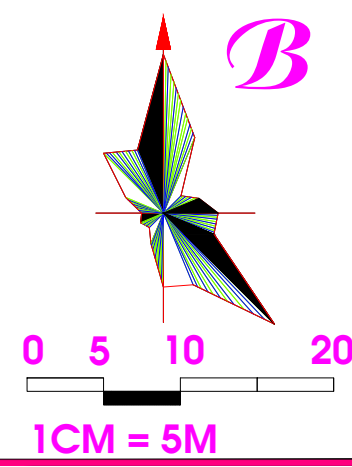
NGUYỄN VĂN ĐĂNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH TST
ĐỊA CHỈ: KHỐI 2, TT RỪNG THÔNG - ĐÔNG SƠN - THANH HÓA
TEL: (037.3) 507.296 - FAX:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ, XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CHIỀU CAO SAN NỀN + TIÊU THỦY

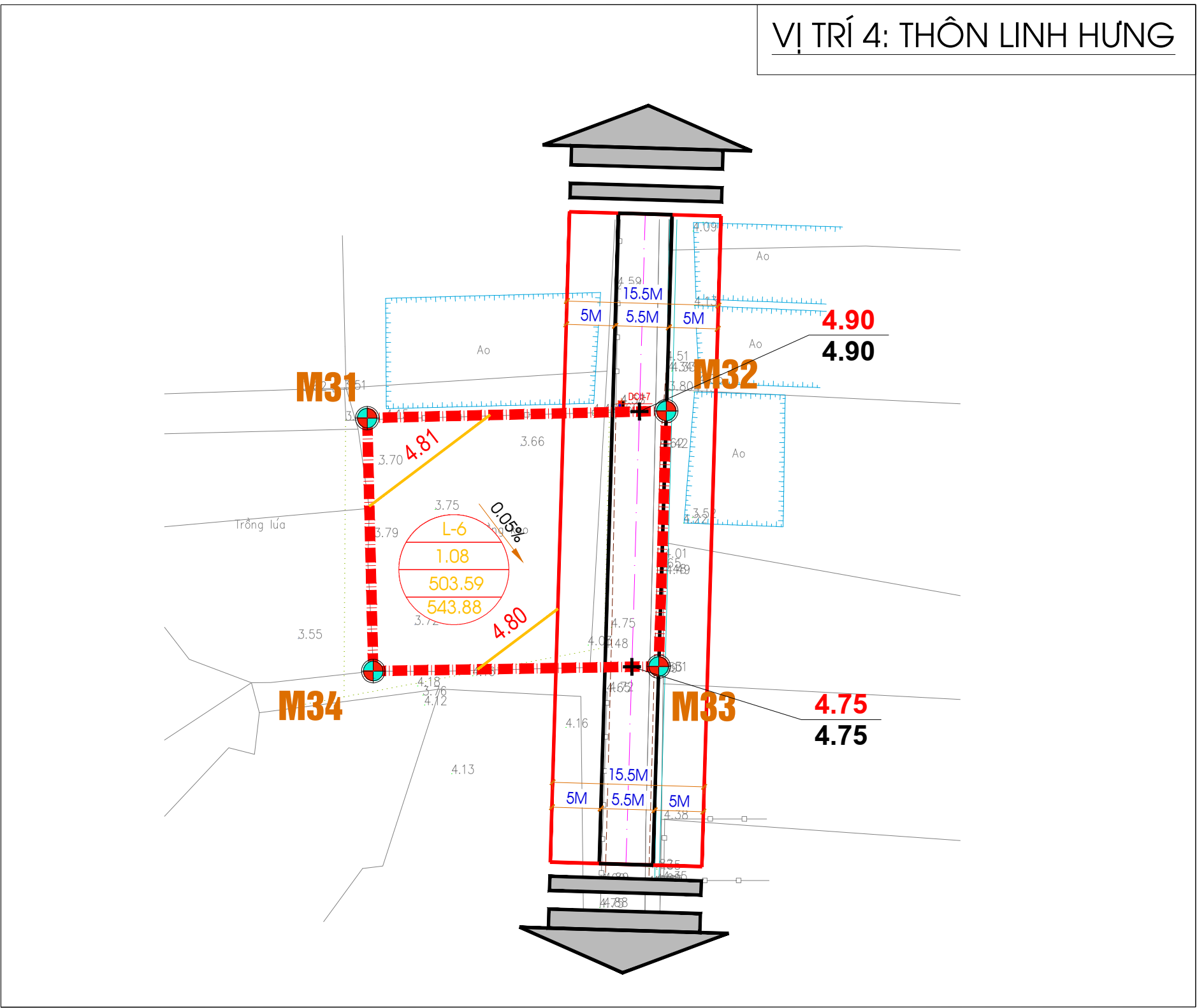


TẠO ĐỘ MỐC GIỚI QUY HOẠCH
(THEO MỐC TỌA ĐỘ VN-2000)

STT	X(M)	Y(M)
M1	2179336.8426	579354.0551
M2	2179259.2449	579357.3111
M3	2179149.9074	579361.8990
M4	2179134.9192	579401.7450
M5	2179102.1800	579390.7900
M6	2179119.9000	579340.7800
M7	2179145.7269	579351.7101
M8	2179155.5365	579325.6311
M9	2179189.1595	579324.2203
M10	2179191.5800	579313.6800
M11	2179209.3669	579319.5397
M12	2179232.9700	579319.8200
M13	2179251.7100	579319.5100
M14	2179263.3000	579318.5400
M15	2179277.3000	579318.1400
M16	2179279.5900	579319.4000
M17	2179297.1100	579319.6700
M18	2179333.3754	579317.5119
M19	2178963.0599	579527.5962
M20	2178968.7444	579584.2372
M21	2178929.4418	579588.1818
M22	2178922.7319	579521.3232
M23	2178410.2831	578228.0762
M24	2178328.5647	578230.0774
M25	2178327.5078	578194.2782
M26	2178352.5234	578189.8165
M27	2178352.4539	578186.9796
M28	2178357.8579	578186.8473
M29	2178385.0602	578182.4831
M30	2178403.5747	578210.9107
M31	2177967.8301	579776.3298
M32	2177968.5579	579806.9240
M33	2177942.4188	579806.1487
M34	2177941.9394	579776.9454

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

Tên lô	Diện tích (m ²)		Khối lượng (m ³)		Chiều cao san nền (m)	
	Đắp nền	Đào nền	Đắp nền	Đào nền	Đắp nền	Đào nền
L-1	1476,01	-	1741,69	-	1,18	-
L-2	2094,42	-	2785,58	-	1,33	-
L-3	1174,44	-	1221,42	-	1,04	-
L-4	1760,16	-	1161,71	-	0,66	-
L-5	1667,96	-	1784,72	-	1,07	-
L-6	503,59	-	543,88	-	1,08	-
Tổng	8676,58	-	9238,99	-	1,06	-



GHI CHÚ

KÝ HIỆU Ô ĐẤT

DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT

CAO ĐỘ ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC

CHIỀU CAO ĐÀO, ĐẮP

KHỐI LƯỢNG ĐÀO, ĐẮP

ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:/QĐ-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2025

ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KÈM THEO VĂN BẢN SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG HỢP
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ,
XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CHIỀU CAO SAN NỀN + TIÊU THỦY

BẢN VẼ: QH - 12 GHÉP: 1A0 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY:...../...../2025

THIẾT KẾ: KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

CHỦ TRÌ: KS. LƯU TRỌNG THÌN

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN ĐĂNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH TST
ĐỊA CHỈ: KHỐI 2, TT RỪNG THÔNG - ĐÔNG SƠN - THANH HÓA
TEL: (037.3) 507.296 - FAX:.....